



ÔN LUYỆN THI ĐẠI HỌC KHỐI

C

MÔN: LỊCH SỬ



Người biên soạn: Nguyễn Công Phúc

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Bài 1

TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH

Câu 1: Trình bày hoàn cảnh, những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta và hệ quả của những quyết định đó.

a. Hoàn cảnh

- Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra cho các nước Đồng minh
- + Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít
- + Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh
- + Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận
- Từ ngày 4 – 11 / 2 / 1945 những người đứng đầu 3 cường quốc (Liên Xô, Anh và Mỹ) họp hội nghị ở Ianta (LX)

b. Nội dung hội nghị

- Xác định mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.
- Thành lập tổ chức Liên Hiệp quốc nhằm duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi chiếm đóng và ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

c. Hệ quả: những qui định của hội nghị Ianta trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là trật tự hai cực Ianta.

Câu 2: Trình bày hoàn cảnh ra đời, mục đích, nguyên tắc hoạt động , vai trò và các cơ quan chính của Tổ chức Liên Hợp quốc. Những cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc đang hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam? Mối quan hệ giữa Việt Nam và tổ chức LHP.

a / Hoàn cảnh ra đời :

- Đầu năm 1945 các nước đồng minh và nhân dân thế giới có nguyện vọng gìn giữ hoà bình, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh
- Tại hội nghị Ianta (2/1945) đã nhất trí thành lập một tổ chức quốc tế để gìn giữ hoà bình, an ninh và trật tự thế giới.
- Từ 25/4 – 26/6/1945 đại biểu của 50 nước họp ở Xanphoranxixco (Mỹ) để thông qua hiến chương Liên Hợp Quốc. Ngày 24/10/1945 trong phiên họp đầu tiên tại Luân Đôn (Anh) được coi là ngày chính thức thành lập Liên Hợp Quốc .

b/ Mục đích:

- Duy trì nền hòa bình và an ninh thế giới.
- Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết các dân tộc.

c/ Nguyên tắc hoạt động:

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và tự quyết của các dân tộc;
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước;
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào;
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình;
- Chung sống hòa bình và nhất trí giữa 5 nước lớn: Liên Xô (Nga), Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

d/ Vai trò : là tổ chức quốc tế lớn nhất, giữ vai trò quan trọng trong việc gìn giữ hòa bình, an ninh quốc tế, giải quyết các tranh chấp, xung đột khu vực, phát triển các mối quan hệ giao lưu giữa các nước thành viên.

e/ Các cơ quan chính:

- Đại hội đồng: Hội nghị của tất cả các nước thành viên mỗi năm họp một lần.
- Hội đồng bảo an: Cơ quan chính trị cao nhất, chịu trách nhiệm về gìn giữ hòa bình, an ninh quốc tế.
- Ban thư kí: Cơ quan hành chính của Liên Hợp quốc, đứng đầu là tổng thư kí do đại hội đồng bầu ra 5 năm một lần theo sự giới thiệu của Hội đồng bảo an.

g/ Những cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc đang hoạt động có hiệu quả tại

Việt Nam:

- Chương trình lương thực (PAM)
- Quỹ nhi đồng (UNICEF)
- Tổ chức lương thực và nông nghiệp (FAO)
- Chương trình phát triển (UNDP)
- Tổ chức văn hoá – giáo dục (UNESCO)
- Tổ chức y tế thế giới (WHO)
- Quỹ tiền tệ (IMF)

e/ Mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên Hiệp Quốc

- 20/09/1977: Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc là thành viên thứ 149, đến năm 2006 LHQ có 192 quốc gia thành viên.
- 16/10/2007, Đại hội đồng đã bầu Việt Nam trở thành thành viên không thường trực của Hội đồng bảo an nhiệm kỳ 2008 - 2009 (1/1/2008 – 31 / 12 / 2009).

Bài 2

**LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991) –
LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)**

Câu 3: Liên Xô từ năm 1945 đến giữa những năm 70 đạt được những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH. Ý nghĩa của những thành tựu đó?

a) Bối cảnh lịch sử khi Liên Xô tiến hành công cuộc xây dựng CNXH

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, nhân dân Liên Xô phải gánh chịu những hi sinh và tổn thất hết sức to lớn: hơn 27 triệu người chết, 1710 thành phố và hơn 70.000 làng mạc bị thiêu huỷ, 32.000 xí nghiệp bị tàn phá.
- Các nước phương Tây bao vây kinh tế và tiến hành chiến tranh lạnh nhằm tiêu diệt Liên Xô và các nước XHCN.
- Phong trào giải phóng dân tộc phát triển.

b) Những thành tựu

- Về kinh tế:

- + Nhân dân Liên Xô đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (1946-1950) trước thời hạn 9 tháng. Công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh, nông nghiệp cũng vượt mức trước chiến tranh, năm 1949 chế tạo thành công bom nguyên tử.
- + Từ năm 1950 đến năm 1975, Liên xô đã thực hiện thắng lợi nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất của CNXH.
- + **Về công nghiệp:** đến nửa đầu những năm 1970, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mỹ)
- + **Về nông nghiệp:** Sản lượng nông phẩm trong những năm 1960 tăng trung bình khoảng 16%/năm.

- Về khoa học- kĩ thuật:

- + Chế tạo thành công bom nguyên tử (1949)
- + Năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
- + Năm 1961, phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái Đất

- Về mặt xã hội: có thay đổi rõ rệt về cơ cấu giai cấp và dân trí.

- +Tỉ lệ công nhân chiếm hơn 55% lao động.
- +Trình độ học vấn của người dân nâng cao: $\frac{3}{4}$ số dân có trình độ trung học và đại học

- Về quân sự

- + Năm 1972, chế tạo thành công tên lửa hạt nhân.
- + Đầu những năm 70, Liên Xô đã đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và tiềm lực hạt nhân nói riêng so với các nước phương Tây.

- Về chính trị:

- + Trong 30 năm đầu sau chiến tranh, tình hình chính trị Liên Xô ổn định.
- + Bên cạnh những thành tựu các nhà lãnh đạo Xô viết mắc phải những thiếu sót, sai lầm chủ quan, nóng vội , ...

c) Ý nghĩa

- Chứng tỏ tính ưu việt của CNXH ở mọi lĩnh vực xây dựng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, củng cố an ninh quốc phòng .
- Làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ .

Câu 3.2: Trong hoàn cảnh Liên bang CHXHCN Xô viết đã tan vỡ như hiện nay, anh (chị) có suy nghĩ gì về những thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô trong giai đoạn từ 1945 đến nửa đầu những năm 70 ?

- Khẳng định những thành tựu đó là có thật
- Không vì sự tan vỡ của Liên Xô hiện nay mà phủ định sạch trơn những thành tựu đó .Bởi vì trong suốt thời gian đó, Liên Xô là thành trì của hoà bình là chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới

Câu 4: Trình bày quá trình khủng hoảng của chế độ XHCN ở Liên Xô. Nguyên nhân chính dẫn đến sự khủng hoảng chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

a) Sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở Liên Xô

- Tình hình kinh tế- xã hội:

- + Cuộc khủng hoảng đầu mỏ 1973, thành tựu của cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật

đòi hỏi các nước phải có cải cách để thích nghi.

+ Liên Xô chậm đề ra những biện pháp sửa đổi để thích ứng với tình hình mới.

+ Cuối những năm 1970- đầu năm 1980, nền kinh tế Liên Xô ngày càng mất cân đối nghiêm trọng, nợ nước ngoài và lạm phát không ngừng tăng lên. Đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Tình hình chính trị diễn biến phức tạp.

- Công cuộc cải tổ (1985-1991).

+ Tháng 3/ 1985, M Gorbachov lên nắm quyền lãnh đạo, đã đưa ra đường lối tiến hành cải tổ. Công cuộc cải tổ được tiến hành trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội.

Qua 6 năm thực hiện, công cuộc cải tổ ngày càng trực trặc, bế tắc và càng rời xa những nguyên tắc XHCN. Đến tháng 12-1990, công cuộc cải tổ về kinh tế thật sự thất bại. sự thiết lập quyền lực của Tổng thống và chuyển sang chế độ đa đảng đã thu hẹp và sau đó thủ tiêu chính quyền xô viết. Xã hội lâm vào rối loạn với những xung đột gay gắt giữa các dân tộc và các phe phái trên toàn liên bang.

- Sự tan rã của Liên bang Xô viết:

+ Ngày 19-8-1991, một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô tiến hành đảo chính. Cuộc đảo chính nhanh chóng bị thất bại. 21-8-1991

+ Đảng cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động 29-8-1991

+ Ngày 21-12-1991, cộng đồng các quốc gia độc lập SNG được thành lập.

+ 25-12-1991, lá cờ búa liềm trên nóc Điện Cremlin bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ XHCN sau 74 năm tồn tại.

b) Nguyên nhân chính dẫn đến sụp đổ CNXH ở Liên Xô:

+ Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, sự thiếu dân chủ và công bằng.

+ Không bắt kịp bước phát triển của khoa học – kỹ thuật.

+ Sai lầm trong quá trình cải tổ.

+ Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Câu 5: Trình bày những nét chính về Liên bang Nga từ 1991-2000.

Liên bang Nga là quốc gia kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô trong quan hệ quốc tế.

- Về kinh tế: từ 1990 – 1995, tăng trưởng bình quân hàng năm của GDP là số âm.

Giai

đoạn 1996 – 2000 bắt đầu có dấu hiệu phục hồi (năm 1990 là -3,6%, năm 2000 là 9%).

- Về chính trị:

+ Tháng 12/ 1993, Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành, quy định thể chế Tổng thống Liên bang.

+ Từ năm 1992, tình hình chính trị không ổn định do sự tranh chấp giữa các đảng phái và xung đột sắc tộc, nổi bật là phong trào ly khai ở Tréc-ni-a.

- **Về đối ngoại:** Một mặt thân phương Tây, mặt khác khôi phục và phát triển các mối quan hệ với châu Á.

* Từ năm 2000, tình hình nước Nga có nhiều chuyển biến khả quan: kinh tế dần hồi phục và phát triển, chính trị và xã hội ổn định, vị thế quốc tế được nâng cao. Tuy vậy, nước Nga vẫn phải đương đầu với nhiều thách thức: nạn khủng bố, ly khai, việc khôi phục và giữ vững vị thế cường quốc Á – Âu ...

Bài 3

CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

Câu 6.1: Trình bày sự thành lập Nhà nước CHDCND Trung Hoa. Ý nghĩa của sự thành lập đó?

a/ Sự thành lập nước CHDCND Trung Hoa

- Năm 1946 - 1949 diễn ra cuộc nội chiến giữa Đảng Quốc Dân và Đảng cộng sản .
- + Ngày 20 – 7 – 1946, Tưởng Giới Thạch phát động cuộc chiến tranh chống Đảng cộng sản TQ.
- + Từ 7 – 1946 đến 6 / 1947 quân giải phóng phòng ngự tích cực.
- + Từ 6 / 1947 quân giải phóng chuyển sang phản công
- Năm 1949 nội chiến kết thúc.
- Ngày 1-10-1949 nước CHDCND Trung Hoa được thành lập .

b/ Ý nghĩa :

- Chấm dứt 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc .
- Xoá bỏ tàn dư phong kiến
- Đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do tiến lên CNXH.
- Tăng cường sức mạnh của hệ thống XHCN và ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 6.2: Trình bày những thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc và thành tựu của 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959).

Thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959).

- + Nhiệm vụ đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục.
- + 1950-1952: Thực hiện thắng lợi công cuộc khôi phục kinh tế.
- + 1953-1957: Thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm đầu tiên.
- + Về đối ngoại, trong những năm 1949-1959, Trung Quốc thi hành chính sách ngoại giao tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng trên thế giới.

Câu 6.3: Trình bày những thành tựu nổi bật của công cuộc cải cách mở cửa (1978 – 2000) của Trung Quốc.

Công cuộc cải cách mở cửa (1978-2000).

- + Tháng 12-1978, Đảng cộng sản Trung Quốc đã vạch ra đường lối cải cách, đến đại hội XIII (10-1978), được nâng lên thành đường lối chung của Đảng:

*** Về kinh tế:**

- Phát triển kinh tế là trọng tâm, tiến hành cải cách và mở cửa , chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN , nhằm hiện đại hóa và xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc, biến Trung Quốc thành nước giàu mạnh, dân chủ và văn minh.
- Năm 1998, kinh tế Trung Quốc tiến bộ nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao

nhất thế giới (GDP tăng 8%), đời sống nhân dân cải thiện rõ rệt. Nền KH-KT, văn hóa, giáo dục Trung Quốc đạt thành tựu khá cao (năm 1964, thử thành công bom nguyên tử, 2003 phóng thành công tàu “Thần Châu 5” vào không gian)

*** Về đối ngoại:**

- Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam...
- Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới, góp sức giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế.
- Vai trò vị trí của Trung Quốc nâng cao trên trường quốc tế, thu hồi chủ quyền Hồng Kông (1997), Ma cao (1999).

Bài 4

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

Câu 7.1: Trình bày các giai đoạn phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc Lào từ 1945-1975.

a / Các giai đoạn :

- Từ 1945-1954 :

- + Lợi dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân Lào đã nổi dậy cướp chính quyền, 12/10/1945 Lào tuyên bố độc lập .
- + Tháng 3/1946, Pháp quay trở lại xâm lược Lào lần 2, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương, nhân dân Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp.
- + 13/8/1950 : thành lập Mặt trận Lào tự do và chính phủ kháng chiến Lào do Hoàng thân Xuphanuvông đứng đầu .
- + Từ 1953-1954 , cuộc kháng chiến của nhân dân Lào phát triển mạnh mẽ . Đặc biệt sau thất bại ở Điện Biên Phủ, Pháp kí hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

- Từ 1954-1975:

- + Từ 1954 đến đầu những năm 60, nhân dân Lào tiến hành kháng chiến chống Mỹ xâm lược, giành được những thắng lợi to lớn (giải phóng 2/3 đất đai, hơn 1/3 dân số cả nước ...)
- + Từ 1964-1973, nhân dân Lào đã đánh bại cuộc “ Chiến tranh đặc biệt ” của Mỹ, buộc Mỹ và tay sai kí hiệp định Viêng-chăn (21/2/1973) lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.
- + Cùng với thắng lợi của cách mạng Việt Nam (30/4/1975) nhân dân Lào tiếp tục đấu tranh giành được toàn bộ chính quyền trong cả nước vào tháng 12/1975.
- + 2/12/1975, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào chính thức được thành lập.

Câu 7.2: Hãy chỉ ra những điểm giống nhau cơ bản của cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này

- Diễn ra trong cùng một thời kì lịch sử, cùng chống kẻ thù chung:

- + 1945-1954 : kháng chiến chống thực dân Pháp .
- + 1954-1975 : kháng chiến chống Mỹ .

- Cùng được Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo :

- + Từ 1930, Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo chung cách mạng 2 nước .
- + Từ 1955, ở Lào có Đảng nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo .

- Cùng giành được những thắng lợi to lớn:

- + 1945: giành được độc lập.
- + 1954: kháng chiến chống Pháp thắng lợi .
- + 1975: kháng chiến chống Mỹ thắng lợi .

Câu 8: Trình bày tiến trình của cách mạng Campuchia từ 1945 đến nay?

Vào cuối thế kỷ XIX Campuchia trở thành thuộc địa của Pháp, trong chiến tranh các nước Đông Dương đều bị Nhật chiếm đóng.

+Giai đoạn 1945 – 1951:

-Ngày 9/10/1945 Pháp trở lại xâm lược, phong kiến CPC chấp nhận sự thống trị của Pháp.

+ Giai đoạn 1951 – 1954: Dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM CPC thu được nhiều thắng lợi.

-Ngày 17/4/1950 thành lập mặt trận dân tộc thống nhất và chính phủ kháng chiến lâm thời.

-Ngày 19/6/1951 các lực lượng vũ trang thống nhất thành quân đội cách mạng

-Tháng 7/1951 Đảng nhân dân cách mạng được thành lập.

-Trong những năm 1953 – 1954, vùng giải phóng chiếm lãnh thổ và dân số chiếm gần 2 triệu người.

-Do Xihanúc tiến hành cuộc vận động ngoại giao, ngày 09/11/1953 Pháp trao trả độc lập cho CPC, nhưng vẫn nắm quyền. Tháng 7/1954 Pháp mới công nhận độc lập thật sự.

+ **Giai đoạn 1954 – 1975:** Chính phủ Xihanúc thực hiện đường lối hòa bình, trung lập để xd đất nước.

- Ngày 18/3/1970 Mỹ dùng tay sai đảo chính lật đổ Sihanúc, biến CPC thành thuộc địa kiểu mới.

- Ngày 17/4/1975 được sự giúp đỡ của Việt Nam, CPC được giải phóng.

+ Giai đoạn 1975 – 1979: Tập đoàn Pôn-pốt – Iêng-xari phản bội CM tiến hành cuộc diệt chủng.

- Ngày 03/12/1978 mặt trận cứu quốc CPC thành lập, được sự giúp đỡ của bộ đội Việt Nam ngày 07/01/1979 chế độ diệt chủng bị lật đổ. Tháng 9/1989 bộ đội Việt Nam rút quân về nước.

+Từ 1979 đến nay:

-Chính phủ PhnômPênh vừa xây dựng đất nước vừa đấu tranh chống các thế lực đối lập.

-Trước những chuyển biến của tình hình quốc tế , chính phủ CPC đã theo dõi đường lối hoà bình, hoà hợp dân tộc , nhằm tiến tới một giải pháp chính trị cho vấn đề CPC

- Ngày 23/10/1991 tại hội nghị quốc tế về CPC được ký, tạo điều kiện cho CPC xây dựng đất nước.

-Tháng 5/1993 được sự giúp đỡ của LHQ ,nhân dân CPC bầu Quốc hội lập hiến, thành lập Vương quốc CPC do Quốc vương Xihanuc đứng đầu.

=> Hiện nay CPC xây dựng đất nước , hoà bình ,độc lập, dân chủ ,tiên bộ xã hội...

Câu 9: Trình bày sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN. Cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập ASEAN? Mối quan hệ giữa ASEAN và Việt Nam?

a) Sự ra đời của tổ chức ASEAN:

Sau khi giành được độc lập, nhiều nước trong khu vực bước vào phát triển kinh tế song gặp nhiều khó khăn và thấy cần phải hợp tác để cùng phát triển.

- Họ muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

- Các tổ chức hợp tác khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau.

- Do đó, 8-8-1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin)

- Mục tiêu: xây dựng mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng ĐNÁ hùng mạnh.

b) Quá trình phát triển:

- 1967-1975: ASEAN là một tổ chức non yếu, hợp tác lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế.

- Tháng 2-1976 tại hội cấp cao ASEAN lần thứ nhất họp tại Bali (Indônêxia), Hiệp ước Bali được kí kết với nội dung chính là tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác ở Đông Nam Á. Từ đây ASEAN có sự khởi sắc.

- Lúc đầu, ASEAN thực hành chính sách đối đầu với các nước Đông Dương. Song từ thập niên 80, khi vấn đề CPC được giải quyết, các nước này đã bắt đầu quá trình đối thoại, hòa dịu.

- Năm 1984, Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.

- Tiếp đó, ASEAN kết nạp thêm Việt Nam (1995), Lào và Myanma (1997), CPC (1999).

Như vậy, ASEAN từ 5 nước sáng lập ban đầu đã phát triển thành 10 nước thành viên hợp tác ngày càng chặt chẽ về mọi mặt.

c) Thời cơ và thách thức khi Việt Nam gia nhập ASEAN:

+ **Thời cơ:** Tạo điều kiện cho Việt nam hòa nhập cộng đồng khu vực vào thị trường các nước Đông Nam Á, Thu hút vốn đầu tư, mở ra thời cơ giao lưu học tập, tiếp thu trình độ KHKT công nghệ và văn hóa... để phát triển đất nước.

+ **Thách thức:** Việt nam phải chịu sự cạnh tranh quyết liệt nhất là kinh tế. Hòa nhập nếu không đứng vững dễ bị tụt hậu về kinh tế và bị “Hòa tan” về chính trị, văn hóa, xã hội.

d). Mối quan hệ giữa ASEAN và Việt Nam:

***Thời kỳ 1967-1973:** Một số nước ASEAN là thành viên của khối SEATO (Philippines và Thái lan) là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến ở Việt Nam, dẫn đến quan hệ căng thẳng.

***Thời kỳ 1973-1978:**

- Sau hiệp định Paris (1973) Việt Nam đặt quan hệ ngoại giao với Malaysia và Singapore , đến 1976 đặt quan hệ với Thái lan và Philippines.

- Các bên đã tổ chức nhiều cuộc thăm chính thức lẫn nhau , đặt quan hệ hợp tác song phương và đa phương trên mọi lĩnh vực.

***Thời kỳ 1979-1989 :** Do vấn đề Campuchia , nên có quan hệ đối đầu ,các quan hệ bị đình trệ.

***Thời kỳ 1989-1992:**

-Quan hệ chuyển dần từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác cùng tồn tại hoà bình :(Có sự thay đổi trong quan hệ giữa 5 nước lớn trong Hội đồng bảo an ; ĐNÁ về thời kỳ hoà bình ,ổn định trong hợp tác và pháp triển...)

-Giữa ASEAN và các nước ĐĐ đã có nhiều cuộc tiếp xúc, trao đổi và hợp tác trên mọi lĩnh vực.

-Các nước ASEAN có vốn đầu tư vào Việt Nam ngày càng tăng.

***Thời kỳ 1992-1995:**

- 22/7/1992 Việt Nam được mời làm quan sát viên.

- 28/7/1995 VN chính thức gia nhập ASEAN.

- Đây là một sự kiện quan trọng trong việc thúc đẩy xu thế hoà bình, ổn định và hợp tác ở khu vực Đông Nam Á.

Câu 10: Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á có những biến đổi như thế nào? Trong những biến đổi đó biến đổi nào quan trọng nhất? Vì sao?

a) Các nước Đông Nam Á:

- Đông Nam Á gồm 11 nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Indônêsi-a, Malaysia, Philippin, Singapore, Myanma, Brunay và Đôngtimo.

- Trước 1945 đều là thị trường và thuộc địa của tư bản Phương Tây, sau năm 1945 có nhiều biến đổi.

b) Những biến đổi to lớn từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Biến đổi thứ nhất:** Từ các nước thuộc địa, nửa thuộc địa trước chiến tranh thế giới thứ hai, đến nay Đông Nam Á trở thành các nước độc lập và xây dựng đất nước theo mô hình kinh tế – xã hội khác nhau:

+**Việt Nam:** Là thuộc địa của Pháp, Nhật. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã giành được độc lập. Sau đó phải tiến hành cuộc k/c chống Pháp lần 2 và cuộc kháng chiến chống Mĩ đến 30/4/1975 mới thắng lợi hoàn toàn.

+**Lào:** thuộc địa của Pháp, Mĩ đến ngày 02/12/1975 mới giành thắng lợi.

+**Campuchia:** thuộc địa của Pháp, Nhật, Mĩ, sau năm 1975 phải chống Pôn-pốt đến 07/01/1979 mới thắng lợi.

+ **Indônêsi-a:** thuộc Hà Lan, sau 1945 Hà Lan tái chiếm, nhân dân đấu tranh đến 1965

mới độc lập hoàn toàn.

+ **Malaysia:** thuộc địa của Anh, đến 8/1957 mới độc lập.

+ **Philippin:** là thuộc địa của Mĩ đến tháng 7/1946 Mĩ mới công nhận độc lập.

+**Singapore:** thuộc địa của Anh, nhân dân đấu tranh đến 1957 Anh mới công nhận độc lập.

+**Thái Lan:** Sau 1945 Mĩ hất chân Anh kiểm soát Thái Lan.

+ **Myanma:** là thuộc địa của Anh, tháng 10/1947 Anh công nhận độc lập.

+ **Brunây:** là thuộc địa của Anh, đến tháng 01/1984 được Anh trao trả độc lập.

+**Đôngtimo:** thuộc Indônêsi-a đến tháng 5/2002 tách khỏi Indônêsi-a, trở thành quốc gia độc lập

- **Biến đổi thứ 2:** Sau khi giành độc lập các nước ĐNÁ ra sức xây dựng và phát triển nền kinh tế, xã hội và đạt được nhiều thành tựu to lớn như : + Malaysia, Indônêsi-a, Thái Lan (đặc biệt là Singapore, nước phát triển nhất Đông Nam Á)
- **Biến đổi thứ 3:** Đến 30/4/1999 có 10/10 nước ĐNÁ là thành viên của khối (ASEAN), đây là một liên minh kinh tế, chính trị ở khu vực, nhằm xây dựng một ĐNÁ vững mạnh, tự lực tự cường.

c) Biến đổi quan trọng nhất:

- Là biến đổi từ thân phận các nước thuộc địa, nửa thuộc địa trở thành nước độc lập.
- Nhờ đó các nước Đông Nam Á mới có những điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của mình ngày càng phồn vinh.

Câu 11: Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN. Tại sao từ những năm 60 các nước này lại thay đổi chiến lược phát triển kinh tế ? Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

a/ Chiến lược kinh tế hướng nội

- **Nội dung :** đẩy mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế

hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.

- **Thành tựu :** đáp ứng được yêu cầu cơ bản của nhân dân trong nước, phát triển một số

ngành chế biến, chế tạo, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp.

- **Hạn chế:** thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ ..., đời sống người lao động còn khó khăn, chưa giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội.

b/ Chiến lược kinh tế hướng ngoại:

- **Nội dung:** “ mở cửa” nền kinh tế, thu hút vốn, kĩ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất

hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

- **Thành tựu:** tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp,

mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.

- **Hạn chế:** phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lý.

c/ Lý do các nước trên thay đổi chiến lược phát triển kinh tế

- Chiến lược kinh tế hướng nội bộc lộ nhiều hạn chế, cần phải thay đổi để khắc phục những hạn chế đó.

- Để phù hợp với xu thế chung của nền kinh tế thế giới

d/ Bài học cho Việt Nam

- Việt Nam cũng cần phát triển nền kinh tế theo xu hướng hướng ngoại
- Cần tăng cường nội lực, phát huy tính chủ động để tránh nguy cơ bị lệ thuộc quá nhiều vào những yếu tố bên ngoài

Câu 12: Nêu nguyên nhân, diễn biến, đặc điểm chủ yếu của phong trào đấu tranh giành độc lập Ấn Độ từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay.

a. Nguyên nhân:

Thắng lợi của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống Phát xít ,đã cổ vũ và tạo

điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ.

b. Diễn biến:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại do Gandhi đứng đầu, nhân dân Ấn Độ đã anh dũng đấu tranh với nhiều hình thức : khởi nghĩa, bãi công ,bãi khoá, bãi thị...

- Ngày 19/2/1946 hai vạn thủy binh ở Bom Bay khởi nghĩa chống thực dân Anh đòi độc lập.

- Bãi công của 20 vạn công nhân và sinh viên ,học sinh và quân chúng ở Bom Bay , cuộc tổng bãi công và khởi nghĩa kéo dài 3 ngày.

- Hưởng ứng phong trào, công nhân ở Cancutta nổi dậy đấu tranh

- Ở nông thôn nông dân đấu tranh ,chi nộp 1/3 hoa lợi cho địa chủ(phong trào Têphaga), nhiều nơi nông dân nổi dậy cướp tài sản của địa chủ.

- Trước sự phát triển của phong trào ,thực dân Anh phải thay đổi hình thức cai trị:

Ngày 15/8/1947 thực dân Anh thoả hiệp với giai cấp tư sản Ấn Độ ,với kế hoạch (Maobátton), chia Ấn Độ thành hai quốc gia theo tôn giáo : Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pakistan của những người theo Hồi giáo(3/1971 vùng đông Pakistan tách ra thành lập nước Bangladesh)

Cả 2 nước được hưởng qui chế tự trị.

- Nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại ,tiếp tục đấu tranh đòi thực dân Anh phải trao trả độc lập.

- Ngày 26/1/1950 Anh công nhận độc lập hoàn toàn , cộng hoà Ấn Độ chính thức được thành lập.

- Sau khi giành được độc lập ,Ấn Độ tiến hành những cải cách về kinh tế ,chính trị, xã hội... nhằm xoá bỏ nghèo nàn ,lạc hậu nhằm xây dựng Aán Độ thành đất nước giàu đẹp.

c. Đặc điểm chủ yếu: Được thể hiện ở ý chí quyết tâm của nhâ dân ,dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại, từ phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn của quần chúng ,tiến lên khởi nghĩa vũ trang buộc thực dân Anh phải trao trả độc lập.

Bài 5

CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MỸ LA TINH

Câu 13: Hãy trình bày quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào GPDT ở Châu Phi? Hiện nay châu Phi còn gặp những khó khăn gì ? Đặc điểm?

a.Khái quát:

Châu Phi có diện tích 30.3 triệu km2, với 54 quốc gia ,dân số khoảng 800 triệu người, có nhiều lâm thổ sản quý, tài nguyên thiên nhiên phong phú..; Nhưng dưới ách thống trị của thực dân Phương Tây ,các nước Châu Phi vẫn nghèo nàn, lạc hậu.

b.Các giai đoạn phát triển:

Sau chiến tranh thế giới thứ II , phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, được gọi là lục địa mới trời dậy

+ **Giai đoạn 1945 – 1954:** Phong trào nổ ở Bắc Phi với thắng lợi trong cuộc chính biến CM của binh lính và sĩ quan Ai Cập (3/7/1952) lật đổ nền thống trị của thực dân Anh, thành lập nước cộng hòa Ai Cập (18/6/1953)

+ **Giai đoạn 1954 – 1960:** Thắng trong trận Điện Biên Phủ của Việt Nam ,đã cổ vũ các thuộc địa của Pháp ở các nước Bắc Phi và Tây Phi đứng lên đấu tranh giành độc lập: Angiêri (1954 – 1962), Maroc, Xuđăng (1956) Ghana (1957) ...

+ **Giai đoạn 1960 – 1975:**

- Năm 1960 có 17 nước giành độc lập, nên gọi là “Năm Châu Phi” , mở đầu giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi của CM Angiêri (1962), Etiôpia (1974), Môđambích, Aêngola (1975) ... Chủ nghĩa thực dân cũ cơ bản bị sụp đổ.

+**Giai đoạn từ 1975 đến nay:**

Đây là giai đoạn hoàn thành phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Tháng 3/1991 Namibia tuyên bố độc lập.

- Phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi mạnh thành cao trào cách mạng rộng rãi trong đông đảo quần chúng, đến 1990 giành thắng lợi quan trọng(chủ tịch Man đê la, được trả tự do, Đảng cộng sản được thừa nhận là một tổ chức hợp pháp, các đạo luật về phân biệt chủng tộc bị bãi bỏ.

- Tháng 4/1994 ông Măngđêla được bầu làm tổng thống nước Nam Phi mới ,dân chủ và không còn phân biệt chủng tộc .

c.Những khó khăn của các nước Châu Phi sau ngày độc lập:

- Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân mới, vơ vét , bóc lột về kinh tế của các cường quốc phương Tây.

- Nghèo đói , mù chữ , bệnh tật và nợ nước ngoài tăng.

- Sự bùng nổ dân số cao (dự kiến đến năm 2020 ,dân số Châu Phi khoảng 1,6 tỉ.

- Trong những năm gần đây, được sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, nhân dân các nước châu Phi đã và đang xây dựng đất nước giàu đẹp ,tiến bộ , văn minh.

d. Đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi:

- Năm 1963 thành lập tổ chức thống nhất châu phi(OAU) ,tổ chức này có vai trò quan trọng trong việc phối hợp hành động và thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh cách mạng ở các nước Châu Phi.

- Giai cấp tư sản dân tộc ở châu Phi lãnh đạo các cuộc đấu tranh, vì giai cấp vô sản ở đây chưa trưởng thành, chưa có một chính Đảng độc lập.

- Hình thức đấu tranh chủ yếu là đấu tranh chính trị và thương lượng.

- Mức độ độc lập và sự phát triển của các nước không đồng đều.

- Phong trào tuy phát triển rộng khắp và dâng cao, nhưng không đồng đều giữa các khu vực.

Câu 14: Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ la tinh? Hãy phân tích đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹlatinh?

a). Khái quát:

- Khu vực Mỹlatinh có hơn 33 nước cộng hoà, từ Mexico đến hết nam Mỹ, diện tích trên 20 triệu km² ,là khu vực giàu tài nguyên đặc biệt là nông lâm thổ sản.

- Trước chiến tranh ,hình thức là những quốc gia độc lập, nhưng trong thực tế đều lệ thuộc vào Mỹ.

- Sau CTTG II : Mỹ tìm cách biến khu vực Mỹ Latinh thành “sân sau” của mình và xây dựng các chế độ độc tài thân Mỹ □ cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu Ba do Phidên Caxtorô lãnh đạo.

- Tháng 3/1952 , Mỹ đã giúp Batista thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu Ba □ nhân dân Cu Ba đứng lên đấu tranh , mở đầu bằng cuộc tấn công vào trại lính Môncađa của 135 thanh niên yêu nước do Phidên Caxtorô chỉ huy(1953).Ngày 1/1/1959 , chế độ độc tài Batista sụp đổ , nước Cộng hòa Cu Ba ra đời do Phidên Caxtorô đứng đầu.

- Trong các thập niên 60-70 , phong trào đấu tranh chống Mỹ và chế độ độc tài thân Mỹ phát triển và giành nhiều thắng lợi:

+ Cuộc đấu tranh của nhân dân Panama thu hồi kênh đào Panama (1964-1999)

+ Năm 1983 ở vùng Caribê có 13 quốc gia giành độc lập.

+ Cùng với các hình thức đấu tranh : nổi dậy của nông dân , đấu tranh nghị trường , cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Vê-nê-xuê-la , Goatemala , Cô-lôm-bia , Peru , Nicaragua, Mỹ Latinh được mệnh danh “Lục địa bùng cháy”.

Kết quả : chính quyền độc tài nhiều nước bị lật đổ , các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.

b/Tình hình phát triển kinh tế-xã hội

***Trong những thập niên 50-70:**

- Đạt những thành tựu đáng khích lệ , một số nước trở thành nước NICs như Braxin, Áchentina , Mêhicô

- Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế quốc dân bình quân 15,5% , GDP năm 1960 là 69,4 tỉ USD 1979:599,3 tỉ USD.

- Riêng Cu Ba: đang tiến hành xây dựng CNXH và đạt nhiều thành tựu to lớn:

+ Từ nền nông nghiệp độc canh (mía) và nền công nghiệp đơn nhất (mỏ) đã xây dựng được nền công nghiệp với cơ cấu hợp lý và nền nông nghiệp sản xuất nhiều nông phẩm.

+ Đạt thành tựu cao về văn hóa , giáo dục , y tế...

*Thập niên 80 : suy thoái về kinh tế , lạm phát tăng nhanh , khủng hoảng trầm trọng, nợ

nước ngoài biến động chính trị.

* Thập niên 90 : kinh tế chuyển biến tích cực nhưng những khó khăn về kinh tế - xã hội vẫn còn trầm trọng.

Câu 15: Trình bày quá trình phát triển của cách mạng Cuba? Kết quả và ý nghĩa?

a/ Quá trình phát triển của cách mạng Cuba:

- Từ những năm cuối thế kỷ XIX , Cuba trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ .

- Sau chiến tranh thế giới thứ II , nhằm ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc ở Cuba, Mỹ đã tổ chức cuộc đảo chính nhằm thiết lập chế độ độc tài quân sự do Batista cầm đầu(10/3/1952).

- Chính quyền Batista đã giải tán QH, xóa bỏ Hiến pháp, cấm các Đảng phái chính trị hoạt động , khủng bố những nhà yêu nước ... Nhưng nhiều cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài vẫn phát triển, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

- Ngày 26/7/1953 Phidén Castro cùng 35 thanh niên yêu nước đã tấn công vào trại lính Moncada ở Sanchiago, cướp vũ khí ,trang bị cho nhân dân, nhằm thức tỉnh lòng yêu nước ,chuẩn bị phát động phong trào khởi nghĩa vũ trang trong cả nước.
- Cuộc khởi nghĩa thất bại Phidén Castro và các đồng chí của ông bị bắt, sự kiện 26/7 đánh dấu sự mở đầu giai đoạn đấu tranh vũ trang, trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Cuba.
- Năm 1955 Phidén Castro được thả tự do, nhưng bị chính quyền Batista trục xuất sang Mêxico, tại Mêxico, ông tập hợp những thanh niên Cuba yêu nước, quyên góp vũ khí ,luyện tập quân sự chuẩn bị trở về tổ quốc.
- Tháng 11/1956 Ông cùng 81 chiến sĩ yêu nước, từ Mexico đáp tàu Garanma vượt biển trở về nước , sau 7 ngày lênh đênh trên biển, vừa tới bờ thì bị quân Batista tấn công , cuộc chiến không cân sức , Phidén Castro và 11 chiến sĩ còn sống sót, vượt vòng vây về xây dựng căn cứ cách mạng tại Xiera Maextra , đưa phong trào chiến tranh du kích phát triển ra các địa phương.
- Tháng 5/1958 nghĩa quân đã đánh bại cuộc hành quân càn quét khu giải phóng của Batista, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1000 tên.
- Cuối năm 1958 nghĩa quân đã giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn, đến cuối tháng 12/1958 , tập đoàn Batsta sụp đổ , Batsta chạy ra nước ngoài.
- Ngày 1/1/1959 phối hợp với cuộc tổng bãi công chính trị của công nhân ở thủ đô Lahabana, chế độ độc tài bị lật đổ, cách mạng thành công.
- 1959-1961: hoàn thành cải cách dân chủ (cải cách dân chủ, quốc hữu hoá các xí nghiệp...)
- Tháng 4/1961 sau chiến thắng Heron, CuBa tiến hành các mạng XHCN.

b/ Kết quả và ý nghĩa:

+Kết quả:

- Cuba đạt nhiều thành tựu trong xây dựng CNXH (Sản lượng công nghiệp đường tăng 160% ,cơ khí luyện kim tăng 10 lần, điện lực tăng 7 lần)
- Văn hoá giáo dục phát triển ,đời sống của nhân dân được nâng cao.
- Hiện nay cách mạng CuBa còn gặp nhiều khó khăn ,do chính sách thù địch của Mỹ, đặc biệt từ khi LX&Đấu sụp đổ, nhưng nhân dân Cuba vẫn kiên trì theo định hướng cách mạng XHCN.

+Ý nghĩa:

- Đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ la tinh.
- Làm thất bại mưu đồ của Mỹ thôn tính Cuba.
- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và xứng đáng là ngọn cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ la tinh.

Bài 6 NƯỚC MỸ

Câu 16: Sự phát triển kinh tế của Mỹ (từ 1945 – 1973) và nguyên nhân của sự phát triển đó? Xác định nguyên nhân quan trọng vì sao?

a .Phát triển mạnh mẽ về kinh tế

- Sau chiến tranh thế giới thứ II, nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh:
- + Sản lượng công nghiệp năm 1948 : 56,5%

- + Năm 1949, Sản lượng nông nghiệp = hai lần sản lượng của Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật cộng lại.
- + Mỹ nắm hơn 50% số tàu biển và $\frac{3}{4}$ dự trữ vàng của thế giới.
- + Chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
- Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

b. Nguyên nhân phát triển.

- Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao, năng động, sáng tạo.
- Lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí và phương tiện chiến tranh (thu 114 tỉ USD trong CTTGII).
- Áp dụng những thành tựu KH- KT hiện đại để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.
- Các tập đoàn tư bản có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và có hiệu quả cả trong và ngoài nước.
- Sự lãnh đạo và điều tiết của nhà nước đóng vai trò quan trọng thúc đẩy KT phát triển.

c. Nguyên nhân quan trọng :

- Ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học kỹ thuật mới .
- Bởi vì khoa học kỹ thuật tạo ra khối lượng hàng hoá đồ sộ, giúp kinh tế Mỹ phát triển Nhanh.

Câu 17: Trình bày chính sách đối ngoại 1945 - 2000:

a/1945 – 1973:

- Thực hiện chiến lược toàn cầu.
- + Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới .
- + Đàn áp PTGPDT ,PTCN và cộng sản quốc tế ; không chế .
- + Chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.
- + Thủ đoạn: khởi xướng chiến tranh lạnh, gây ra , ủng hộ các cuộc chiến tranh xâm lược và bạo loạn , đảo chính , tiêu biểu là cuộc chiến tranh xâm lược VN , dính líu vào chiến tranh Trung Đông...
- + Năm 1972 tổng thống Mỹ Nixon thăm TQ và LX nhằm thực hiện sách lược hòa hoãn với hai nước lớn để chống lại PTĐTCM của các dân tộc

b/ 1973 - 1991

- + Từ sau Hiệp định Pari(1973) Mỹ tiếp tục chiến lược toàn cầu , chạy đua vũ trang
- + Sự đối đầu X-M Mỹ suy giảm về kinh tế và chính trị; Tây Âu và Nhật vươn lên
- + 1989 Mỹ và LX tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh, mở ra thời kỳ mới trong quan hệ quốc tế.

c/ 1991 – 2000 : thực hiện chiến lược “ Cam kết và mở rộng” với mục tiêu :

- Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh , sẵn sàng chiến đấu .
- Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ
- Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Bài 7

CÁC NƯỚC TÂY ÂU

Câu 18: Trình bày tình hình kinh tế Tây Âu từ 1945 - 2000

- **Giai đoạn 1945 – 1950:** các nước Tây Âu đều bị thiệt hại nặng nề sau CTTGII. Với sự cố gắng của từng nước và viện trợ của Mỹ trong khuôn khổ “ Kế hoạch Mác – san”, đến năm 1950 nền kinh tế của các nước Tây Âu cơ bản phục hồi.

- **Giai đoạn 1950 – 1973:** nền kinh tế Tây Âu phát triển nhanh

+Tây Đức , Anh , Pháp lần lượt là các cường quốc công nghiệp đứng thứ ba , tư , năm trong thế giới tư bản.

+Tây Âu trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới , trình độ KHKT phát triển cao, hiện đại.

- **Từ 1973 -1982:** suy thoái , khủng hoảng , phát triển không ổn định , kéo dài đến thập kỷ 90.

- Gặp những khó khăn và thách thức :

+Sự phát triển đan xen với khủng hoảng , suy thoái , lạm phát và thất nghiệp.

+ Sự cạnh tranh của Mỹ , Tây Âu và các nước CNM (NIC).

+ Quá trình “nhất thể hóa” Tây Âu gặp nhiều trở ngại.

- **Từ 1991 – 2000:** phục hồi và phát triển

+ Tây Âu vẫn là 1 trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn nhất của thế giới.

+ Giữa thập kỷ 90 , 15 nước EU với số dân 375 triệu , GDP hơn 7000 tỉ USD , chiếm 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới.

Câu 19: Trình bày những nét chính về quá trình thành lập, mục tiêu và hoạt động của Liên minh châu Âu (EU).

a) Thành lập:

- Ngày 18/04/1951, 6 nước Tây Âu (Pháp, Tây Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Luxemburg) thành lập “Cộng đồng than – thép châu Âu” (ECSC).

- Ngày 25/03/1957, sáu nước ký Hiệp ước Roma thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” (EURATOM) và “Cộng đồng kinh tế châu Âu” (EEC).

- Ngày 1/7/1967, ba tổ chức trên hợp nhất thành “Cộng đồng châu Âu” (EC)

- 07/12/1991: Hiệp ước Maastricht được ký kết, khẳng định một tiến trình hình thành một Liên bang châu Âu mới vào năm 2000 với đồng tiền chung, ngân hàng chung...

- 1/1/1993: Liên minh châu Âu (EU)

- 1994, kết nạp thêm 3 thành viên mới là Áo, Phần Lan, Thụy Điển.

- 01/05/2004, kết nạp thêm 10 nước thành viên Đông Âu, nâng tổng số thành viên lên 25.

b) Mục tiêu: Liên minh chặt chẽ về kinh tế, tiền tệ và chính trị (xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung...)

c) Hoạt động:

- Tháng 6/1979: bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên.

- Tháng 3/1995: hủy bỏ việc kiểm soát đi lại của công dân EU qua biên giới của nhau.

- 01/01/1999, đồng tiền chung châu Âu được đưa vào sử dụng.

- Hiện nay là liên minh kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm ¼ GDP của thế giới.
- 1990, quan hệ Việt Nam – EU được thiết lập và phát triển trên cơ sở hợp tác toàn diện.

Bài 8 **NHẬT BẢN**

Câu 20: Trình bày tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản từ 1952 – 1973. Những nhân tố góp phần thúc đẩy nền kinh tế Nhật phát triển “thần kì”.

a/ Những nét chính về sự phát triển kinh tế:

- Sau khi được phục hồi, từ 1952 – 1960, kinh tế Nhật Bản có bước phát triển nhanh, nhất là từ năm 1960 đến 1973, thường được gọi là giai đoạn phát triển “ thần kỳ”.
- Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Nhật Bản từ 1960 - 1969 là 10,8%; từ năm 1970 đến 1973, tuy có giảm nhưng vẫn đạt bình quân 7,8%, cao hơn rất nhiều so với các nước phát triển khác .
- Năm 1968, kinh tế Nhật Bản đã vượt Anh, Pháp, Cộng hoà Liên Bang Đức, Italia và Canada, vươn lên đứng hàng thứ hai thế giới tư bản (sau Mỹ).
- Từ những năm 70 trở đi , Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.(cùng với Mỹ và Tây Âu)

b/ Nhân tố thúc đẩy:

- Ở Nhật Bản, nhân tố con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.
- Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.
- Các công ty Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.
- Nhật Bản biết áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng.
- Chi phí cho quốc phòng của Nhật Bản thấp (không vượt quá 1% GDP), nên có điều kiện tận dụng vốn đầu tư cho kinh tế.
- Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển, như nguồn viện trợ của Mỹ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 – 1953), Việt Nam (1954 – 1975) để làm giàu...

d/ Nguyên nhân quan trọng nhất ?

Nhân tố con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu cho sự phát triển kinh tế ở Nhật.

c/ Hạn chế

- Nghèo tài nguyên nguồn nguyên , nhiên liệu phụ thuộc bên ngoài.
- Cơ cấu vùng kinh tế thiếu cân đối, tập trung chủ yếu vào ba trung tâm là Tokiô, Ôxaca và Nôgôia; giữa nông nghiệp và công nghiệp.
- Sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ , Tây Âu , các nước Nic , TQ ...

Bài 9 **QUAN HỆ QUỐC TẾ**

Câu 21: Trình bày các nguyên nhân gây ra mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của chiến tranh lạnh. Nêu sự kiện khởi đầu của chiến tranh lạnh.

a./ Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc.

- **Liên Xô** : chủ trương duy trì hòa bình an ninh thế giới , bảo vệ CNXH và đẩy mạnh PTCM thế giới.

- **Mỹ**: chống phá LX và các nước XHCN , PTCM các nước, thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.Mỹ e ngại trước sự lớn mạnh của hệ thống XHCN

- Từ sau chiến tranh , Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất độc quyền về vũ khí nguyên tử, tự cho mình có quyền lãnh đạo thế giới.

b. /Sự kiện khởi đầu của chiến tranh lạnh

- Học thuyết Truman (1947): sự tồn tại của LX là nguy cơ lớn đối với nước Mỹ □ viện trợ cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ nhằm ngăn hai nước này thành căn cứ tiền phương chống LX và các nước Đông Âu.

- Kế hoạch Macsan (6/1947):không chỉ phục hồi kinh tế các nước Tây Âu mà còn tập hợp các nước này vào liên minh quân sự chống LX và các nước Đông Âu.Kế hoạch Macsan đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị giữa các nước Đông Âu và Tây Âu.

c / Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) thành lập ngày 4/4/1949 tại Washinton , lúc đầu gồm có Mỹ và 11 nước phương Tây.Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mỹ cầm đầu nhằm chống lại LX và các nước XHCN.

Tháng 1/1949 , LX và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế để giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước XHCN.Tháng 5/1955, LX và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vacsava , một liên minh chính trị-quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

Sự ra đời của NATO và VACSAVA đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực , hai phe.Chiến tranh lạnh bao trùm toàn thế giới.

Câu 22: Trình bày những nét chính của xu thế hòa hoãn Đông – Tây và chiến tranh lạnh chấm dứt.

- **Nguyên nhân LX - M chấm dứt Chiến tranh lạnh:**

+ Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn 4 thập niên đã làm cho cả 2 cường quốc quá tốn kém.

+ Sự vươn lên mạnh mẽ về kinh tế của Tây Đức và Nhật Bản trở thành mối lo ngại của Liên Xô – Mỹ.

- **Biểu hiện :**

+ Trên cơ sở thỏa thuận Xô –Mỹ, ngày 9/11/1972, hai nhà nước Đức đã ký Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức

+ Năm 1972, Xô –Mỹ đã ký Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng thủ tên lửa (ABM) và Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SALT-1).

+Tháng 8/1975, có 33 nước châu Âu cùng với Mỹ và Canada ký kết Định ước Henxinkivới nội dung cơ bản: khẳng định mối quan hệ bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia ,sự hợp tác giữa các nước ...--> tạo cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình an ninh khu vực này.

+ Tháng 12/1989 , tại đảo Manta (Địa Trung Hải) tổng thống Liên Xô

M.Goócbachốp và tổng thống Mỹ G.Busơ (cha) tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

-**Ý nghĩa** : Chiến tranh lạnh chấm dứt các tranh chấp , xung đột được giải quyết bằng con đường hòa bình (Apganixtan , CPC , Namibia)

Câu 23: Tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh thay đổi như thế nào?

- Sự tan rã của Liên Xô và hệ thống XHCN đưa đến sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực.

- Tình hình thế giới có những thay đổi to lớn và phức tạp.

- **Xu thế phát triển của thế giới:**

+ **Một là:** trật tự thế giới hai cực đã sụp đổ, trật tự thế giới mới đang dần hình thành theo

xu hướng đa cực với sự vươn lên của Mỹ, Liên minh châu Âu, Nga, Trung Quốc ...

+ **Hai là:** các quốc gia đều tập trung vào phát triển kinh tế để xây dựng sức mạnh thực

sự của mỗi quốc gia.

+ **Ba là** : Mỹ đang cố thiết lập thế giới đơn cực nhưng không dễ gì đạt được mục đích.

+ **Bốn là** :có nhiều khu vực tình hình không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự kéo dài như ở bán đảo ban căng , ở một số nước châu Phi và Trung Á.

Ngày nay , các quốc gia dân tộc vừa có những thời cơ phát triển thuận lợi , vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng to lớn.

Bài 10

**CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ
XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX**

Câu 24.1: Trình bày nguồn gốc, đặc điểm và những thành tựu chính của cách mạng khoa học – công nghệ. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đã có những tác động tích cực và tiêu cực như thế nào? Thời cơ và thách thức của Việt Nam trước sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện nay .

a) Nguồn gốc

- Do đòi hỏi của cuộc sống và của sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

- Diễn ra trong bối cảnh đặc biệt: sự bùng nổ dân số, sự cạn kiệt của tài nguyên thiên nhiên, chiến tranh...

- Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất là tiền đề thúc đẩy cách mạng khoa học kỹ thuật lần II và cách mạng công nghệ bùng nổ.

b) Đặc điểm:

Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kỹ thuật, đi trước mở đường cho kỹ thuật. Kỹ thuật lại đi trước mở đường cho sản xuất. Khoa học là nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.

c). Những thành tựu chính.

- Đạt được những thành tựu kì diệu trên mọi lĩnh vực.

- **Lĩnh vực khoa học cơ bản**, có những bước tiến nhảy vọt: Trong toán học, vật lí, hóa

học, sinh học.

- + Tháng 3-1997, tạo ra cừu Đôli bằng phương pháp sinh sản vô tính.
- + Tháng 6 – 2000 các nhà khoa học đã công bố “ Bản đồ gen người” và đến tháng 4-2003, giải mã được bản đồ gen người.

- Lĩnh vực công nghệ:

- + Tìm ra nguồn năng lượng mới: Mặt trời, nguyên tử.
- + Chế tạo ra những vật liệu mới như chất Pôlime.
- + Sản xuất ra những công cụ mới như: máy tính, máy tự động, hệ thống máy tự động.
- + Công nghệ sinh học có bước phát triển phi thường trong công nghệ di truyền, tế bào, vi sinh...
- + Cách mạng xanh trong nông nghiệp với những giống lúa mới có năng suất cao.
- + Phát minh ra những phương tiện thông tin liên lạc và giao thông vận tải siêu nhanh, hiện đại như: Cáp quang, máy bay siêu âm, tàu siêu tốc...
- + Chinh phục vũ trụ: đưa con người lên Mặt Trăng.

d) Tác động của khoa học – công nghệ.

- Tích cực:

- + Tăng năng suất lao động.
- + Nâng cao không ngừng mức sống, chất lượng cuộc sống của con người.
- + Đưa ra những đòi hỏi phải thay đổi về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng giáo dục.
- + Nền kinh tế- văn hóa- giáo dục thế giới có sự giao lưu quốc tế hóa ngày càng cao.

- Hạn chế: Gây những hậu quả mà con người chưa khắc phục được.

- + Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
- + Vũ khí hủy diệt.
- + Ô nhiễm môi trường.
- + Bệnh tật.

- Qua đó đặt ra vấn đề khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, hướng tới mục đích hoà bình nhân đạo trong việc sử dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật để phục vụ cho con người và sự tiến bộ của xã hội loài người .

g. Thời cơ và thách thức của Việt Nam trước sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện nay .

- Thời cơ giúp cho Việt Nam đẩy mạnh việc phát triển nền kinh tế của mình.
- Thách thức là sự cạnh tranh về kinh tế, nguy cơ bị tụt hậu về kinh tế.

Câu 24.2: Theo em vai trò của cách mạng khoa học kỹ thuật trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế nước ta hiện nay quan trọng như thế nào? Vì sao?

- Trong công cuộc công nghiệp hoá – hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay muốn thành công thì vai trò của khoa học kỹ thuật là cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa quyết định.
- Thực tế sự tiến bộ của nền kinh tế Mỹ, Nhật Bản và nhiều nước trên thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay đã chứng tỏ vai trò quan trọng của khoa học kỹ thuật.

Câu 25: Trình bày những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa . Toàn cầu hóa đã có những mặt tích cực và tiêu cực nào?

- Xuất hiện từ những năm 80 của thế kỷ XX.

- Là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ , những tác động ảnh hưởng lẫn nhau của tất cả các khu vực các quốc gia dân tộc trên thế giới.

- Những biểu hiện chủ yếu :

+ Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ quốc tế: từ sau 1945 đến cuối thập kỷ 90, giá trị trao đổi thương mại trên phạm vi quốc tế tăng 12 lần.

+ Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia. Hiện có khoảng 500 công ty xuyên quốc gia kiểm soát 25% tổng sản phẩm thế giới và giá trị trao đổi của các công ty này tương đương $\frac{3}{4}$ giá trị thương mại toàn cầu.

+ Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn tăng lên nhanh chóng vào những năm cuối thế kỷ XX nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.

+ Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế , thương mại , tài chính quốc tế và khu vực (như IMF, WB, WTO, EU , ASEAN, ...) có vai trò quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

- Mặt tích cực và hạn chế

Toàn cầu hóa là thời cơ đồng thời cũng là những thách thức to lớn đối với các nước. “Năm lấy thời cơ , vượt qua thách thức , phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới , đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta”

LỊCH SỬ VIỆT NAM

BÀI 1

NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Câu 26: Trình bày chính sách đầu tư khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp và tác động của nó đến tình hình kinh tế Việt Nam.

1. Bối cảnh

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nước Pháp bị tổn thất nặng nề: hàng loạt nhà máy, đường sá, cầu cống và làng mạc bị tàn phá, sản xuất công nghiệp bị đình trệ, lạm phát tràn lan, giá cả gia tăng.

Để nhanh chóng khắc phục những thiệt hại, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, chính quyền Pháp đã ra sức khôi phục và thúc đẩy sản xuất trong nước, đồng thời tăng cường đầu tư khai thác các nước thuộc địa của Pháp ở Đông Dương và Châu Phi.

2. Chính sách khai thác của Pháp ở Đông Dương

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã chính thức triển khai chương trình khai thác lần thứ hai ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam;

Tư bản Pháp đã tăng cường đầu tư vào Việt Nam với quy mô lớn, trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp và khai thác khoáng sản: trong 6 năm (1924 - 1929), tổng số vốn đầu tư vào Đông Dương, trong đó chủ yếu là Việt Nam lên đến 4 tỉ Phờ - răng (tăng 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh).

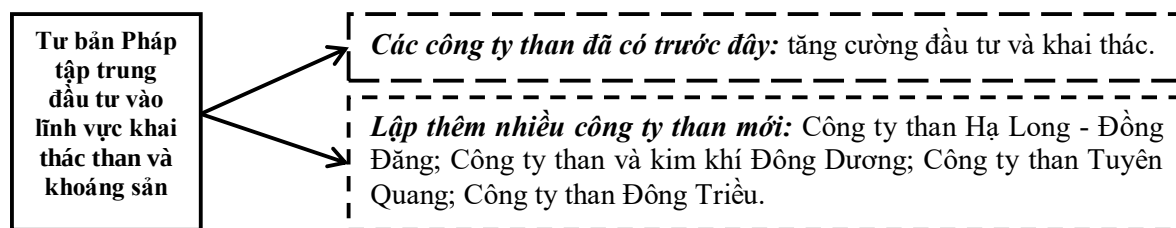
Chương trình khai thác lần thứ hai đã làm biến đổi mạnh mẽ nền kinh tế Việt Nam.

3. Hoạt động đầu tư khai thác lần thứ hai ở Việt Nam

* Trong nông nghiệp

Năm 1927, số vốn đầu tư vào nông nghiệp mà chủ yếu là lập các đồn điền cao su lên đến 400 triệu phờ-răng, tăng 10 lần so với trước chiến tranh; diện tích cao su năm 1930 tăng lên 120.000 ha (năm 1918: 15.000 ha) và nhiều công ty cao su mới ra đời như: Đất Đỏ, Misolanh, Công ty trồng trọt cây nhiệt đới...

* Trong lĩnh vực khai mỏ



* **Tiểu thủ công nghiệp:** Thực dân Pháp mở thêm nhiều cơ sở gia công, chế biến:

+ Nhà máy sợi ở Nam Định, Hải Phòng; nhà máy rượu ở Hà Nội, Nam Định, Hà Đông; nhà máy diêm ở Hà Nội, Hàm Rồng, Bến Thủy.

+ Nhà máy đường Tuy Hòa, nhà máy xay xát, chế biến gạo Chợ Lớn....

* Thương nghiệp:

Giao lưu buôn bán nội địa được đẩy mạnh, đặc biệt là ngoại thương: trước chiến tranh, hàng hóa Pháp nhập vào Đông Dương chiếm 37%, đến năm 1930 đã lên đến 63%.

Pháp thực hiện chính sách đánh thuế nặng đối với hàng hoá nước ngoài nhập vào Việt Nam để tạo thuận lợi cho hàng hóa Pháp nhập khẩu vào Việt Nam.

*** Giao thông vận tải:**

Tiếp tục được đầu tư phát triển, đặc biệt là hệ thống đường sắt và đường thủy nhằm phục vụ cho công cuộc khai thác, vận chuyển vật liệu và hàng hoá. Các đô thị được mở rộng và cư dân thành thị cũng tăng nhanh.

*** Tài chính ngân hàng:**

Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương: nắm quyền phát hành giấy bạc và có nhiều cổ phần trong hầu hết các công ty tư bản Pháp..

*** Ngoài ra,** thực dân Pháp còn bóc lột nhân dân ta bằng các loại thuế khóa nặng nề. Nhờ vậy, ngân sách Đông Dương thu được năm 1930 tăng gấp 3 lần so với năm 1912.

Câu 27: Trình bày chính sách cai trị về chính trị - xã hội và văn hoá – giáo dục của thực dân Pháp.

1. Chính trị - xã hội

Một mặt, thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế triệt để, tăng cường hệ thống cảnh sát, mật thám, nhà tù để trấn áp các hoạt động cách mạng.

Mặt khác, tiến hành một số cải cách chính trị - hành chính, lôi kéo một bộ phận địa chủ và tư sản Việt Nam tham gia vào Hội đồng quản hạt ở Nam kỳ, Viện dân biểu Bắc kỳ và Trung kỳ, khai thác vai trò của bộ máy chính quyền phong kiến tay sai.

2. Văn hoá - giáo dục

Hệ thống giáo dục Pháp - Việt được mở rộng từ cấp tiểu học đến trung học, cao đẳng và đại học, nhằm đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ cho việc khai thác và cai trị của Pháp.

Cho phép hàng chục tờ báo, tạp chí bằng chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp hoạt động, khuyến khích xuất bản các sách báo cổ vũ chủ trương “Pháp - Việt đề huề”, gieo rắc ảo tưởng hòa bình và hợp tác giữa chúng với bọn bù nhìn.

Các trào lưu tư tưởng, khoa học – kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật phương tây du nhập vào Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng còn khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội.

Các yếu tố văn hóa truyền thống, văn hóa mới tiến bộ, ngoại lai, nô dịch cùng tồn tại, đan xen và đấu tranh với nhau.

Câu 28: Dưới tác động của đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, tình hình kinh tế và giai cấp của xã hội Việt Nam có gì thay đổi?

1. Chuyển biến về kinh tế

Thực dân Pháp đã du nhập vào Việt Nam quan hệ sản xuất Tư bản chủ nghĩa trong một chừng mực nhất định đan xen với quan hệ sản xuất phong kiến.

Các ngành kinh tế - kỹ thuật của tư bản Pháp ở Việt Nam phát triển hơn trước.

Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn rất lạc hậu, mất cân đối và lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp, nhân dân ta càng đói khổ hơn.

2. Chuyển biến về giai cấp

Công cuộc khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có sự phân hoá sâu sắc, bên cạnh các giai cấp cũ (Địa chủ - phong kiến và nông dân) đã xuất hiện các giai cấp mới (Tư sản, tiểu tư sản và công nhân) với quyền lợi, địa vị và thái độ chính trị khác nhau.

2.1. Giai cấp địa chủ - phong kiến

Một bộ phận được thực dân Pháp dung dưỡng để làm chỗ dựa cho chúng, nên lực lượng này thường dễ tăng cường cướp đoạt ruộng đất, bóc lột nhân dân.

Tuy vậy, vẫn có một bộ phận địa chủ, nhất là địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước, sẵn sàng tham gia các phong trào chống Pháp và tay sai.

2.2. Giai cấp tư sản

Mấy năm sau khi chiến tranh kết thúc, giai cấp tư sản Việt Nam được hình thành; họ phần lớn là những tiểu chủ trung gian làm thầu khoán, đại lý cho tư bản Pháp,... đã tích lũy vốn và đứng ra kinh doanh riêng trở thành tư sản như: Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu, Trương Văn Bền...

Giai cấp tư sản Việt Nam tham gia nhiều lĩnh vực kinh doanh như Công thương (Tiên Long Thương đoàn (Huế), Hưng Hiệp hội xã (Hà Nội), xưởng chế xà phòng của Trương Văn Bền (Sài Gòn)), kinh doanh tiền tệ (Ngân hàng Việt Nam ở Nam Kỳ), Nông nghiệp và khai mỏ (công ty của Bạch Thái Bưởi, đồn điền cao su của Lê Phát Vĩnh và Trần Văn Chương).

Ngay khi vừa mới ra đời giai cấp tư sản Việt Nam đã bị tư bản Pháp chèn ép, kìm hãm nên số lượng ít, thực lực kinh tế yếu, nặng về thương nghiệp và sau một thời gian phát triển thì bị phân hoá thành hai bộ phận:

Tư sản mại bản: Có quyền lợi gắn liền với đế quốc nên họ câu kết chặt chẽ với thực dân Pháp.

Tư sản dân tộc: Kinh doanh độc lập, bị chèn ép. Họ có khuynh hướng dân tộc và dân chủ và giữ một vai trò đáng kể trong phong trào dân tộc.

2.3. Giai cấp tiểu tư sản thành thị (Những người buôn bán nhỏ, viên chức, tri thức, học sinh, sinh viên...)

Sau chiến tranh, giai cấp tiểu tư sản phát triển nhảy vọt về số lượng; họ bị tư bản Pháp ráo riết chèn ép, khinh rẻ, bạc đãi, đời sống bấp bênh, dễ bị phá sản và thất nghiệp.

Họ có tinh thần dân tộc, chống thực dân và tay sai. Đặc biệt bộ phận học sinh, sinh viên, tri thức có điều kiện, khả năng tiếp xúc với các tư tưởng tiến bộ nên có tinh thần hăng hái tham gia cách mạng.

2.4. Giai cấp nông dân (90% dân số)

Bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột nặng nề dẫn đến bán cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Một bộ phận trở thành tá điền cho địa chủ - phong kiến, một bộ phận nhỏ rời bỏ làng quê vào làm việc trong các nhà máy, đồn điền, hầm mỏ của tư sản => Trở thành công nhân.

Họ có mâu thuẫn sâu sắc với đế quốc, phong kiến và sẵn sàng nổi lên đấu tranh giải phóng dân tộc.

2.5. Giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân ngày càng phát triển. Trước chiến tranh, giai cấp công nhân Việt Nam khoảng 10 vạn người, đến năm 1929 tăng lên đến 22 vạn.

Ngoài những đặc trưng chung của giai cấp công nhân thế giới, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những nét riêng:

- + Có quan hệ gắn bó tự nhiên với giai cấp nông dân.
- + Chịu sự áp bức bóc lột nặng nề của đế quốc, phong kiến và tư bản người Việt.
- + Kế thừa truyền thống bất khuất, anh hùng của dân tộc.
- + Sớm tiếp thu những ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới.

Là một giai cấp mới, nhưng công nhân đã sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, thống nhất, tự giác và vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi theo khuynh hướng tiến bộ.

Tóm lại, Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến cuối những năm 20 của thế kỉ XX, Việt Nam có những chuyển biến quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục. Những mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc, đặc biệt là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai, đẩy tinh thần cách mạng của đại bộ phận nhân dân Việt Nam lên một độ cao mới.

Câu hỏi và bài tập:

1. Dưới tác động của đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, tình hình giai cấp của xã hội Việt Nam có gì thay đổi? (Đề thi tuyển sinh Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2001).

2. Thái độ của các giai cấp trong xã hội Việt Nam đối với sự thống trị của thực dân Pháp và tay sai.

3. Trình bày chính sách đầu tư khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp và tác động của nó đến tình hình kinh tế Việt Nam.

BÀI 2

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

Câu 29: Trình bày bối cảnh quốc tế và tác động của nó đến Việt Nam.

Tháng 11/1917, cách mạng tháng Mười Nga thành công, đưa giai cấp công nông lên nắm chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội, biến học thuyết của Mác thành hiện thực.

Tháng 2/1919, Quốc tế cộng sản (Quốc tế 3) thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Quốc tế III, phong trào cách mạng vô sản thế giới phát triển nhanh chóng:

Tháng 12/1920, Đảng cộng sản Pháp thành lập.

Năm 1921, Đảng cộng sản Trung Quốc ra đời.

Từ năm 1923 trở đi, một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được du nhập vào Việt Nam qua một số sách báo của Đảng cộng sản Pháp và Đảng cộng sản Trung Quốc và tác động trực tiếp đến một số trí thức Việt Nam yêu nước ở nước ngoài mà tiêu biểu là Nguyễn Ái Quốc.

Câu 30: Trình bày phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở nước ta trong giai đoạn 1919 – 1925. Tại sao các phong trào đều thất bại?

Những năm sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào dân tộc dân chủ do giai cấp tư sản dân tộc và tiểu tư sản lãnh đạo diễn ra khá mạnh mẽ:

1. Phong trào của giai cấp tư sản dân tộc

Để chống lại sự chèn ép, kìm hãm của Pháp, vươn lên giành lấy vị trí khá hơn về kinh tế - chính trị trong xã hội, giai cấp tư sản dân tộc đã phát động nhiều hoạt động đấu tranh sôi nổi:

+ Phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá diễn ra vào năm 1919.

+ Chống độc quyền thương cảng Sài Gòn (1923).

+ Ra một số tờ báo để làm diễn đàn đấu tranh như: Diễn đàn Đông Dương, Tiếng vang An Nam...

+ Thành lập Đảng Lập Hiến để tập hợp lực lượng đấu tranh đòi tự do, dân chủ

Phong trào diễn ra khá rầm rộ, nhưng khi thực dân Pháp nhượng bộ cho họ một số ít quyền lợi thì những người lãnh đạo đã thỏa hiệp và ngừng đấu tranh.

2. Phong trào Tiểu tư sản trí thức

Ngày 19/6/1924, tiếng bom Sa Diện (Quảng Châu – Trung Quốc) của Phạm Hồng Thái đã nhóm lại ngọn lửa đấu tranh và đánh thức lòng yêu nước, mở màn cho một thời kỳ đấu tranh mới của cách mạng Việt Nam;

Ở trong nước, những trí thức Việt Nam yêu nước đã tập hợp các lực lượng yêu nước tiến bộ, thành lập nên nhiều tổ chức chính trị như: Hội Phục Việt, Đảng Thanh Niên, ra một số tờ báo như Chuông Rè, An Nam, Người nhà quê... để đấu tranh đòi tự do dân chủ.

Tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu (1925) và đám tang cụ Phan Chu Trinh (1926).

=> Tất cả hoạt động đấu tranh do tầng lớp tiểu tư sản tổ chức đều thất bại vì tổ chức không chặt chẽ, thiếu một đường lối chính trị rõ ràng.

Sự thất bại của phong trào dân chủ công khai trong giai đoạn 1919 – 1925 do giai cấp tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo đã cho thấy sự bế tắc về lực lượng lãnh đạo và con đường giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam.

Câu 31: Phong trào công nhân từng bước trưởng thành, sẵn sàng tiếp nhận Chủ nghĩa Mác-Lênin và lãnh đạo cách mạng Việt Nam như thế nào?

Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản và tiểu tư sản, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam cũng từng bước trưởng thành:

+ Năm 1919, công nhân ở nhiều nơi đã đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, nhưng vẫn còn mang tính lẻ tẻ, thiếu tổ chức và liên kết. (25 vụ đấu tranh)

+ Năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập Công hội đỏ (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

+ Năm 1922: công nhân viên chức ở các sở công thương tư nhân Bắc kỳ đòi trả lương ngày chủ nhật, thợ nhuộm ở Chợ Lớn bãi công.

+ Năm 1924: công nhân dệt, rượu ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương bãi công.

+ Đặc biệt, tháng 8/1925, công nhân Ba Son (Sài Gòn) đã lấy cớ đòi quyền lợi để bãi công nhằm ngăn cản tàu chiến của Pháp chở quân sang đàn áp phong trào đấu tranh của các thủy thủ Trung Quốc => Cuộc bãi công kết thúc thắng lợi với sự hưởng ứng và hỗ trợ của công nhân các ngành khác ở Sài Gòn.

Đây là cuộc bãi công có tổ chức và mục tiêu chính trị rõ ràng, không còn mang tính tự phát, vì mục đích kinh tế đơn thuần như trước đây. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển quan trọng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Sự lớn mạnh về quy mô và trưởng thành về tổ chức và chính trị của phong trào công nhân Việt Nam là điều kiện thuận lợi cho quá trình truyền bá và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn sau này.

Câu 32: Nêu những hoạt động yêu nước của Nguyễn Ái Quốc (1919 - 1924) ở nước ngoài.

Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Văn Ba đã rời cảng Nhà Rồng trên con tàu vận tải La-tus-trê-vin để sang các nước phương Tây.

Từ 1911 đến 1917, Người đến nhiều nước ở Châu Phi, Châu Mỹ và đến cuối năm 1917 Người trở về Pháp và gia nhập Đảng xã hội Pháp.

Ngày 18/6/1919, Nguyễn Ái Quốc cùng với các chí sĩ cách mạng Việt Nam tại Pháp đã gửi tới Hội nghị Vec-xai “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Nhưng bản yêu sách đã không được chấp nhận.

Tháng 7/1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin, từ đó Người tin theo Lênin và đứng về phía Quốc tế cộng sản.

Tháng 12/1920, tại Đại hội Đảng xã hội Pháp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế 3, và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, Người trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin một con đường mới cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam đó là **Con đường cách mạng vô sản**.

Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pháp.

Năm 1922, ra báo “Người cùng khổ” để vạch trần tội ác của Chủ nghĩa đế quốc. Ngoài ra còn viết bài cho các báo “Nhân đạo”, “Đời sống”... và viết cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”...

Năm 1923, Người đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và ở lại làm việc tại Quốc tế 3, viết bài cho báo Sự thật, Tạp chí thư tín Quốc tế...

Năm 1924, Người dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V.

Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc), chuẩn bị cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

Câu hỏi và bài tập: Xem ở phần bài tập của bài 3

BÀI 3

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC THÀNH LẬP ĐẢNG (1925 – 1930)

Câu 33.1: Trình bày quá trình thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Ý nghĩa của sự thành lập đó.

Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên

1. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên

Sau khi trở về Quảng Châu – Trung Quốc (1/11/1924), Nguyễn Ái Quốc đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam ở đây cùng với một số thanh niên Việt Nam hăng hái mới từ trong nước sang.

Tháng 2/1925, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn một số thanh niên Việt Nam tích cực để tuyên truyền giác ngộ họ và lập ra tổ chức “Cộng sản đoàn”.

Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên, trong đó tổ chức “Cộng sản đoàn” là nòng cốt và ra tuần báo Thanh niên làm cơ quan tuyên truyền của Hội.

2. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam

Từ năm 1924 đến năm 1927, Người đã trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, đào tạo được 75 thanh niên Việt Nam thành những chiến sĩ cách mạng để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Đầu năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp những bài giảng trong các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu và in thành tác phẩm “Đường Cách Mệnh”.

Nội dung cơ bản của tác phẩm “Đường Cách Mệnh”:

* Ba tư tưởng cơ bản của cách mạng Việt Nam:

Cách mệnh là sự nghiệp của quần chúng đông đảo, nên phải động viên, tổ chức và lãnh đạo quần chúng vùng dậy đánh đổ các giai cấp áp bức, bóc lột.

Cách mạng phải có Đảng của chủ nghĩa Mác-Lênin lãnh đạo.

Cách mạng trong nước cần phải đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới và là một bộ phận của cách mạng thế giới.

* Sáu mục đích nói cho đồng bào ta biết rõ:

Vì sao chúng ta muốn sống thì phải làm cách mệnh?

Vì sao cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người?

Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi.

Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ.

Ai là bạn ta và ai là thù ta?

Cách mệnh thì phải làm như thế nào?

Năm 1926, Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên đã có những tổ chức cơ sở ở nhiều trung tâm lớn trong nước (Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn...)

Song song với việc phát triển cơ sở hội trong nước, tác phẩm “Đường Cách Mệnh” và tuần báo Thanh Niên được bí mật đưa về nước để tuyên truyền và phổ biến chủ nghĩa Mác-Lênin vào giai cấp vô sản.

Năm 1928, Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên thực hiện chủ trương “Vô sản hoá”: Đưa hội viên đã được đào tạo vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền..., cùng sống, lao động với công nhân để tự rèn luyện, đồng thời trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào giai cấp công nhân Việt Nam.

Đến tháng 5/1929, Hội đã có tổ chức cơ sở hầu khắp cả nước.

Câu 33.2 : Trình bày sự phát triển của phong trào công nhân trở thành một lực lượng độc lập 1925 – 1929.

Những hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã tác động mạnh mẽ đến sự giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân Việt Nam. Thêm vào đó là sự tác động trực tiếp của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Quảng Châu và những Nghị quyết về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 5..., phong trào công nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn 1926 – 1929:

*** Trong hai năm 1926 – 1927:** Nhiều cuộc bãi công của công nhân viên chức đã nổ ra liên tiếp ở nhiều nơi như: Nhà máy sợi Nam Định, đồn điền cao su Cam Triêm, Phú Riềng, đồn điền cà phê Rayan (Thái Nguyên).

*** Trong hai năm 1928 – 1929:** Có đến 40 cuộc đấu tranh nổ ra trên khắp cả nước, tiêu biểu như các cuộc bãi công của công nhân ở nhà máyximăng, sợi Hải Phòng, nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm - cửa Bến Thủy, đóng xe lửa Trường Thi (Vinh), Xưởng sửa chữa ô tô Avia (Hà Nội), Xưởng đóng, sửa chữa tàu Ba Son (Sài Gòn), Đồn điền Phú Riềng.

Đặc điểm của phong trào công nhân trong giai đoạn này là đã vượt ra khỏi phạm vi của một nhà máy, công xưởng, bước đầu có sự liên kết giữa nhiều ngành, nhiều địa phương và đã trở thành một phong trào liên tục, mạnh mẽ. **Điều đó chứng tỏ trình độ giác ngộ của công nhân đã nâng lên rõ rệt và giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập.**

Cùng với sự lớn mạnh và trưởng thành của phong trào công nhân, phong trào đấu tranh của nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp yêu nước khác cũng phát triển, tạo nên một làn sóng cách mạng dân tộc khắp cả nước.

Câu 34: Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh do tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo (1925 - 1930).

1. Tân Việt Cách Mạng Đảng và sự phân hoá của nó

Cùng với sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên ở nước ngoài, tháng 7/1925, tại Vinh (Nghệ An), nhóm chính trị phạm ở Trung kỳ và các sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội đã thành lập Hội Phục Việt.

Đây là một tổ chức yêu nước, nhưng khi mới thành lập, Hội chưa có lập trường rõ ràng.

Sau cuộc đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu (11/1925), thực dân Pháp đã phát hiện và theo dõi, phá hoại, nên Hội đã đổi tên thành Hội Hưng Nam.

Trong quá trình hoạt động, Hội Hưng Nam đã chịu tác động mạnh mẽ của lập trường, tư tưởng cách mạng vô sản của Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên:

+ Hội Hưng Nam đã nhiều lần liên lạc để hợp nhất với Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên, nhưng không thành.

+ Nhiều lần đổi tên: Năm 1926: Việt Nam cách mạng Đảng; Năm 1927 đổi thành Việt Nam cách mạng đồng chí hội; và tháng 7/1928, lấy tên Tân Việt cách mạng Đảng.

*** Nội bộ của Tân Việt cách mạng Đảng bị phân hoá mạnh mẽ do tác động của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên:**

- Một bộ phận lớn theo đường lối vô sản và nhóm này cũng phân thành 2 nhóm:

+ Một nhóm nhỏ gia nhập vào Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên.

+ Nhóm còn lại chuẩn bị thành lập một chính đảng mới theo chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Bộ phận còn lại theo đường lối dân chủ tư sản.

2. Việt Nam Quốc dân Đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái

2.1. Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập

Đầu năm 1927, một nhóm thanh niên yêu nước do Phạm Tuấn Tài đứng đầu đã lập ra một nhà xuất bản tiên bộ - Nam Đồng thư xã.

Lúc đầu, họ chưa có đường lối chính trị rõ rệt, nhưng sau đó đã tiếp thu tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn (Trung Quốc) và lập ra Việt Nam quốc dân Đảng vào cuối năm 1927. Đây là một đảng chính trị theo xu hướng dân chủ tư sản.

+ Mục tiêu của đảng là đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

+ Thành phần của đảng gồm sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, người làm nghề tự do, một số nông dân khá giả, thân hào, địa chủ, binh lính sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp...

+ Về tổ chức, Việt nam Quốc dân Đảng có 4 cấp từ Trung ương xuống chi bộ cơ sở nhưng chưa bao giờ trở thành một hệ thống trong cả nước, việc kết nạp đảng viên dễ dàng, lỏng lẻo...

2.2. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (02/1930)

*** Nguyên nhân bùng nổ**

Ngày 9/2/1929, ở Hà Nội xảy ra vụ ám sát tên trùm mộ phu Ba – Danh (Bazin), thực dân Pháp đã tiến hành đàn áp các tổ chức và đảng phái cách mạng Việt Nam.

Lực lượng của Việt Nam Quốc Dân Đảng bị tổn thất lớn trong đợt truy quét này. Thay vì phải tập trung để khôi phục và củng cố lực lượng, các yếu nhân còn lại của Đảng này đã quyết định dốc hết lực lượng cho một cuộc bạo động với mục tiêu “Không thành công cũng thành nhân”.

*** Diễn biến**

Đêm 9/2/1930, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái, sau đó là Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình. Ở Hà Nội có ném bom phối hợp.

Ở Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số quân Pháp, nhưng không làm chủ được tỉnh lỵ nên hôm sau đã bị Pháp phản công và tiêu diệt.

Ở các nơi khác, nghĩa quân cũng chỉ tạm thời làm chủ mấy huyện lỵ nhỏ, sau đó bị Pháp chiếm lại.

Cuộc khởi nghĩa đã hoàn toàn thất bại, Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí của ông bị thực dân Pháp kết án tử hình.

*** Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử**

Cuộc khởi nghĩa chưa được chuẩn bị đầy đủ cả về tổ chức lẫn lực lượng, trong khi đó thực dân Pháp còn rất mạnh, đủ sức để đàn áp.

Tuy thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa đã góp phần cổ vũ lòng yêu nước của nhân dân.

Sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã chấm dứt vai trò của Việt Nam Quốc dân Đảng trong phong trào giải phóng dân tộc.

Câu hỏi và bài tập Bài 2 & 3:

1. Quá trình phát triển của phong trào công nhân Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến trước khi thành lập Đảng.

2. Tình hình giai cấp tư sản và tiểu tư sản Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến trước khi thành lập Đảng.

3. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở nước ta trong giai đoạn 1919 – 1930. Tại sao các phong trào đều thất bại?

4. Vai trò của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đối với phong trào công nhân và sự ra đời của chính đảng vô sản Việt Nam.

BÀI 4

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI (03 - 2 - 1930)

Câu 35: Trình bày sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Ý nghĩa của sự ra đời đó đối với cách mạng Việt Nam.

1. Đông Dương Cộng Sản Đảng và An Nam Cộng Sản Đảng

Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc dân chủ và đặc biệt là phong trào công nhân trong những năm 1928 – 1929 cho thấy đã đến lúc cần phải lãnh đạo giai cấp công – nông cùng các lực lượng yêu nước khác đấu tranh chống đế quốc, phong kiến tay sai giành độc lập, tự do.

Những yêu cầu mới đó đã vượt quá khả năng lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên.

Cuối tháng 3/1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên ở Bắc kỳ đã họp ở số nhà 5D Hàm Long (Hà Nội) và lập ra chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm 7 người, mở đầu cho quá trình thành lập Đảng cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên.

Tháng 5/1929, tại Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên (ở Hương Cảng – Trung Quốc), đoàn đại biểu Bắc kỳ đã đưa ra đề nghị thành lập Đảng cộng sản, nhưng không được chấp nhận nên họ đã rút khỏi Hội nghị về nước và tiến hành vận động thành lập Đảng cộng sản.

Ngày 17/6/1929, đại biểu các tổ chức cơ sở của Hội VNCMTN ở miền Bắc đã họp và quyết định thành lập **Đông Dương Cộng Sản Đảng**, thông qua tuyên ngôn, điều lệ Đảng và ra báo Búa Liềm làm cơ quan ngôn luận.

Đông Dương Cộng Sản Đảng ra đời đã nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của quần chúng, uy tín và tổ chức Đảng phát triển rất nhanh, nhất là ở Bắc và Trung kỳ.

Trước ảnh hưởng sâu rộng của Đông Dương Cộng Sản Đảng, tháng 7/1929, các hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên ở Trung Quốc và Nam kỳ cũng đã quyết định thành lập **An Nam Cộng Sản Đảng**.

2. Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn

Sự ra đời và ảnh hưởng sâu rộng của Đông Dương Cộng Sản Đảng và An Nam Cộng Sản Đảng đã tác động mạnh mẽ đối với những đảng viên theo chủ trương cách mạng vô sản trong Tân Việt Cách Mạng Đảng.

Tháng 9/1929, nhóm theo chủ nghĩa Mác trong Tân Việt Cách Mạng Đảng đã tách ra, thành lập **Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn**.

3. Ý nghĩa

Đó là kết quả tất yếu trong quá trình vận động cách mạng Việt Nam.

Đánh dấu bước trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam và chứng tỏ xu hướng cách mạng vô sản là phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Đây là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Câu 36.1: Trình bày Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (03 - 07/02/1930). Nêu nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

1. Bối cảnh lịch sử

Sự ra đời của ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam là một xu thế tất yếu và ba tổ chức cộng sản đã lãnh đạo nhân dân cả nước tiến hành đấu tranh mạnh mẽ hơn.

Song, trong quá trình tuyên truyền vận động quần chúng, các tổ chức này đã tranh giành, công kích lẫn nhau, gây nên tình trạng thiếu thống nhất, đẩy phong trào cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ bị chia rẽ.

Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam là phải có một Đảng cộng sản thống nhất trong cả nước.

Trước tình hình đó, với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

2. Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị thành lập Đảng

Từ ngày 03 đến ngày 7/2/1930, tại Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản. Tham dự Hội nghị có đại diện của Đông Dương Cộng Sản Đảng và An Nam Cộng Sản Đảng.

Tại Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đã phân tích tình hình thế giới, trong nước, phê phán những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức Cộng sản, và đề nghị các tổ chức cộng sản hợp nhất thành một Đảng cộng sản duy nhất.

Các đại biểu đã nhất trí hợp nhất thành một Đảng Cộng sản duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Hội nghị đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

3. Nội dung của cương lĩnh chính trị đầu tiên (03/02/1930)

Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là tiến hành cuộc cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản.

Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ đế quốc Pháp cùng bọn phong kiến, tư sản phản cách mạng để làm cho nước Việt Nam độc lập, thành lập chính phủ công – nông – binh, tiến tới làm cách mạng ruộng đất. Trong đó, quan trọng nhất là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân.

Lực lượng cách mạng bao gồm chủ yếu là công – nông. Ngoài ra còn phải liên kết với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tranh thủ hay ít ra cũng trung lập phú nông, trung tiểu địa chủ, và tư sản An Nam chưa lộ rõ bản chất phản cách mạng.

Lãnh đạo cách mạng là Đảng cộng sản Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng và là kim chỉ nam cho mọi hành động.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, đứng cùng mặt trận với các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân thế giới.

⇒ Cương lĩnh đầu tiên này tuy vắn tắt, nhưng thể hiện rõ tư tưởng cách mạng đúng đắn, sáng tạo, thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn.

Câu 36.2 : Trình bày những nội dung chính của Cương lĩnh chính trị 10/1930.

Tháng 10/1930, Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng đã họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc).

Hội nghị đã bầu Ban chấp hành chính thức do đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư, đổi tên Đảng thành Đảng Cộng Sản Đông Dương và thông qua luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo.

*** Nội dung của luận cương chính trị 10/1930:**

Tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền. Sau khi thắng lợi sẽ bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng là đánh đổ các thế lực phong kiến, các hình thức bóc lột theo lối tiền tư bản, thực hiện triệt để cách mạng thổ địa, đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ khăng khít với nhau.

Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính, **vô sản nắm quyền lãnh đạo cách mạng.**

Điều kiện cốt yếu dẫn đến thắng lợi là Đảng cộng sản lãnh đạo. Khi tình thế cách mạng xuất hiện, Đảng lãnh đạo quần chúng đánh đổ chính quyền địch, giành chính quyền cho công – nông. Đảng phải liên lạc với vô sản và các thuộc địa trên thế giới, nhất là vô sản Pháp.

Câu 36.3: So sánh Cương lĩnh đầu tiên 3/2/1930 với Luận cương chính trị 10/1930.

So với Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Luận cương tháng 10/1930 có một số điểm khác biệt và chưa phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam:

Thứ nhất, Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đưa vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu, trong khi đó Luận cương tháng 10/1930 lại quá đặt nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất. Điều đó cho thấy, Luận cương chính trị 10/1930 đã chưa vạch rõ được những mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ.

Thứ hai, nếu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên chủ trương tranh thủ lôi kéo các bộ phận tầng lớp giai cấp thì Luận cương tháng 10/1930 chỉ đề cao vai trò tuyệt đối của công – nông, bỏ qua nhiều lực lượng yêu nước khác. So với thực tế xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, Luận cương tháng 10 đã chưa đánh giá đúng khả năng cách mạng của nhiều tầng lớp khác trong xã hội và chưa thấy được sự phân hoá của tư sản và địa chủ.

Câu 37: Trình bày ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam thời đại mới.

Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng sâu sắc về giai cấp lãnh đạo và đường lối đấu tranh của cách mạng Việt Nam.

Nó chứng tỏ rằng, giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng Sản Việt Nam. Và cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

Sự ra đời của Đảng là nhân tố quyết định sự phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam. Nó đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam.

Câu hỏi và bài tập:

1. Trình bày những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong những năm từ 1919 đến 1930. **(Đề thi tuyển sinh Đại học Đà Lạt năm 1999).**

2. Từ năm 1919 đến năm 1930, phong trào công nhân Việt Nam đã phát triển như thế nào? **(Đề thi tuyển sinh Đại học Công đoàn năm 1999)**

3. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (03/02/1930) **(Đề thi tuyển sinh Đại học Mở Hà Nội năm 1999)**

4. Anh (Chị) hãy trình bày những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thập niên 20 của thế kỉ XX nhằm chuẩn bị về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam. **(Đề thi tuyển sinh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2000)**

5. Bằng những sự kiện chọn lọc, anh (chị) hãy trình bày những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam. **(Đề thi tuyển sinh Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2001).**

5. Hoàn cảnh lịch sử và nội dung của Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (03/02/1930). **(Đề thi tuyển sinh Cao đẳng Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh năm 1999).**

7. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (03/02/1930). **(Đề thi tuyển sinh Đại học Luật Hà Nội năm 1999).**

8. Tại sao nói: sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam là một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam? **(Đề thi tuyển sinh Đại học mở Hà Nội năm 1999)**

9. Nội dung cơ bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng 03/02/1930. **(Đề thi tuyển sinh Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2000).**

10. Hãy phân tích tính cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam. **(Đề thi tuyển sinh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2000).**

BÀI 5

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG 1932 - 1935

Câu 38: Trình bày cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 và những tác động của nó đối với xã hội Việt Nam.

Trong giai đoạn 1929 – 1933, các nước tư bản chủ nghĩa nói chung và đế quốc Pháp nói riêng lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế nặng nề. Cuộc khủng hoảng đã tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam:

+ Thực dân Pháp rút vốn đầu tư ở Đông Dương về các ngân hàng Pháp và dùng ngân sách Đông Dương để hỗ trợ cho tư bản Pháp => Sản xuất công nghiệp ở Việt Nam bị thiếu vốn dẫn đến đình trệ.

+ Lúa gạo trên thị trường thế giới bị mất giá làm cho lúa gạo Việt Nam không xuất khẩu được => Ruộng đất bị bỏ hoang.

Hậu quả là nền kinh tế Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng; Ruộng đất bỏ hoang, công nghiệp suy sụp, xuất khẩu đình đốn..., làm cho đời sống của đại bộ phận nhân dân Việt Nam lâm vào cảnh khốn cùng:

- Công nhân thất nghiệp ngày càng đông, số người có việc làm thì tiền lương bị giảm từ 30 đến 50%.

- Nông dân tiếp tục bị bóc lột cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn.

- Tiểu tư sản lâm vào cảnh điêu đứng: Nhà buôn nhỏ đóng cửa, viên chức bị sa thải, học sinh, sinh viên ra trường bị thất nghiệp.

- Một bộ phận lớn tư sản dân tộc lâm vào cảnh khó khăn do không thể buôn bán và sản xuất.

Thêm vào đó, thực dân Pháp còn tăng sưu thuế lên gấp 2, 3 lần và đẩy mạnh chính sách khủng bố trắng hồng dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam... làm cho cuộc sống của người dân lao động khốn khổ đến tột cùng.

Câu 39: Trình bày phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

1. Phong trào đấu tranh trong cả nước nửa đầu năm 1930

Trong bối cảnh mâu thuẫn của dân tộc Việt Nam đối với thực dân Pháp và tay sai đang trở nên gay gắt như vậy, Đảng Cộng Sản Việt Nam vừa mới ra đời (3/2/1930) đã nhanh chóng nắm bắt tình hình và kịp thời lãnh đạo giai cấp công – nông cùng người dân lao động vùng lên đấu tranh chống đế quốc, phong kiến.

Sự lãnh đạo kịp thời của Đảng đã làm bùng lên cao trào cách mạng trong năm 1930 – 1931 trên khắp cả ba miền Bắc – Trung – Nam:

+ Từ tháng 2 đến tháng 4/1930, 3000 công nhân đồn điền Phú Riềng, 4000 công nhân nhà máy sợi Nam Định bãi công. Sau đó là những cuộc bãi công của công nhân nhà máy diêm - cửa Bến Thủy, xi măng Hải Phòng, dầu Nhà Bè, đồn điền Dầu Tiếng... Đồng thời, nông dân ở Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh... cũng biểu tình.

+ Trong ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, công nông và dân chúng Việt Nam từ thành thị đến nông thôn khắp cả ba miền đất nước đã tiến hành bãi công, tuần hành và biểu tình dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Sau ngày 1/5/1930, làn sóng đấu tranh tiếp tục dâng cao; trong tháng 5/1930, cả nước có 16 cuộc đấu tranh của công nhân, 34 cuộc của nông dân, 4 cuộc của học sinh và dân nghèo thành thị.

2. Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh mạnh mẽ ở Nghệ - Tĩnh.

Nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tại Nghệ An đã lãnh đạo công nhân nhà máy diêm, cửa Bến Thủy cùng hàng ngàn nông dân các vùng lân cận thị xã Vinh rầm rộ biểu tình thị uy, giương cao cờ đỏ Búa liềm và các khẩu hiệu đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm sưu thuế, Ban hành luật lao động, chống khủng bố chính trị...

Thực dân Pháp đã xả súng vào đoàn người biểu tình, làm 7 người chết, 18 người bị thương và chúng bắt hơn 100 người.

Cũng trong ngày 01/5/1930, 3000 nông dân huyện Thanh Chương biểu tình, phá đồn điền Kí Viện, cấm cờ Búa liềm trên nóc nhà, lấy ruộng đất chia cho nông dân. Thực dân Pháp đàn áp làm 18 người chết và 30 người bị thương.

Ngày 1/8/1930, tổng bãi công của toàn thể công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy nhân ngày Quốc tế chống chiến tranh đế quốc nổ ra.

Sau ngày 1/8/1930, nhiều vùng nông thôn Nghệ - Tĩnh đã nổ ra những cuộc đấu tranh trên quy mô lớn dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ của nông dân. Tiêu biểu như nông dân huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Can Lộc...

Ngày 12/9/1930, phong trào được đẩy lên giai đoạn đỉnh cao khi 2 vạn người ở Hưng Nguyên (Nghệ An) đã biểu tình hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân các huyện và cuộc bãi công của công nhân Vinh.

Pháp đã cho máy bay ném bom làm 217 người chết và 125 người bị thương.

Hành động khủng bố của Pháp như thêm dầu vào lửa, nông dân huyện Thanh Chương, Diễn Châu (Nghệ An) và Hương Sơn (Hà Tĩnh) đã khởi nghĩa vũ trang, công nhân Vinh - Bến Thủy đã bãi công trong suốt tháng 9 và 10 năm 1930.

Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ đó, chính quyền thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, tan rã. Các tổ chức Đảng ở địa phương đã lãnh đạo quần chúng bầu ra Ban chấp hành Nông hội xã hoạt động theo kiểu các tổ chức Xô Viết.

Câu : Sự ra đời và hoạt động của chính quyền Xô Viết - Nghệ Tĩnh 1930.

Sau khi được thành lập, các chính quyền Xô Viết đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm đem lại lợi ích cho nhân dân:

- **Về kinh tế:** Chia ruộng đất cho nông dân, bắt địa chủ giảm tô, xoá nợ, bãi bỏ các thứ thuế của đế quốc, phong kiến.

- **Về chính trị:** Thực hiện các quyền tự do dân chủ, lập các tổ chức quần chúng như: hội tương tế, công hội, hội phụ nữ giải phóng...tiến hành các cuộc mít tinh, hội nghị để tuyên truyền, giáo dục quần chúng.

- **Về quân sự:** Lập những đội tự vệ vũ trang ở các vùng.

▪ **Về xã hội:** Bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục, khuyến khích nhân dân học chữ quốc ngữ nhằm xây dựng đời sống mới.

Chính quyền Xô Viết Nghệ - Tĩnh duy trì 4 – 5 tháng thì bị thực dân Pháp và tay sai đàn áp. Tuy chỉ tồn tại ở một số xã trong vòng 4, 5 tháng, nhưng hoạt động của chính quyền Xô Viết Nghệ - Tĩnh đã thể hiện được bản chất cách mạng của một chính quyền công nông.

4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm

Đây là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, nó đã giáng một đòn mạnh mẽ và quyết liệt vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai.

Phong trào đã cho thấy rằng: dưới sự lãnh đạo của Đảng, nếu giai cấp công nhân và nông dân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác thì hoàn toàn có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến.

Phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm về phân hoá kẻ thù, giành và bảo vệ chính quyền.

Đây là cuộc diễn tập đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này.

Câu 40: Trình bày chính sách khủng bố trắng của đế quốc Pháp và quá trình phục hồi lực lượng cách mạng 1931 - 1935

Cuối năm 1931, Pháp đã thi hành chính sách khủng bố trắng, thẳng tay đàn áp, làm cho lực lượng cách mạng Việt Nam bị tổn thất nặng nề:

+ Hàng ngàn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt; bị giết hoặc tù đầy.

+ Các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ trung ương đến địa phương lần lượt bị phá vỡ.

⇒ **Phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống.**

Mặc dù bị khủng bố ác liệt, các đảng viên cộng sản yêu nước vẫn tìm cách nối lại liên lạc để gây dựng lại lực lượng cách mạng:

+ Các đảng viên trong tù tìm cách liên lạc với nhau và bắt liên lạc với bên ngoài để hoạt động.

+ Số đảng viên còn lại bên ngoài bí mật tìm cách gây dựng lại các tổ chức cơ sở của Đảng.

Đến cuối năm 1934 đầu 1935, hệ thống tổ chức Đảng trong nước đã được khôi phục:

+ Các xứ ủy Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ được lập lại.

+ Các đoàn thể như công hội, nông hội...cũng được lập lại.

+ Đến tháng 03/1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng đã họp ở Macao (Trung Quốc) chuẩn bị cho một thời kì đấu tranh mới.

Câu hỏi và bài tập:

1. Sự ra đời và hoạt động của chính quyền Xô Viết - Nghệ Tĩnh 1930. (**Đề thi tuyển sinh Đại học Công Đoàn năm 1999**)

2. Em có nhận xét gì về quy mô, lực lượng tham gia và hình thức đấu tranh của cao trào cách mạng 1930 – 1931?

BÀI 6

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936 – 1939

Câu 41: Tình hình thế giới và trong nước sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 diễn ra như thế nào? Nêu chủ trương chiến lược của Đảng ta trước tình hình đó.

1. Tình hình thế giới và nước Pháp

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã đẩy các nước tư bản phát triển muộn và có ít thuộc địa đi đến con đường phát xít hoá bộ máy chính quyền để trấn áp phong trào cách mạng trong nước và chuẩn bị gây chiến tranh phân chia lại thế giới. Trong đó, tiêu biểu là chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật...

Sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít đã trở thành một mối nguy cơ không những đe dọa các nước đế quốc mà còn đe dọa trực tiếp đến nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Đứng trước nguy cơ đó, Đại hội 7 của Quốc tế cộng sản (7/1935) xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít và đề ra chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân để chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng xã hội làm nòng cốt được nhân dân ủng hộ đã lên cầm quyền. Chính phủ mới này đã thực hiện nới rộng quyền tự do dân chủ cho các nước thuộc địa.

2. Tình hình trong nước

Hậu quả của cuộc khủng hoảng 1929 – 1933 vẫn tiếp tục kéo dài, thêm vào đó là khủng bố trắng kéo dài... làm cho cuộc sống của đa số người dân vào cảnh khó khăn, cơ cực, tạo nên động lực thúc đẩy họ tham gia các phong trào đấu tranh.

Chủ trương nới rộng quyền tự do dân chủ cho các nước thuộc địa của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp đã mang lại nhiều điều kiện thuận lợi mới cho cách mạng Việt Nam:

- + Một số tù chính trị ở Việt Nam được trả tự do đã tìm cách hoạt động trở lại.
- + Chính phủ Pháp chủ trương tiến hành điều tra tình hình thuộc địa ở Đông Dương.

3. Chủ trương của Đảng

Căn cứ tình hình trên và đường lối của Quốc tế cộng sản, Đảng Cộng Sản Đông Dương đã nhận định rằng: **“Kẻ thù cụ thể, trực tiếp trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này không phải là thực dân Pháp nói chung, mà là bọn thực dân phản động Pháp”**.

Đảng cũng đã xác định nhiệm vụ trước mắt là “Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình”; tạm gác lại khẩu hiệu “Đánh đuổi đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập”.

Đảng đề ra chủ trương thành lập **Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương**, đến tháng 3/1938 đổi tên thành **Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương** nhằm

tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ, tiến bộ đứng lên đấu tranh chống Phát xít, đế quốc Pháp phản động.

Hình thức đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai.

Câu 42: Trình bày những nét chính về phong trào dân chủ 1936 – 1939.

Giữa năm 1936, được tin Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp cử một phái đoàn sang điều tra tình hình thuộc địa Đông Dương, Đảng đã phát động một phong trào đấu tranh công khai:

Mở đầu là cuộc vận động lập Ủy Ban trừ bị Đông Dương Đại hội, nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng để đưa lên Chính phủ Pháp.

Quần chúng khắp nơi đã sôi nổi tổ chức hội họp diễn thuyết, lấy chữ kí và đưa ra các yêu sách; Đòi Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp trả lại tự do cho tù chính trị, đòi thực hiện ngày làm 8 giờ, trả lương các ngày nghỉ... Nhưng sau đó phái đoàn này không sang.

Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, dân sinh: Năm 1937, nhân dịp đón phái viên Chính phủ Pháp và toàn quyền mới xứ Đông Dương; Quần chúng nhân dân trong đó đông đảo và hăng hái nhất là công nhân và nông dân đã tổ chức nhiều cuộc mittinh, biểu tình để đưa dân nguyện đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống (ở nông thôn và thành thị).

Bên cạnh những hoạt động trên, phong trào bãi công, bãi thị, bãi khoá... đã nổ ra mạnh mẽ ở các thành phố, khu mỏ và đồn điền:

+ Năm 1936, tổng bãi công của công ty than Hòn Gai.

+ Năm 1937, bãi công của công ty xe lửa Trường Thi.

+ Năm 1938 (01/5), một cuộc mittinh lớn của 2,5 vạn người đã diễn ra tại Quảng trường nhà đấu xảo Hà Nội, với các khẩu hiệu: “Tự do lập hội Ái hữu, nghiệp đoàn, giảm thuế, chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ hòa bình...”.

Đẩy mạnh tuyên truyền, cổ động thông qua báo chí và nghị trường:

Nhiều tờ báo của Đảng, Mặt trận dân chủ... công khai ủng hộ phong trào đòi tự do dân chủ ra đời như: Tiền phong, Dân chúng, Bạn dân, Lao động, Tin tức...

Nhiều tác phẩm văn học hiện thực phê phán ra đời như: Bước đường cùng của Nguyễn Công Hoan, Tắt đèn, Lều chõng của Ngô Tất Tố, Giông Tố, Số Đỏ của Vũ Trọng Phụng; Kịch có tác phẩm Đòi Cô Lựu của Trần Hữu Trang...

Đảng đưa người của Đảng tham gia tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam kỳ, Viện dân biểu Bắc kỳ và Trung kỳ... để mở rộng công tác tuyên truyền và đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc.

Phong trào đấu tranh đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ: Những đảng viên Đảng cộng sản và tù chính trị được trả tự do, Ban hành một số quy định về giảm giờ làm, tăng lương...

Cuối năm 1938, Chính phủ Mặt trận nhân Pháp hạn chế dần các chính sách tự do dân chủ => Thực dân Pháp ở Đông Dương đã trở lại chính sách ngăn cấm các hoạt động dân chủ và đàn áp các phong trào đấu tranh.

Đảng đã nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, thu hẹp phong trào đấu tranh công khai và đến tháng 9/1939 thì chấm dứt hẳn để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị cho một giai đoạn đấu tranh mới.

3. Kết quả và ý nghĩa lịch sử

Lợi dụng thời cơ thuận lợi, Đảng đã lãnh đạo quần chúng và phát động một phong trào đấu tranh công khai, bán công khai mạnh mẽ và rộng lớn, uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng.

Tổ chức Đảng có điều kiện để củng cố và phát triển sau khi phục hồi, tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai... Đồng thời Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

Chủ nghĩa Mác-Lênin và các chủ trương, đường lối của Đảng đã được phổ biến, tuyên truyền một cách rộng rãi và công khai trong một thời gian dài thông qua sách báo và các hoạt động khác của phong trào dân chủ.

Đặc biệt, Đảng đã tập hợp được một lực lượng đông đảo quần chúng nhân dân làm cơ sở cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam sau này.

Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc diễn tập thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám - 1945.

Câu hỏi và bài tập:

1. Trình bày cao trào dân chủ 1936 – 1939. So với thời kì Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930 – 1931, thời kì này khác về chủ trương chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh như thế nào? (**Đề thi TS ĐH Văn hóa Hà Nội năm 2000**).

2. Các phong trào cách mạng 1930 – 1931 và 1936 – 1939 đã chuẩn bị những gì cho Cách mạng tháng tám – 1945? (**Đề thi tuyển sinh DHDL Đông Đô năm 2000**).

BÀI 7

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN TỪ THÁNG 9/1939 ĐẾN THÁNG 3/1945

Câu 43: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11/1939).

1. Hoàn cảnh lịch sử

Ngày 01/9/1939, Đức tấn công Ba Lan mở đầu cho cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

Ngày 3/9/1939, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, Pháp chính thức lâm chiến. Ngay sau khi chiến tranh bùng nổ, Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ, Đảng cộng sản Pháp bị đặt ngoài vòng pháp luật.

Ở Đông Dương, chính quyền thực dân Pháp ra lệnh cấm tuyên truyền cộng sản, giải tán các tổ chức chính trị và đóng cửa các tờ báo tiến bộ, tiến hành khám xét và bắt giam hàng nghìn đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương. Đồng thời, chúng còn vơ vét, bóc lột nhân dân Đông Dương và ra lệnh tổng động viên nhằm bắt thanh niên Việt Nam đưa sang Pháp tham gia chiến tranh.

Những chính sách đó đã làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp lên cao và đòi hỏi Đảng ta phải thay đổi sách lược đấu tranh cho phù hợp.

2. Hội nghị TW 6 (11/1939) và chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đảng.

Trước sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước trong giai đoạn chiến tranh mới bùng nổ, Trung ương Đảng đã nhanh chóng ra chỉ thị rút vào hoạt động bí mật và tạm đình chỉ các cuộc biểu tình để bảo toàn lực lượng.

Ngày 6/11/1939, Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì đã diễn ra tại Bà Điểm – Hóc Môn.

Hội nghị nhận định: Chế độ cai trị ở Đông Dương sẽ trở thành chế độ phát xít tàn bạo, các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Đông Dương đều bị chính sách của chính quyền thực dân làm điều đúng, mâu thuẫn giữa mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam với chính quyền thực dân sẽ trở nên gay gắt, đẩy tinh thần chống đế quốc, giải phóng dân tộc lên cao.

Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt là: đánh đổ đế quốc tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Hội nghị chủ trương:

+ Tạm gác lại khẩu hiệu **cách mạng ruộng đất**, thay vào đó là khẩu hiệu **chống địa tô cao, tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân cày nghèo**.

+ Thay khẩu hiệu **“Thành lập chính quyền Xô Viết công nông”** bằng khẩu hiệu **“Chính phủ cộng hòa dân chủ”**.

+ Đưa ra chủ trương thành lập **Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương** thay cho **Mặt trận dân chủ Đông Dương**.

Về phương pháp đấu tranh: Đảng chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp.

Hội nghị còn khẳng định: chiến tranh đế quốc và họa phát xít sẽ làm cho nhân dân phần uất và cách mạng sẽ bùng nổ.

3. Ý nghĩa lịch sử

Hội nghị đã đánh dấu sự mở đầu cho việc thay đổi chủ trương chiến lược của Đảng: gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất.

Thể hiện sự nhạy bén và sáng tạo của Đảng trong việc nắm bắt tình hình, kịp thời tập hợp sức mạnh toàn dân tộc, mở đường đi tới thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 44.1: Tình cảnh của thực dân Pháp ở Đông Dương sau năm đầu tiên của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

Tháng 6/1940, Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức => Thực dân Pháp ở Đông Dương bị yếu thế.

Ở Viễn Đông, phát xít Nhật tiến sát biên giới Việt – Trung và giúp Xiêm gây xung đột ở biên giới Lào và Campuchia, uy hiếp thực dân Pháp ở Đông Dương. Đồng thời ở trong nước, phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương đang đe dọa trực tiếp đến thực dân Pháp.

Thực dân Pháp phải đối mặt cùng một lúc hai nguy cơ: bị tiêu diệt bởi lực lượng cách mạng Đông Dương và bị phát xít Nhật hắt cẳng.

Để đối phó, chúng đã một mặt thỏa hiệp với phát xít Nhật: 6/1940, Nhật buộc Pháp đóng cửa biên giới Việt – Trung; tháng 8/1940, Pháp kí hiệp ước chấp nhận cho Nhật nhiều đặc quyền ở Đông Dương; tháng 9/1940, cho Nhật dùng 3 sân bay ở Bắc Kỳ (Gia Lâm, Cát Bi và Phủ Lạng Thương) và sử dụng các con đường ở Bắc kì để chuyển quân vào Trung Quốc.

Mặt khác chúng đã thực hiện chính sách bắt lính, đàn áp, khủng bố cách mạng, tăng cường áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương để tạo sức mạnh đối phó với phát xít Nhật.

⇒ Nhân dân ta sống trong cảnh bần cùng, ngột ngạt, đẩy tinh thần cách mạng lên cao và đã làm bùng nổ một số cuộc khởi nghĩa.

Câu : Những nét chính về diễn biến của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương?. Ý nghĩa lịch sử của các sự kiện trên.

2.1. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940)

*** Nguyên nhân**

- Ngày 22/9/1940, Nhật đánh vào Lạng Sơn, Pháp thua và rút lui qua Châu Bắc Sơn. Nhân cơ hội đó, Đảng bộ địa phương đã lãnh đạo nhân dân Bắc Sơn khởi nghĩa.

*** Diễn biến và kết quả**

Nhân dân Bắc Sơn đã tước khí giới tàn quân Pháp để tự vũ trang, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Sau đó, được sự thỏa hiệp của Nhật, thực dân Pháp đã quay trở lại đàn áp cuộc khởi nghĩa rất tàn khốc.

Đảng bộ ở Bắc Sơn đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh quyết liệt chống khủng bố, xây dựng căn cứ quân sự và thành lập đội du kích Bắc Sơn để kháng chiến.

Ngày 20/10/1940, thực dân Pháp đánh úp lực lượng cách mạng ở căn cứ Vũ Lăng làm nghĩa quân tan vỡ. Đội du kích Bắc Sơn phải rút vào vùng rừng núi để củng cố lực lượng.

*** Ý nghĩa**

Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng đã để lại nhiều bài học về khởi nghĩa vũ trang cho Đảng. Đặc biệt, trong cuộc khởi nghĩa, đội du kích Bắc Sơn được thành lập – Đây là lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của ta.

2.2. Khởi nghĩa Nam kỳ (23/ 11/ 1940)

*** Nguyên nhân**

Tháng 11/1940, quân phiệt Xiêm đã khiêu khích và gây xung đột dọc đường biên giới Lào và Campuchia. Thực dân Pháp đã đưa binh lính người Việt và người Cao Miên sang làm bia đỡ đạn chết thay cho chúng. Sự việc này làm cho nhân dân Nam kỳ rất bất bình.

Trước hoàn cảnh đó, Đảng bộ Nam kỳ đã quyết định chuẩn bị phát động khởi nghĩa và cử đại diện ra xin chỉ thị của Trung ương. Trung ương quyết định đình chỉ cuộc khởi nghĩa.

***Diễn biến và kết quả**

Người mang chỉ thị của Trung ương về đến Sài Gòn thì bị địch bắt. Do đó, Xứ ủy không biết và phát hành lệnh khởi nghĩa vào đêm 22 rạng ngày 23/11/1940.

Năm được kế hoạch của ta, thực dân Pháp đã ra “thiết quân luật”, ra lệnh giới nghiêm và bủa lưới sẵn lòng các chiến sĩ cách mạng.

Theo kế hoạch đã định, đêm 22 rạng sáng 23/11/1940, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở hầu khắp các tỉnh Nam kỳ, triệt hạ nhiều đồn bốt giặc, lập được chính quyền ở nhiều vùng thuộc Mỹ Tho, Gia Định, Bạc Liêu. Trong cuộc khởi nghĩa, lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện.

Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa vô cùng tàn khốc, lực lượng cách mạng Nam kỳ bị thiệt hại nặng nề, một số cán bộ ưu tú của Đảng như: Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai... bị địch sát hại. Lực lượng còn lại phải rút về Đồng Tháp Mười và U Minh để củng cố lực lượng.

2.3. Cuộc binh biến Đô Lương (13/1/1941)

***Nguyên nhân**

Pháp bắt binh lính người Việt ở Nghệ An sang Lào đánh nhau với quân Xiêm. Trước sự tác động mạnh mẽ của các cuộc khởi nghĩa trong năm 1940, những binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở đây đã bí mật chuẩn bị nổi dậy chống lại quân đội Pháp.

***Diễn biến và kết quả**

Ngày 13/01/1941, Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) đã chỉ huy binh lính ở đồn Chợ Rạng nổi dậy. Tối hôm đó, họ đánh chiếm đồn Đô Lương rồi kéo về Vinh định phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành.

Thực dân Pháp đã kịp thời đổi phỏ, ngày 11/02/1941, Đội Cung bị bắt, cuộc binh biến thất bại.

Ngày 24/4/1941, Đội Cung cùng 10 đồng chí của ông bị bắt và xử tử.

2.4. Ý nghĩa và bài học của ba sự kiện trên

Ba cuộc khởi nghĩa trên thất bại là do kẻ thù còn quá mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị đầy đủ.

Tuy vậy, ba cuộc khởi nghĩa vẫn có ý nghĩa to lớn:

Nêu cao tinh thần anh dũng, bất khuất của dân tộc Việt Nam.

Đó là tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương.

Để lại cho Đảng những bài học kinh nghiệm quý báu về chuẩn bị lực lượng và xác định thời cơ cách mạng, phục vụ cho việc lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Tám sau này

Câu 45: Tình hình Đông Dương sau khi Nhật nhảy vào như thế nào?

1. Pháp câu kết với phát xít Nhật để bóc lột nhân dân Đông Dương

Trong thế bị suy yếu, thực dân Pháp đã chấp nhận nhượng bộ phát xít Nhật để duy trì quyền lợi của mình. Đồng thời Nhật cũng muốn tạm thời sử dụng bộ máy thống trị của Pháp để bóc lột nhân dân Đông Dương:

Ngày 23/7/1941, Pháp kí với Nhật hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương, cho Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

Ngày 29/7/1941, Pháp đồng ý cho Nhật sử dụng tất cả các sân bay và cửa biển của Đông Dương vào mục đích quân sự.

Ngày 7/12/1941, Nhật lại buộc Pháp kí hiệp ước cam kết cung cấp lương thực, bố trí doanh trại...cho quân Nhật.

Pháp chấp nhận “mở cửa” cho các công ty của Nhật tự do đầu tư vào Đông Dương.

2. Những thủ đoạn bóc lột của Nhật

Sau khi buộc Pháp phải nhượng bộ, các công ty tư bản của Nhật bắt đầu đẩy mạnh đầu tư vào Đông Dương để khai thác nguồn tài nguyên và thị trường Đông Dương.

Mặt khác, Nhật gián tiếp bóc lột nhân dân ta bằng cách buộc Pháp phải cung cấp các nhu yếu phẩm (gạo, ngô,...) cho chúng, bắt dân ta phải nhổ lúa để trồng đay và thầu dầu...

3. Những hoạt động bóc lột tàn nhẫn của thực dân Pháp

Để đáp ứng những yêu cầu của Nhật và đảm bảo được quyền lợi như trước đây, thực dân Pháp đã sử dụng nhiều thủ đoạn tàn nhẫn để bóc lột nhân dân ta:

+ Thi hành chính sách “kinh tế chỉ huy”. Tăng mức thuế cũ, đặt thêm thuế mới... đồng thời sa thải công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm, kiểm soát gắt gao sản xuất và phân phối, ấn định giá cả.

+ Tiến hành thu mua thực phẩm mà chủ yếu là lúa gạo theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt, làm cho lương thực, thực phẩm thiếu thốn trầm trọng.

Chính sách vơ vét bóc lột của Pháp - Nhật đã đẩy dân ta tới cảnh cùng cực. Hậu quả là cuối năm 1944, đầu năm 1945, hơn 2 triệu đồng bào ta ở miền Bắc bị chết đói.

4. Nhật – Pháp ra sức chuẩn bị để hắt cẳng nhau

4.1. Những thủ đoạn chính trị lừa bịp của Nhật

Việc duy trì bộ máy thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương chỉ là một giải pháp tình thế nhằm che giấu bộ mặt xâm lược của phát xít Nhật. Đồng thời lợi dụng thực dân Pháp để đàn áp và bóc lột nhân dân Đông Dương.

Để thực hiện âm mưu thống trị Đông Dương lâu dài, phát xít Nhật đã tìm cách xây dựng lực lượng tay sai của mình để đi đến thành lập chính quyền tay sai nhằm thay thế và loại bỏ thực dân Pháp:

- + Ra sức tuyên truyền tư tưởng Đại Đông Á, thuyết “Đồng văn đồng chủng”, tuyên truyền văn hoá và sức mạnh vô địch của Nhật và hứa hẹn trao trả độc lập cho Việt Nam.

- + Bí mật tập hợp những phần tử bất mãn với Pháp như Trần Trọng Kim, Nguyễn Xuân Chữ... để lập ra hàng loạt các đảng phái thân Nhật: Đại Việt dân chính, Đại Việt quốc xã, Việt Nam ái quốc...

- + Nhật thành lập “Việt Nam phục quốc đồng minh hội” để tập hợp các tổ chức, đảng phái thân Nhật, chuẩn bị thành lập một chính phủ bù nhìn và “trao trả độc lập” cho Việt Nam, gạt Pháp ra khỏi Đông Dương.

4.2. Những thủ đoạn lừa bịp của Pháp

Trong tình thế lực lượng bị suy yếu, thực dân Pháp một mặt phải cam chịu khuất phục Nhật, phải thực hiện các yêu sách của Nhật, nhưng mặt khác chúng lại ngấm ngầm chuẩn bị lực lượng chờ cơ hội lật lại tình thế:

Thứ nhất, tiếp tục khủng bố, đàn áp cách mạng để giữ vững quyền thống trị.

Thứ hai, tiến hành nhiều chính sách lừa bịp để nhân dân ta lầm tưởng chúng là bạn chứ không phải là thù:

- ❖ Cho một số người Việt thuộc giới thượng lưu nắm giữ một số chức vụ quan trọng để ràng buộc họ với Pháp.

- ❖ Mở thêm một vài trường cao đẳng (khoa học, kiến trúc, nông lâm...), lập Đông Dương học xá cho một số sinh viên lưu trú nhằm dụ dỗ, lôi kéo thanh niên.

- ❖ Tạo điều kiện, hỗ trợ các nhóm thân Pháp đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, lôi kéo quần chúng ủng hộ chủ trương “Pháp - Việt phục hưng”, để chống lại phát xít Nhật...

- ❖ Khuấy động một phong trào thanh niên giả tạo nhằm lôi kéo thanh niên xa rời nhiệm vụ cứu nước.

Tháng 3/1945, quân đội Nhật ở Thái Bình Dương lâm vào tình trạng nguy cấp, Nhật đã đảo chính Pháp (9/3/1945) và độc chiếm Đông Dương.

5. Tình cảnh nhân dân Việt Nam dưới hai tầng áp bức Pháp - Nhật

Chính sách áp bức, bóc lột nặng nề của Pháp và Nhật, đã đẩy các tầng lớp nhân dân nói chung, đặc biệt là nông dân, lâm vào cảnh khốn cùng:

Giai cấp nông dân: Do bị cưỡng bức thu mua lương thực, phải nhổ lúa trồng đay, sưu cao thuế nặng..., nên đời sống cơ cực. Phần lớn họ là nạn nhân của trận đói làm 2 triệu người chết cuối năm 1944 đầu 1945.

Giai cấp công nhân: Thường xuyên bị cúp phạt, giảm lương, tăng giờ làm..., trong khi đó giá cả sinh hoạt lại tăng cao làm cho cuộc sống của họ rất khó khăn.

Các tầng lớp tiểu tư sản: Cuộc sống bấp bênh, không có lối thoát.

Giai cấp tư sản và địa chủ: Phần lớn bị sa sút nghiêm trọng và phá sản hàng loạt.

Tóm lại: dưới hai tầng áp bức Pháp - Nhật, đời sống của đại đa số người dân Việt Nam lâm vào cảnh cùng bần, điêu đứng, lòng căm thù giặc của họ sôi sục, nếu được lãnh đạo, chắc chắn họ sẽ sẵn sàng đứng lên tiêu diệt kẻ thù.

Câu 46.1: Trình bày bối cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của hội nghị TW 8.

Hội nghị Trung ương 8

1. Bối cảnh

Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai ngày một lan rộng.

Thực dân Pháp đầu hàng và liên kết với phát xít Nhật thống trị nhân dân Đông Dương làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Đông Dương với bọn Nhật – Pháp và đồng thời mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ngày càng gay gắt.

2. Hội nghị Trung ương 8 (10 - 19/5/1941)

Ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc đã trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Sau khi nghiên cứu sự biến đổi của tình hình trong nước và quốc tế, Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương 8 tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19/5/1941.

Hội nghị khẳng định chủ trương đúng đắn của Hội nghị Trung ương 6 và Hội nghị Trung ương 7 và nhận định: mâu thuẫn đòi hỏi phải giải quyết cấp bách đó là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc – phát xít Pháp - Nhật; “Cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc” và đưa ra chủ trương: phải giải phóng Đông Dương ra khỏi ách thống trị của Pháp - Nhật.

Hội nghị quyết định:

- + Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, phong kiến, chia ruộng đất cho dân cày” và thay vào đó là các khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian chia cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức”...

- + Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất riêng cho Việt Nam: Việt Nam độc lập đồng minh - **Việt Minh**, bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là Hội cứu quốc...

- + Chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang.

3. Ý nghĩa

Hội nghị Trung ương 8 đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược và sách lược đề ra từ Hội nghị Trung ương 6 (11/1939):

- + Giương cao hơn nữa và đặt ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- + Giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước Đông Dương.

- + Chủ trương tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Câu 46.2 : Trình bày quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

1. Tập hợp quần chúng và xây dựng lực lượng chính trị

Ngày 19/5/1941, Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập bao gồm các Hội cứu quốc: Nông dân cứu quốc, Công nhân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ lão cứu quốc...để tập hợp quần chúng nhân dân.

Năm 1943, Đảng đã ra Đề cương văn hoá Việt Nam.

Cuối năm 1944, lập Hội Văn hoá cứu quốc và Đảng dân chủ Việt Nam nằm trong lực lượng Việt Minh nhằm tập hợp lực lượng học sinh, sinh viên, tri thức, tư sản dân tộc; tăng cường công tác địch vận...

Ngoài ra Đảng còn ra nhiều ấn phẩm báo chí để tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia cách mạng.

*** Kết quả:**

+ Năm 1942, khắp 9 Châu của Cao Bằng đều có Hội cứu quốc, Ủy Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và sau đó là Ủy Ban lâm thời Cao - Bắc - Lạng được thành lập.

+ Năm 1943, Ủy Ban Việt Minh Cao - Bắc - Lạng đã lập ra 19 đội quân xung phong Nam tiến để liên lạc với căn cứ Vũ Nhai và phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi.

2. Xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng

Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, một bộ phận lực lượng vũ trang đã chuyển thành các đội du kích hoạt động ở vùng căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai. Đến năm 1941, những đội du kích này đã thống nhất thành Cứu quốc quân.

Sau tháng 2/1942, Cứu quốc quân phân tán thành nhiều bộ phận để gây dựng cơ sở ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Ngày 15/9/1941, đội cứu quốc quân 2 ra đời.

Về xây dựng căn cứ địa cách mạng, tại Hội nghị Trung ương 7 (11/1940) Đảng đã chọn Bắc Sơn – Vũ Nhai làm căn cứ địa; sau khi Bác về nước, Cao Bằng được chọn làm căn cứ địa thứ hai của Đảng.

Đến năm 1943, chủ nghĩa phát xít bắt đầu lâm vào tình thế khó khăn, Đảng ta đã chủ trương đẩy mạnh công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Hoạt động chuẩn bị diễn ra sôi nổi ở khắp nơi từ nông thôn đến thành thị trên cả nước. Đặc biệt là ở các tỉnh miền núi phía Bắc: ở căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai, cứu quốc quân hoạt động mạnh; ở Cao Bằng, năm 1943 ban Việt Minh Cao - Bắc Lạng đã lập ra 19 ban xung phong Nam tiến để liên lạc với căn cứ Bắc Sơn...

Ngày 07/5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp “sửa soạn khởi nghĩa” và kêu gọi nhân dân “sắm sửa vũ khí đuổi kẻ thù chung”; không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi sục trong khu căn cứ:

Tháng 11/1944, ở Vũ Nhai nổ ra khởi nghĩa, nhưng bị tổn thất nặng nề do thời cơ chưa thuận lợi, buộc phải chuyển sang chiến tranh du kích.

Ở Cao - Bắc - Lạng cũng chuẩn bị phát động khởi nghĩa, nhưng Bác đã kịp thời hoãn lại để chờ thời cơ.

Ngày 22/12/1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Ngay sau khi thành lập, đội đã liên tiếp giành thắng lợi: Phay Khắt (25/12/1944), Nà Ngần (26/12/1944), mở rộng ảnh hưởng khắp chiến khu Cao - Bắc - Lạng.

Đồng thời, đội Cứu quốc quân cũng phát động chiến tranh du kích và giành được nhiều thắng lợi ở Chiêm Hoá, Vĩnh Yên, Phú Thọ.

Như vậy, từ Hội nghị Trung ương 8 đến cuối năm 1944 đầu 1945, Đảng đã xây dựng và tập hợp được một **lực lượng chính trị hùng hậu** dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, và một **lực lượng vũ trang đang trưởng thành nhanh chóng** cùng

một vùng căn cứ cách mạng vững chắc, sẵn sàng cho việc tiến tới một cuộc đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang giành chính quyền khi thời cơ đến.

Câu hỏi và bài tập:

1. Hoàn cảnh lịch sử và nội dung Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11/1939) [**CDSP Cần Thơ 2000**]

2. Nội dung chuyên hướng chiến lược cách mạng của Hội nghị trung ương lần thứ 8 (5/1941) của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương? [**Đại học Luật Hà Nội - 1999**]

3. Những nét chính về diễn biến của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương?. Ý nghĩa lịch sử của các sự kiện trên [**Đề thi TS Cao Đẳng SP Hà Nội 2001**]

4. Sự chuẩn bị lực lượng cách mạng của nhân dân Việt Nam từ tháng 5/1941 đến tháng 3 năm 1945 diễn ra như thế nào? [**Đề thi TS ĐH Luật Hà Nội - 1999**]

5. Hãy kể tên những mặt trận do Đảng ta thành lập từ năm 1930 đến năm 1941. Trình bày hoàn cảnh lịch sử và sự ra đời, quá trình phát triển và vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945. [**Đề thi TS Cao đẳng SP Thái Bình**].

BÀI 8

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Câu 47: Trình bày khái quát cao trào kháng Nhật cứu nước từ tháng 3 đến tháng 8/ 1945. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công như thế nào?

1. Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945) - thời cơ cách mạng đến gần

Đầu năm 1945, chủ nghĩa phát xít liên tục thất bại nặng nề:

+ Ở Châu Âu: Đức bị đánh bật khỏi Liên Xô, đồng thời liên quân Anh – Mỹ đổ bộ vào giải phóng nước Pháp, sau đó các nước Trung và Đông Âu cũng được giải phóng.

+ Ở mặt trận Thái Bình Dương: Phát xít Nhật cũng bị liên quân Anh – Mỹ tấn công dồn dập.

+ Thực dân Pháp ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị cho việc hắt cẳng Nhật khi quân Đồng Minh tấn công vào Đông Dương.

Nhật biết rõ ý đồ của Pháp nên đã hành động trước: Đêm 9/3/1945, Nhật nổ súng đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương => Thực dân Pháp nhanh chóng tan rã và đầu hàng.

Sau khi hắt cẳng Pháp, Nhật tuyên bố “trao trả độc lập cho các dân tộc Đông Dương” và đưa lực lượng thân Nhật ra lập nên chính phủ bù nhìn ở Việt Nam do Trần Trọng Kim làm Thủ tướng và Bảo Đại làm Quốc trưởng.

Nhưng trên thực tế, Nhật lại tiến hành nhiều hành động trái ngược:

+ Đưa người Nhật thay thế các vị trí của người Pháp trong bộ máy chính quyền thực dân để thống trị và bóc lột dân ta.

+ Tiếp tục vơ vét, bóc lột nhân lực cho nhân dân ta đói khổ.

+ Tiến hành hàng loạt các hoạt động đàn áp lực lượng cách mạng và nhân dân.

2. Cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám

2.1. Đảng ra chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” để điều chỉnh chiến lược

Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và ra chỉ thị: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Chỉ thị đã xác định:

Kẻ thù trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật.

Thay khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp” bằng “Đánh đuổi phát xít Nhật”.

Đưa ra khẩu hiệu “Thành lập chính quyền cách mạng” để chống lại chính quyền bù nhìn thân Nhật.

Hình thức đấu tranh: biểu tình thị uy, vũ trang du kích và sẵn sàng chuyển sang hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

Hội nghị quyết định phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.

2.2. Khởi nghĩa từng phần, chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa

Ở căn cứ Cao - Bắc - Lạng, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân đã lãnh đạo quần chúng giải phóng hàng loạt các xã, châu, huyện...

Ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang...vùng giải phóng tiếp tục được mở rộng.

Năm 1945, nạn đói đang hoành hành làm 2 triệu người miền Bắc chết, trong khi các kho thóc của Nhật thì đầy ắp. Đảng đã kịp thời phát động phong trào đánh chiếm kho thóc của Nhật để cứu đói.

Ở Quảng Ngãi, các đồng chí tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy chiếm đồn giặc và lập ra đội du kích Ba Tơ.

Ngày 15/4/1945, Hội nghị quân sự Bắc kỳ họp và quyết định:

- + Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân.
- + Thành lập Ủy Ban quân sự Bắc kỳ.

Ngày 15/5/1945, Việt Nam giải phóng quân ra đời.

Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp.

Ngày 4/6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập, Tân Trào được chọn làm “thủ đô” của Khu giải phóng, đồng thời thi hành 10 chính sách lớn của Việt Minh.

Như vậy, đến trước tháng 8/1945, lực lượng cách mạng Việt Nam đã chuẩn bị chu đáo và đang từng bước khởi nghĩa, sẵn sàng cho một **cuộc tổng khởi nghĩa** khi thời cơ xuất hiện.

Câu 48: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

1. Nhật đầu hàng quân Đồng Minh - thời cơ cách mạng xuất hiện

Ở Châu Âu, ngày 8/5/1945, Đức đầu hàng quân Đồng Minh không điều kiện.

Ngày 9/8/1945, Hồng quân Liên Xô đã tiêu diệt đạo quân Quan Đông của Nhật tại Trung Quốc. Đến trưa 15/8/1945, Nhật chính thức đầu hàng quân Đồng Minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương và chính quyền Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Kẻ thù của dân tộc Việt Nam đã gục ngã, thời cơ giành chính quyền đã xuất hiện.

Trước đó, lực lượng Đồng Minh đã có sự phân công quân đội vào Đông Dương để giải giáp quân Nhật. Chính vì vậy, thời cơ giành chính quyền bị giới hạn từ khi Nhật đầu hàng đến trước khi quân đồng minh vào Đông Dương.

2. Đảng đã nắm bắt thời cơ và phát động tổng khởi nghĩa

Trước tình hình phát xít Nhật liên tục bị thất bại, ngày 13 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đang họp ở Tân Trào - Tuyên Quang (từ 13/8 đến 15/8/1945). Ngay khi nghe tin Nhật đầu hàng Đồng minh, Hội nghị quyết định:

+ Phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng Minh vào.

+ Thành lập Ủy Ban kháng chiến toàn quốc và ra Quân lệnh số 1.

Từ ngày 16 đến 17/8/1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào đã quyết định:

+ Tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng.

+ Thông qua 10 chính sách của Việt Minh.

+ Lập Ủy Ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch (Sau này là Chính phủ lâm thời của Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa).

+ Lấy cờ đỏ sao vàng làm quốc kì, bài hát Tiến quân ca làm quốc ca.

Sau đó, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước nổi dậy giành chính quyền.

Chiều ngày 16/8/1945, theo lệnh của Ủy Ban khởi nghĩa, Võ Nguyên Giáp chỉ huy một đội quân tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

3. Giành chính quyền trong cả nước

Từ ngày 14/8/1945 đến ngày 18/8/1945, 4 tỉnh đầu tiên giành được độc lập là: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Từ tối 15/8/1945 đến ngày 19/8/1945, nhân dân Hà Nội đã giành được chính quyền.

Ngày 23/8/1945, Huế được giải phóng. Đến 30/8/1945, vua Bảo Đại thoái vị.

Ngày 25/8/1945, Sài Gòn được giải phóng.

Đến ngày 28/8/1945, cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công hoàn toàn trong cả nước (trừ một số thị xã: Móng Cái, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu... đang bị lực lượng của Tưởng Giới Thạch chiếm đóng).

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Câu 49: Phân tích nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm.

1. Nguyên nhân thắng lợi

* **Khách quan:** Hồng quân Liên Xô và quân Đồng Minh đánh bại chủ nghĩa phát xít mà trực tiếp là phát xít Nhật đã tạo ra một thời cơ thuận lợi để nhân dân ta đứng lên giành chính quyền.

* **Chủ quan:** Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước sâu sắc. Vì vậy, khi Đảng đứng ra kêu gọi và lãnh đạo kháng chiến chống giặc thì mọi người đã hăng hái hưởng ứng, tạo nên sức mạnh to lớn để chiến thắng kẻ thù.

Do sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng và Bác Hồ:

Động viên, giác ngộ và tổ chức được các tầng lớp nhân dân đoàn kết dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng trong một mặt trận dân tộc thống nhất.

Kết hợp tài tình giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đấu tranh du kích với khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, tiến lên Tổng khởi nghĩa.

Nắm bắt thời cơ kịp thời, từ đó đưa ra được những chỉ đạo chiến lược đúng đắn.

2. Ý nghĩa lịch sử

*** Đối với dân tộc**

Cách mạng tháng Tám là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Nó đã đập tan xiềng xích nô lệ của Pháp - Nhật và lật nhào chế độ phong kiến.

Đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ thành người làm chủ nước nhà, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền.

Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

*** Đối với quốc tế**

Là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của dân tộc nhược tiểu trên con đường đấu tranh tự giải phóng mình khỏi ách đế quốc - thực dân.

Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới.

3. Bài học kinh nghiệm

Cách mạng tháng Tám thành công đã để lại nhiều bài học quý báu:

Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp đúng đắn, sáng tạo nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, trong đó nhiệm vụ dân tộc được đặt lên hàng đầu.

Đánh giá đúng vị trí của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, khơi dậy tinh thần dân tộc, tập hợp và khai thác triệt để sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, cô lập và phân hoá cao độ kẻ thù để từng bước tiến lên đánh bại chúng.

Nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm cách mạng bạo lực và khởi nghĩa vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị lâu dài về lực lượng và kịp thời nắm bắt thời cơ, tiến hành khởi nghĩa từng phần, tiến lên Tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi hoàn toàn.

Câu hỏi và bài tập:

1. Trình bày nội dung và ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam của Đảng trong cuộc vận động giải phóng dân tộc (1939 - 1945). [**Đề thi TS ĐHSP Hà Nội 2 - 2000**].

2. Trình bày khái quát cao trào kháng Nhật cứu nước từ tháng 3 đến tháng 8/1945. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công như thế nào? [**Đề thi TS DHDL Đông Đô 2000**].

3. Phân tích bài học thời cơ của Cách mạng tháng tám – 1945. [**Đề thi TS ĐHVH H. Nội 1999**].

4. Nguyên nhân thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945. [**Đề TS ĐH Luật H. Nội 1999**].

5. Phân tích ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám 1945. [**Đề thi TS ĐHQG Hà Nội - 2000**].

6. Ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 của Việt Nam [**Đề thi tuyển sinh ĐH Công Đoàn năm 1999**].

BÀI 9

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN 1945 – 1946

Câu 50: Những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau cách mạng tháng tám 1945?

1. Những thuận lợi

Dân tộc Việt Nam đã giành được độc lập, tự chủ và bước đầu được hưởng những quyền lợi do chính quyền cách mạng đem lại, nên họ vô cùng phấn khởi và sẵn sàng đứng lên để bảo vệ quyền lợi ấy.

Đảng và Nhà nước ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo giờ đây đã vững vàng và dày dặn kinh nghiệm sau 15 năm thử thách, tôi luyện.

Hệ thống chủ nghĩa xã hội đang hình thành, phong trào cách mạng thế giới đang phát triển mạnh mẽ đã cổ vũ nhân dân ta trong quá trình xây dựng và bảo vệ thành quả của cách mạng.

2. Những khó khăn

2.1. Về đối nội

Ngay sau khi giành được độc lập, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa phải đối mặt với muôn vàn khó khăn:

*** Nạn đói**

Hậu quả nạn đói năm 1945 vẫn chưa khắc phục nổi. Đê vỡ do lũ lụt đến tháng 8/1945 vẫn chưa khôi phục, hạn hán làm cho 50% diện tích đất không thể cày cấy.

Công thương nghiệp đình đốn, giá cả sinh hoạt đắt đỏ.

Nạn đói mới có nguy cơ xảy ra trong năm 1946.

*** Nạn đói**

Hơn 90% dân số không biết chữ.

Các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc...tràn lan.

*** Ngân sách cạn kiệt**

Ngân sách quốc gia trống rỗng: Còn 1.230.000 đồng, trong đó có đến một nửa là tiền rách không dùng được.

Hệ thống ngân hàng vẫn còn bị Nhật kiểm soát.

Quân Tưởng đưa vào lưu hành đồng “Quốc tệ”, “Quan kim” làm rối loạn nền tài chính nước ta.

2.2. Về đối ngoại

*** Miền Bắc (từ vĩ tuyến 16 trở ra)**

20 vạn quân Tưởng và các đảng phái tay sai của chúng như: Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc), Việt Nam cách mạng đồng chí hội (Việt Cách) tràn vào nước ta với mưu đồ tiêu diệt Đảng Cộng Sản Đông Dương, lập nên chính quyền tay sai của chúng.

Dựa vào quân Tưởng, các đảng phái này đã lập nên chính quyền phải động ở Yên Bái, Móng Cái, Vĩnh Yên.

*** Miền Nam (từ vĩ tuyến 16 trở vào)**

Quân đội Anh đã dọn đường cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam.

Các lực lượng phản động thân Pháp như Đảng Đại Việt, một số giáo phái...hoạt động trở lại và chống phá cách mạng.

Ngoài ra, còn có 6 vạn quân Nhật trên khắp đất nước.

Những khó khăn về đối nội và đối ngoại trên là một thách thức quá lớn đối với Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đang còn non trẻ lúc bấy giờ. Việt Nam lúc này như đang trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Câu : Chủ trương và biện pháp của Đảng và Chính phủ ta nhằm giải quyết những khó khăn trước mắt trong thời gian sau Cách mạng tháng Tám (9/1945 – 12/1946).

1. củng cố chính quyền dân chủ nhân dân

Một tuần lễ sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, Chính phủ lâm thời đã công bố lệnh tổng tuyển cử trong cả nước.

Ngày 06/01/1946, hơn 90% cử tri cả nước tham gia bỏ phiếu bầu cử Quốc hội và đã bầu ra 333 đại biểu.

Ngày 02/03/1946, Quốc hội khoá 1 họp phiên đầu tiên và đã quyết định thành lập Chính phủ chính thức do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Sau ngày bầu cử Quốc hội, cử tri cả nước cũng đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và sau đó Ủy ban hành chính các cấp cũng được thành lập.

Quốc Hội ban hành hiến pháp, pháp luật.

Việt Nam giải phóng quân được củng cố và phát triển sau đó đổi tên thành vệ quốc đoàn (9/1945) và đến tháng 5/1946 đổi thành Quân đội quốc gia Việt Nam.

Ý nghĩa:

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Khẳng định lòng ủng hộ son sắc của cả dân tộc đối với Đảng và Chính phủ cách mạng trước những âm mưu chia rẽ của bọn đế quốc và tay sai.

Trên đây là những điều kiện ban đầu để Đảng và Nhà nước vượt qua được tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” lúc bấy giờ.

2. Giải quyết khó khăn về đối nội

2.1. Diệt giặc đói

Biện pháp trước mắt:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào lập “hũ gạo tiết kiệm”, không dùng gạo, ngô nấu rượu để đem cứu dân nghèo.

Tổ chức “ngày đồng tâm”, thực hiện “nhường cơm sẻ áo” để cứu đói...

Biện pháp lâu dài:

Phát động phong trào thi đua tăng gia sản xuất với khẩu hiệu: “không một tấc đất bỏ hoang”, “tắc đất tắc vàng”...

Củng cố đề điều, Chia ruộng cho dân cày nghèo, giảm tô 25%, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác.

Kết quả: Đến cuối năm 1946, nền nông nghiệp được phục hồi, sản lượng lương thực tăng lên và nạn đói được đẩy lùi.

2.2. Diệt giặc đói

Ngày 08/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ và kêu gọi nhân dân tham gia xóa nạn mù chữ.

Đến đầu tháng 3/1946, ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên, các trường tiểu học, trung học phát triển mạnh.

2.3. Giải quyết khó khăn về tài chính

Chính phủ đã thành lập quỹ độc lập, phát động tuần lễ vàng... để kêu gọi nhân dân tự nguyện đóng góp giúp Chính phủ.

Nhân dân đã hăng hái đóng góp. Sau một thời gian ngắn Chính phủ đã thu được 20 triệu bạc và 370 kg vàng.

Ngày 31/01/1946, Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.

Ngày 23/11/1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trên toàn quốc.

3. Giải quyết khó khăn về đối ngoại

3.1. Trong giai đoạn trước ngày 28/2/1946

*** Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp tái xâm lược**

Ngay sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, chính phủ Pháp đã có kế hoạch tái chiếm Đông Dương.

Ngày 2/9/1945, thực dân Pháp đã xả súng vào nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đang tham dự mítting mừng ngày độc lập.

Ngày 6/9/1945, quân Anh đến Sài Gòn và đã thả hết quân Pháp bị Nhật bắt giam trước đó; trang bị vũ khí cho chúng và tiến hành chiếm đóng nhiều nơi.

Đêm 22 rạng ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng tấn công trụ sở Ủy Ban nhân dân Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trước tình thế đó, nhân dân Nam bộ đã chủ động kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 5/10/1945, sau khi có viện binh thực dân Pháp đẩy mạnh đánh chiếm các tỉnh Nam bộ và Nam Trung bộ.

Trước tinh thần kháng Pháp của nhân dân Nam bộ, Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ đã ra sức ủng hộ và phát động phong trào ủng hộ Nam bộ kháng chiến để giam chân địch.

*** Hòa hoãn với Tưởng Giới Thạch**

Để tránh trường hợp cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, đồng thời tranh thủ điều kiện hòa bình để xây dựng và củng cố chính quyền, Đảng đã chủ trương hòa hoãn và tránh xung đột với quân Tưởng Giới Thạch:

- + Chấp nhận tặng thêm 70 ghế không qua bầu cử cho tay sai của Tưởng.
- + Dành 4 ghế Bộ Trưởng cho bọn Việt Quốc, Việt Cách. Cho Nguyễn Hải Thần làm phó chủ tịch nước.
- + Chấp nhận cung cấp một phần lương thực thực phẩm cho quân Tưởng.
- + Đồng ý để Tưởng đưa đồng “Quan kim”, “Quốc tệ” vào lưu hành ở miền Bắc.

3.2. Từ 28/2/1946 trở đi

Hiệp ước Hoa – Pháp và âm mưu của Pháp

Sau khi chiếm đóng Nam bộ và Nam Trung bộ, thực dân Pháp chuẩn bị mở rộng xâm lược ra miền Bắc. Nhưng do lực lượng còn yếu (3,5 vạn), chúng không thể đương đầu nổi với nhân dân miền Bắc và sự cản trở của 20 vạn quân Tưởng đây.

Để có thể đưa quân ra miền Bắc một cách “hòa bình”, Pháp đã thương lượng và ký với Tưởng Hiệp ước Hoa – Pháp vào ngày 28/2/1946 với nội dung:

- + Pháp trả lại một số quyền lợi cho Tưởng ở Trung Quốc và cho Trung Quốc vận chuyển hàng hoá qua cảng Hải Phòng miễn thuế.

- + Tưởng đồng ý cho Pháp đưa quân ra miền Bắc thay thế Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật.

Mặt khác, Pháp tìm cách điều đình với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Như vậy, sau 28/2/1946, ta đang đứng trước hai con đường:

- + Hoặc chống lại thực dân Pháp ngay sau khi chúng đưa quân ra miền Bắc.

- + Hoặc tạm thời hòa hoãn với Pháp để nhanh chóng đẩy 20 vạn quân Tưởng ra khỏi đất nước ta, sau đó mới chống lại Pháp.

Chủ trương của ta sau ngày 28/2/1946

Chính phủ của ta đã chọn giải pháp thứ hai – hòa hoãn với Pháp:

*** Kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946**

Ngày 6/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ với nội dung:

- + Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có Chính phủ, Nghị viện, quân đội và Tài chính riêng nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

- + Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc thay Tưởng, và số quân này sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm.

- + Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ; Tạo điều thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán ở Paris.

*** Ký tạm ước 14/9/1946**

- + Ta tranh thủ điều kiện hòa bình để ra sức củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị để đối phó với thực dân Pháp.

- + Thực dân Pháp liên tiếp vi phạm Hiệp định: Gây xung đột ở Nam Bộ, tìm cách trì hoãn và phá hoại các cuộc đàm phán, làm cho cuộc đàm phán ở Phông-ten-nơ-blô giữa hai Chính phủ bị thất bại. Nguy cơ bùng nổ chiến tranh đến gần.

Trước tình hình đó, ngày 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp một bản Tạm ước, tiếp tục nhượng bộ một số quyền lợi ở Việt Nam cho Pháp để kéo dài thời gian hòa hoãn nhằm củng cố và xây dựng lực lượng.

⇒ Sự nhân nhượng thực dân Pháp trong giai đoạn sau ngày 28/2/1946 đã đẩy được 20 vạn quân Tưởng và tay sai ra khỏi miền Bắc, tạo ra được một giai đoạn hòa bình để củng cố và xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp.

Câu hỏi và bài tập:

1. Hoàn cảnh lịch sử của nước Việt Nam năm đầu sau cách mạng tháng Tám 1945.[Đề thi TS Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, 1996]

2. Những thành tựu về xây dựng và củng cố nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa từ tháng 9/1945 đến tháng 12 năm 1946. [**Đề thi TS Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, 1998**]

3. Ngay sau khi thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở vào tình thế khó khăn như “ngàn cân treo sợi tóc”. Vì sao? [**Đề thi tuyển sinh ĐH Cần Thơ 1997**]

4. Những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau cách mạng tháng tám 1945? [**Đề thi tuyển sinh ĐH An ninh Nhân dân năm 1998**]

5. Chủ trương và biện pháp của Đảng và Chính phủ ta nhằm giải quyết những khó khăn trước mắt trong thời gian sau Cách mạng tháng Tám (9/1945 – 12/1946). [**Đề thi tuyển sinh ĐH An Ninh Nhân dân năm 1998**]

6. Vì sao chính phủ ta kí với chính phủ Pháp hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và tạm ước 14/9/1946? [**Đề thi tuyển sinh ĐH An Ninh Nhân dân năm 1998**]

7. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược ở Nam bộ vào cuối năm 1945 đã diễn ra như thế nào? [**Đề thi tuyển sinh Đại học Huế 1998**]

BÀI 10

NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN 1946 - 1950

Câu 51: Tại sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp xâm lược lần thứ hai lại bùng nổ? Phân tích nội dung cơ bản đường lối kháng chiến của ta.

1. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ

Mặc dù đã ký Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), nhưng thực dân Pháp vẫn đẩy mạnh các hoạt động khiêu khích ta:

- + Tháng 11/1946, chúng gây xung đột và khiêu khích ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn.
- + Đầu tháng 12/1946, chúng ngang nhiên chiếm Đà Nẵng, Lạng Sơn.
- + Ngày 17/12/1946, chúng khiêu khích ta ở Thủ đô và bắn đại bác vào phố Hàng Bún, phố Yên Ninh, cầu Long Biên....
- + Nghiêm trọng hơn, ngày 18/12/1946, Pháp gửi tới hậu thư buộc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng trong vòng 48 giờ.

Nếu tiếp tục nhân nhượng, thuận theo những điều kiện lúc này của thực dân Pháp thì đồng nghĩa với việc trao độc lập, chủ quyền của ta cho chúng. Nhân dân ta chỉ còn một con đường duy nhất là cầm vũ khí đứng lên.

Ngày 18,19/12/1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định phát động kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

Vào lúc 20 giờ ngày 19/12/1946, cuộc khởi nghĩa bắt đầu nổ ra ở Hà Nội. Và ngay trong đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Sáng ngày 20/12/1946, lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến được phát đi khắp cả nước:

“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...

... Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm...”

2. Nội dung của đường lối kháng chiến

Sau lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 22/12/1946, Trung ương Đảng đã ra chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”, và sau đó, Tổng Bí thư Trường Chinh đã cho xuất bản cuốn “Kháng chiến nhất định thắng lợi”... và đã xác định đường lối kháng chiến:

1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là sự tiếp tục của cuộc Cách mạng tháng Tám.

2. Kháng chiến toàn dân: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên chống thực dân Pháp cứu tổ quốc.

3. Kháng chiến toàn diện: Trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá.

4. Tự lực cánh sinh: Kháng chiến dựa vào sức mình là chính.

5. Kháng chiến trường kỳ: Theo 3 giai đoạn: Phòng ngự, cầm cự và tổng phản công.

3. Trình bày diễn biến cuộc kháng chiến ở các đô thị và chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

3.1. Cuộc kháng chiến ở các đô thị

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, quân dân các thành phố và thị xã ở Bắc vĩ tuyến 16 có quân Pháp chiếm đóng đã đồng loạt nổ súng:

Tại thị xã Hải Dương, quân ta đã nhanh chóng tiêu diệt địch ở trường Nữ học và cầu Phú Lương. Nhưng ngay sau đó, Pháp đã phản kích và giành lại quyền kiểm soát.

Tại Hải Phòng, nhân dân đã phá cầu, chôn mìn đặt chướng ngại vật... để chặn đường tiếp tế cho Hà Nội của Pháp.

Tại Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Huế, Đà Nẵng... nhân dân ta đã nổ súng tấn công địch ở khắp nơi, chiếm giữ được nhiều vị trí quan trọng. Nhưng do bị phản công của Pháp quá mạnh nên ta buộc phải rút lui ra ngoại thành và các vùng nông thôn để bảo toàn lực lượng và tiếp tục kháng chiến.

Trong các cuộc đấu tranh đó, tiêu biểu nhất là cuộc chiến 60 ngày đêm ở Thủ đô Hà Nội. Với tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, quân và dân Thủ đô đã chiến đấu dũng cảm, quyết liệt để giam chân và tiêu hao sinh lực địch. Nhưng do lực lượng của Pháp quá mạnh, nên Trung ương Đảng đã cho Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội trở về hậu phương để kháng chiến lâu dài.

3.2. Tích cực chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài

Song song với cuộc chiến đấu ở các đô thị, Đảng và Chính phủ cũng đã thực hiện thắng lợi cuộc tổng di chuyển ra các vùng căn cứ kháng chiến.

Đến tháng 3/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cơ quan Trung ương đã chuyển lên căn cứ Việt Bắc an toàn.

Di chuyển được hàng vạn tấn máy móc, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm ra vùng căn cứ phục vụ cho cuộc kháng chiến.

Cùng với việc di chuyển, ta thực hiện chủ trương phá hoại để kháng chiến lâu dài.

Bên cạnh đó, Chính phủ còn chủ trương bằng mọi cách phải duy trì sản xuất để đảm bảo đời sống nhân dân và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của cuộc kháng chiến.

Như vậy, sau 3 tháng chiến tranh, thực dân Pháp chỉ chiếm được những vùng đô thị đổ nát do chiến tranh phá hoại và chính sách “Tiêu thổ kháng chiến” của ta. Cơ quan đầu não kháng chiến vẫn tồn tại cùng với một phong trào kháng chiến mạnh mẽ ở các vùng nông thôn và miền núi, làm cho kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp không thành công.

Câu 52: Trình bày bối cảnh, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

1. Bối cảnh

Sau khi chiếm được các đô thị và một số tuyến đường giao thông quan trọng, thực dân Pháp bắt đầu gặp khó khăn do chiến tranh kéo dài và thiếu quân.

Tháng 03/1947, Chính phủ Pháp triệu hồi Đắc-giăng-li-ơ và cử Bô-léc sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. **Bô - léc đã đưa ra kế hoạch như sau:**

- Xúc tiến việc thành lập chính quyền bù nhìn Bảo Đại.
- Chuẩn bị tấn công vào căn cứ Việt Bắc để:
 - + Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta.
 - + Tiêu diệt phần lớn chủ lực của ta.
 - + Khoá chặt biên giới Việt – Trung.
- Sau khi giành thắng lợi, Pháp sẽ đẩy mạnh thành lập chính quyền bù nhìn trên toàn quốc và kết thúc chiến tranh

2. Diễn biến

Ngày 7/10/1947, Pháp huy động 12.000 quân và hầu hết máy bay hiện có ở Đông Dương tấn công lên Việt Bắc:

- + Một bộ phận nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới.
- + Một binh đoàn bộ binh tấn công từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, sau đó chia một bộ phận theo đường số 3 xuống Bắc Cạn.

Ngày 9/10/1947, binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, bao vây Việt Bắc từ phía Tây.

Pháp dự định sẽ khép hai gọng kìm này lại tại Đài Thị.

Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”:

- + Ở Bắc Cạn, ta bao vây tập kích quân nhảy dù của Pháp.
- + Ở sông Lô, ta phục kích địch ở Đoan Hùng, Khe Lau, Khoan Bộ, bắn chìm nhiều tàu chiến và canoe của chúng.
- + Trên đường số 4, ta tập kích mạnh quân pháp và giành thắng lợi lớn ở đèo Bông Lau, cắt đôi đường số 4.

Đồng thời với cuộc phản công ở Việt Bắc, quân dân cả nước đã đấu tranh chính trị, vũ trang hưởng ứng, buộc Pháp phải phân tán lực lượng để đối phó.

Sau hơn 2 tháng chiến đấu, ngày 19/12/1947, đại bộ phận quân Pháp đã rút khỏi Việt Bắc.

3. Kết quả và ý nghĩa

Ta đã đánh bại cuộc tấn công căn cứ Việt Bắc của thực dân Pháp, loại khỏi vòng chiến 6.000 tên địch, bắn hạ 16 máy bay, 11 tàu chiến và ca nô...

Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững, cơ quan đầu não của ta được bảo vệ an toàn.

Chiến thắng Việt Bắc đã đánh bại hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Thực dân Pháp tuy vẫn kiểm soát được tuyến biên giới Lạng Sơn – Cao Bằng - Bắc Cạn nhưng đã không đạt được mục tiêu chiến lược đề ra.

Câu 53: Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của ta được đẩy mạnh như thế nào sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947?

1. Âm mưu và thủ đoạn của thực dân Pháp sau chiến dịch Việt Bắc 1947

Không giành được thắng lợi trong chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947, thực dân Pháp tăng cường thực hiện chính sách “**dùng người Việt đánh người Việt và lấy chiến tranh nuôi chiến tranh**” để đánh lâu dài với ta:

- + Xây dựng và phát triển lực lượng Việt gian.
- + Tăng cường mở rộng các vùng tự do và bình định các vùng tạm chiếm.
- + Thực hiện các chính sách “Đốt sạch, phá sạch, cướp sạch” và chiến dịch “phá lúa” để vơ vét của cải gây khó khăn cho ta.

Trong nửa đầu năm 1948, thực dân Pháp đã giành được nhiều kết quả làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân ta bị tổn thất lớn.

2. Chủ trương đối phó của ta

Để đối phó với những âm mưu của thực dân Pháp, Đảng và Chính phủ chủ trương: Một mặt, phát động chiến tranh du kích ở các vùng bị tạm chiếm nhằm tiêu hao sinh lực địch; mặt khác, đẩy mạnh củng cố chính quyền, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế... ở các vùng tự do để tạo sức mạnh phục vụ cho kháng chiến.

2.1. Đẩy mạnh chiến tranh du kích

Đảng đã chủ trương phân tán 1/3 bộ đội chủ lực, đưa về các vùng bị địch chiếm đóng để hỗ trợ và lãnh đạo nhân dân thực hiện chiến tranh du kích.

Nhờ chủ trương này, phong trào cách mạng đã được phục hồi và phát triển nhanh chóng: Các phong trào chống thu thóc, chống nộp thuế, các hoạt động trừ gian diệt ác, chống càn, bảo vệ làng mạc... diễn ra khắp nơi và rất mạnh mẽ.

Đến năm 1948, bộ đội chủ lực bắt đầu tập đánh vận động chiến, tiêu biểu như: Chiến dịch Nghĩa Lộ, chiến dịch Lao – Hà, chiến dịch Đông Bắc...

Đồng thời, Đảng còn lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị ở khắp các thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn - Chợ Lớn.... Tiêu biểu là cuộc biểu tình của 2.000 sinh viên, học sinh Sài Gòn vào ngày 9/01/1950 và cuộc biểu tình của 300.000 đồng bào Sài Gòn vào ngày 19/3/1950.

2.2. Củng cố chính quyền, xây dựng kinh tế, văn hoá, giáo dục

Đảng và Chính phủ đã tăng cường củng cố chính quyền từ Trung ương xuống địa phương; Thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt thành Hội Liên Việt.

Chống phá hoại kinh tế của địch: Chống chiến dịch “phá lúa”, chống chủ trương “đốt sạch, phá sạch, cướp sạch” của địch.

Xây dựng và phát triển kinh tế như: Phát động phong trào thi đua ái quốc, đẩy mạnh sản xuất. Thực hiện giảm tô 25%, chia ruộng cho nông dân. Giảm tức, xoá nợ, hoãn nợ cho nông dân. Xây dựng các cơ sở công nghiệp quốc phòng.

=> Kinh tế ở các vùng tự do phát triển nhanh chóng, tạo tiềm lực cho chính quyền cách mạng.

Phát triển văn hoá, giáo dục, y tế:

Đảng chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, thúc đẩy xây dựng nếp sống mới vui tươi lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Phong trào chống mù chữ được đẩy mạnh, nền giáo dục phổ thông được mở rộng, hệ thống giáo dục Chuyên nghiệp và Đại học bước đầu hình thành.

Hệ thống y tế được xây dựng và phát triển để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

* **Kết luận:** Những thành công của chiến tranh du kích và thành tựu xây dựng kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế trong giai đoạn này đã tiếp tục làm thất bại âm mưu mở rộng xâm lược của thực dân Pháp. Đồng thời tạo thêm sức mạnh cho cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới.

Câu 54: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên Giới thu – đông 1950

1. Bối cảnh lịch sử

Tiếp theo những thắng lợi trong giai đoạn sau năm 1947 đến trước năm 1950, lực lượng cách mạng Việt Nam tiếp tục gặp những điều kiện thuận lợi mới:

Ngày 01/10/1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, sau đó thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ tháng 01/1950, các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa.

Tháng 6/1950, Ủy Ban dân tộc giải phóng Campuchia thành lập và tháng 8/1950 Chính phủ kháng chiến Lào cũng ra đời đã gây khó khăn cho thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

Trước tình hình đó, Mĩ đã giúp Pháp đẩy mạnh chiến tranh. **Thực dân Pháp đã thông qua Kế hoạch Rơ – ve** với 3 hoạt động cơ bản như sau:

Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 để khoá chặt biên giới Việt – Trung.

Thiết lập một “hành lang Đông – Tây” (Hải Phòng – Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La) để cô lập căn cứ Việt Bắc.

Chuẩn bị tấn công lên căn cứ Việt Bắc lần thứ hai để tiêu diệt cơ quan đầu não Việt Minh và nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

2. Diễn biến

Để tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới, đồng thời xóa bỏ tình trạng bị bao vây, cô lập, tháng 6/1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm:

- + Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- + Khai thông biên giới Việt – Trung.
- + củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

Chuẩn bị cho chiến dịch, ta huy động hơn 120.000 dân công, vận chuyển đến chiến trường 4.000 tấn lương thực, súng đạn...

Sáng 16/9/1950, quân ta nổ súng tấn công Đông Khê, đến ngày 18/9/1950 ta tiêu diệt hoàn toàn Đông Khê làm cho Cao Bằng bị cô lập và Thất Khê bị uy hiếp.

Thực dân Pháp đã lên kế hoạch rút khỏi Cao Bằng bởi một “cuộc hành quân kép”: Đưa quân đánh Thái Nguyên buộc ta phải đối phó, đồng thời đưa lực lượng từ Thất Khê đánh lên Đông Khê và rút quân ở Cao Bằng theo đường số 4 tiếp đánh Đông Khê.

Đoán biết ý đồ của Pháp, ta cho quân mai phục và đánh bại cánh quân tiếp viện từ Thất Khê lên và cả cánh quân từ Cao Bằng rút về. Đồng thời, ta đập tan cuộc hành quân tấn công lên Thái Nguyên của địch.

Trong khi chiến dịch diễn ra, quân và dân cả nước đã phối hợp tấn công, buộc Pháp phải phân tán lực lượng để đối phó, không thể chi viện cho chiến trường Biên giới.

3. Kết quả và ý nghĩa

Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi, quân ta đã loại khỏi vòng chiến hơn 8.300 tên địch, thu 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Giải phóng biên giới Việt – Trung, chọc thủng hành lang Đông – Tây (ở Hòa Bình), làm cho kế hoạch Rơ – ve bị phá sản.

Sau chiến thắng Biên giới 1950, căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng và không còn bị bao vây cô lập. Cách mạng Việt Nam đã nổi được quan hệ với cách mạng thế giới.

Ta đã nắm được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc bộ), đẩy thực dân Pháp vào thế bị động chiến lược.

Câu hỏi và bài tập:

1. Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong cả nước? Nội dung cơ bản của lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh. [**Đề thi TS Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, 1996**]

2. Đường lối kháng chiến của Đảng được vạch ra trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc. [**Đề thi TS Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, 1998**]

3. Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của ta được đẩy mạnh như thế nào sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947?

4. Hãy trình bày tóm tắt chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, chiến dịch biên giới 1950.

BÀI 11

GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN THẾ CHỦ ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH 1951 – 1953

Câu 55: Trình bày âm mưu và kế hoạch mới của Pháp – Mĩ từ năm 1951 – 1953

Sau thất bại 1950, thực dân Pháp phải dựa vào Mĩ để tìm cách xoay chuyển tình hình, giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Tháng 12/1950, Chính phủ Pháp cử tướng Đờ-lát-Đờ-tát-xi-nhi làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương

Đờ-lát đưa ra một kế hoạch mới gồm 4 điểm:

Gấp rút tập trung quân Âu – Phi, xây dựng lực lượng cơ động mạnh và ra sức phát triển ngụy quân.

Lập tuyến phòng thủ “Boongke” và “Vành đai trắng” bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

Tiến hành chiến tranh tổng lực và bình định vùng tạm chiếm.

Đánh phá căn cứ và hậu phương của ta, chuẩn bị tấn công ra vùng tự do để giành lại quyền chủ động chiến lược.

Đờ - lát trên khai kế hoạch bằng cách tiến hành bắt lính, xây dựng hệ thống phòng tuyến “Boongke” ở Bắc Bộ, tăng cường càn quét, bình định và lập “Vành đai trắng”... gây cho ta nhiều khó khăn và tổn thất lớn.

Câu 56: Trình bày diễn biến quá trình đánh bại âm mưu giành lại thế chủ động của thực dân Pháp.

Để đối phó với những hoạt động càn quét và bình định của thực dân Pháp, quân ta đã liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào hệ thống phòng tuyến của địch:

Mở đầu là **chiến dịch Trần Hưng Đạo** (Chiến dịch Trung Du) - từ 25/12/1950 đến 17/1/1951 - đánh vào hệ thống phòng ngự của Pháp ở Vĩnh Yên, Phúc Yên.

Tiếp đến là **chiến dịch Hoàng Hoa Thám** (chiến dịch Đường số 18) - từ 29/3/1951 đến 4/5/1951), quân ta tấn công địch từ Phả Lại đến Uông Bí, buộc chúng phải rút khỏi Uông Bí.

Thứ ba là **chiến dịch Quang Trung** (CD Hà - Nam - Ninh) - từ 28/5/1951 đến 20/6/1951 - quân ta tấn công địch ở Hà Nam Ninh

Những cuộc tấn công của ta đã giành được một số thắng lợi, nhưng lúc này Pháp vẫn còn mạnh và vẫn tiếp tục theo đuổi âm mưu giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Sau một năm củng cố thế phòng ngự, xây dựng và phát triển lực lượng, tháng 11/1951, thực dân Pháp đã mở một cuộc hành quân lớn ra Hòa Bình nhằm nối lại hành lang Đông – Tây, củng cố tinh thần của quân đội Pháp và tranh thủ thêm viện trợ của Mĩ.

Ngày 10/11/1951, Pháp đưa quân tấn công Hòa Bình.

Ta quyết định mở chiến dịch Hòa Bình và tiến hành vây hãm chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích trên chiến trường Bắc Bộ.

Đến cuối tháng 02/1952, Pháp buộc phải rút khỏi Hòa Bình.

Trong chiến dịch này, quân ta đã loại khỏi vòng chiến 22.000 tên, căn cứ địa cách mạng được mở rộng. Đánh bại âm mưu giành lại thế chủ động trên chiến trường của thực dân Pháp.

Câu 57: Trình bày quá trình đẩy mạnh tiến công, phát triển thế chủ động trên chiến trường

Tiếp tục đà thắng lợi, ngày 14/10/1952, ta mở **chiến dịch Tây Bắc** và đã giành được thắng lợi sau 2 tháng chiến đấu, giải phóng thêm 28.500 km² và 25 vạn dân.

Tháng 4/1953, bộ đội ta phối hợp với bộ đội Pha-thét - Lào mở **chiến dịch Thượng Lào**. Sau gần một tháng chiến đấu, liên quân Việt - Lào đã giành được thắng lợi, giải phóng toàn tỉnh Sầm Nưa, mở rộng và nối liền căn cứ địa Thượng Lào với Việt Bắc, tạo nên một vùng căn cứ cách mạng rộng lớn uy hiếp Pháp.

* Tóm lại, từ chiến dịch Biên giới 1950 đến năm 1953, quân ta đã giữ vững và phát huy được thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

Câu hỏi và bài tập:

1. Từ thu - đông 1950 đến hè 1954, trên chiến trường Bắc bộ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã thực hiện các chiến dịch tiến công lớn nào?

2. Tại sao nói: Chiến thắng Biên giới Thu – Đông 1950 của ta mở đầu giai đoạn phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp (1946 - 1950)?

3. Chứng minh thế chủ động đánh địch trên chiến trường chính Bắc bộ của quân ta vẫn giữ vững sau chiến thắng Biên giới thu – đông 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954.

BÀI 12

KẾ HOẠCH NAVA VÀ SỰ THẤT BẠI HOÀN TOÀN CỦA THỰC DÂN PHÁP (1953 - 1954)

Câu 58: Trình bày bối cảnh và nội dung của kế hoạch Nava. Quân dân ta đã từng bước đánh bại kế hoạch Nava như thế nào?

1. Bối cảnh

Sau 8 năm xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp bị suy yếu rõ rệt: Thiệt hại gần 390.000 quân, tiêu tốn 2000 tỉ Phờ - rãng, liên tục bị ta đẩy vào thế bị động chiến lược.

Trước sự sa lầy của Pháp, Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương, thúc ép Pháp phải kéo dài và mở rộng chiến tranh.

Để tìm lối thoát, thực dân Pháp đã tranh thủ viện trợ của Mỹ để đẩy mạnh chiến tranh cố tìm một thắng lợi quân sự để "rút lui trong danh dự".

Ngày 07/5/1953, với sự thỏa thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp cử Tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương và thông qua **Kế hoạch Nava với hy vọng sẽ “chuyển bại thành thắng” trong vòng 18 tháng.**

2. Nội dung của kế hoạch Nava

Bước 1: trong thu đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược trên chiến trường miền Bắc, tránh giao chiến với quân chủ lực của ta. Thực hiện tiến công chiến lược, bình định miền Trung và miền Nam Đông Dương, phát triển nguy quân, xây dựng lực lượng cơ động mạnh.

Bước 2: từ thu đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc để đẩy mạnh tiến công chiến lược và cố giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải đàm phán theo điều kiện có lợi cho chúng.

Để triển khai kế hoạch, Nava đã huy động một lực lượng cơ động lên đến 84 tiểu đoàn trên toàn chiến trường Đông Dương, trong đó ở đồng bằng Bắc bộ có 44 tiểu đoàn. tiến hành những cuộc càn quét, bình định và mở những cuộc tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hóa...

3. Từng bước đánh bại kế hoạch Nava

3.1. Chủ trương chiến lược của ta

Phương hướng chiến lược:

Giữ vững thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

Tập trung lực lượng, mở những cuộc tấn công vào các hướng địch tương đối yếu nhằm tiêu diệt một phần sinh lực, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta.

Phương châm chiến lược: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh ăn chắc và tiến ăn chắc”.

Với phương hướng và phương châm chiến lược đó, ta đã từng bước đánh bại kế hoạch Nava.

3.2. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 của ta đã bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava

Giữa tháng 11/1953, ta tiến quân theo hướng Tây Bắc và Trung Lào. Thực dân Pháp phát hiện; Ngày 20/11/1953, Nava đã cho 6 tiểu đoàn cơ động nhảy dù xuống Điện Biên Phủ nhằm bảo vệ Tây Bắc và Thượng Lào.

Ngày 10/12/1953, quân ta tấn công và giải phóng thị xã Lai Châu, bao vây Điện Biên Phủ. Nava buộc phải điều thêm 6 tiểu đoàn ở đồng bằng Bắc bộ lên tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến đây thành nơi tập trung quân **thứ hai** của Pháp.

Đầu tháng 12/1953, quân ta phối hợp với bộ đội Pha-thét Lào mở chiến dịch Trung Lào, uy hiếp mạnh Sê-nô, buộc Nava phải điều thêm lực lượng lên Sê-nô, biến đây thành nơi tập trung quân lớn **thứ ba** của Pháp.

Cuối tháng 01/1954, ta tiến quân sang thượng Lào, phối hợp với Pha-thét Lào tấn công và uy hiếp Luông-pha-băng, Na-va phải tăng quân cho Luông -pha-băng, biến căn cứ này trở thành nơi tập trung quân lớn **thứ tư** của Pháp.

Đầu tháng 02/1954, ta mở chiến dịch Tây Nguyên, giải phóng Kon Tum và uy hiếp Plây cu. Na-va phải điều lực lượng ở Nam bộ và Bình Trị Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên, biến An Khê và Plây-cu thành nơi tập trung quân lớn **thứ năm** của Pháp.

Ở vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích cũng phát triển mạnh hỗ trợ cho mặt trận chính.

Như vậy, đến đầu năm 1954, lực lượng của Pháp bị phân tán trên khắp chiến trường Đông Dương để đối phó với ta làm cho kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.

Câu 59: Trình bày âm mưu và thủ đoạn của Pháp trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Trước tình hình đó Bộ Chính trị đã ra chủ trương như thế nào? Nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

1. Âm mưu và thủ đoạn của Pháp trong chiến dịch Điện Biên Phủ

Sự điều chỉnh kế hoạch của Nava và chủ trương đối phó của ta

Sau khi đưa quân lên Điện Biên Phủ để bảo vệ Tây Bắc và Thượng Lào không thành công, ngày 5 tháng 3 năm 1954, Na-va quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, chấp nhận một cuộc quyết chiến chiến lược tại đây và sẵn sàng “nghe chờ” bộ đội chủ lực của ta.

Như vậy, từ chỗ không có trong kế hoạch, Điện Biên Phủ đã trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va.

Đến tháng 3 năm 1954, Điện Biên Phủ trở thành căn cứ quân sự lớn nhất Đông Dương với lực lượng lúc cao nhất lên đến 16200 tên, được bố trí thành một hệ thống phòng thủ chặt chẽ gồm 49 cứ điểm, chia thành 3 phân khu với các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại.

1. Chủ trương của Bộ Chính Trị

Đầu tháng 12/1953, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ để tiêu diệt lực lượng địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc.

Toàn dân, toàn quân ta với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, đã huy động 261.464 dân công với 10.301.570 ngày công và hàng vạn thanh niên xung phong tham gia vận chuyển lương thực, đạn dược, mở đường... phục vụ cho chiến dịch.

3. Diễn biến của chiến dịch

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, quân ta bắt đầu nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ; chiến dịch diễn ra 3 đợt:

Đợt 1 (Từ 13 đến 17/3/1954): quân ta tiêu diệt cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc (Độc Lập, Bản Kéo), loại khỏi vòng chiến đấu 2000 tên địch.

Đợt 2 (Từ 30/3/1954 đến 26/4/1954): quân ta tấn công cứ điểm phía Đông và phân khu trung tâm Mường Thanh, từng bước khép chặt vòng vây và tiến sát sân bay Mường Thanh, cắt đứt con đường tiếp viện duy nhất của địch.

Sau đợt này, Mĩ viện trợ khẩn cấp cho Pháp và đe dọa ném bom nguyên tử ở Điện Biên Phủ.

Đợt 3 (Từ 01/5/1954 đến 07/5/1954): ta tiêu diệt khu trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam - Hồng Cúm; quân Pháp định tháo chạy sang Lào.

Chiều ngày 7 tháng 5 năm 1954, quân ta tổng tấn công vào sở chỉ huy; tướng Đờ - cat - tơ - ri đầu hàng, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi.

3. Kết quả và ý nghĩa

3.1. Kết quả

Ta tiêu diệt và bắt sống 16200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

3.2. Ý nghĩa

Đây là một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam.

Đánh bại hoàn toàn kế hoạch Na-va của Pháp - Mĩ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đấu tranh ngoại giao ở Giơ-ne-vơ để đi đến kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

Cỗ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Chứng minh chân lý của thời đại: dù là một dân tộc đất không rộng, dân không đông nhưng nếu quyết tâm, biết đoàn kết chiến đấu với đường lối cách mạng đúng đắn, được sự ủng hộ của quốc tế thì hoàn toàn có khả năng chiến thắng bất cứ kẻ thù nào.

Câu 60: Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương.

1. Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, lập trường của ta là sẵn sàng thương lượng để giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam trên cơ sở độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nhưng thực dân Pháp vẫn cố tình phát động và đẩy mạnh chiến tranh xâm lược nước ta.

Đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, khi đã thất bại nặng nề và liên tiếp gặp khó khăn, Pháp mới chịu chấp nhận giải pháp thương lượng để giải quyết vấn đề Việt Nam.

Tháng 01 năm 1954, Hội nghị ngoại trưởng bốn nước: Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ tại Béc-lin đã thỏa thuận triệu tập một hội nghị quốc tế tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Ngày 26/4/1954, giữa lúc quân ta chuẩn bị mở đợt tấn công Điện Biên Phủ lần thứ 3, hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc.

Ngày 8/5/1954, Phái đoàn của ta do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn đã đến tham dự hội nghị với tư thế là đại biểu của một dân tộc chiến thắng.

Trong quá trình hội nghị, phái đoàn của ta đã kiên trì đấu tranh chống âm mưu phá hoại của đế quốc Pháp-Mĩ và các thế lực phản động quốc tế. Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

2. Nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ

Các bên tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản (độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ) của Việt Nam, Lào và Campuchia và không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước này.

Hai bên ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng với một khu vực phi quân sự hai bên giới tuyến.

Các nước Đông Dương không được gia nhập những khối liên minh quân sự và không được để các nước khác sử dụng lãnh thổ của mình để gây chiến tranh. Nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương.

Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng một cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 năm 1957, dưới sự kiểm soát của một ủy ban quốc tế (Ấn Độ, Ba Lan và Canada).

Trách nhiệm thi hành hiệp định thuộc về những người kí kết hiệp định và những người kế tục họ.

3. Ý nghĩa của Hiệp định

Hiệp định Giơ-ne-vơ cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp (có sự giúp sức của Mĩ), buộc Pháp phải rút về nước.

Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN, tạo cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

Câu 61: Phân tích nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp

1. Nguyên nhân thắng lợi

Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam:

Đề ra đường lối chính trị, quân sự đúng đắn: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nhờ đó, Đảng đã động viên được toàn dân tham gia kháng chiến.

Xác định đường lối kháng chiến thích hợp: toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh. Nhờ vậy, Đảng đã tạo nên được thế trận cả nước đánh giặc.

Do toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, theo tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”.

Nhờ có hậu phương vững chắc mà Đảng đã vận động được cao nhất sức người, sức của để phục vụ cho kháng chiến.

Nhờ có sự đoàn kết phối hợp giữa nhân dân ba nước Đông Dương, sự giúp đỡ, ủng hộ to lớn của các nước XHCN và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

2. Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của nhân dân ta đã buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, làm thất bại âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của Pháp – Mĩ ở Đông Dương.

Bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng tháng Tám, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo thuận lợi cho miền Bắc tiến hành cách mạng ruộng đất, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Giáng một đòn mạnh mẽ vào hệ thống thực dân, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, đồng thời đánh tan âm mưu của đế quốc Mĩ muốn thay chân Pháp nô dịch nhân dân Đông Dương, ngăn chặn sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đông Nam Á.

Làm sáng tỏ chân lí: trong thời đại ngày nay, dù là một dân tộc đất không rộng, dân không đông nhưng nếu quyết tâm, biết đoàn kết chiến đấu với đường lối cách mạng đúng đắn, được sự ủng hộ của quốc tế thì hoàn toàn có khả năng chiến thắng bất cứ kẻ thù nào.

Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới mà trước hết là ở châu Á và châu Phi.

Câu hỏi và bài tập:

1. Hãy trình bày tóm tắt chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, chiến dịch biên giới 1950 và chiến dịch Điện Biên Phủ 1954. [**Đề thi Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, 1998**]

2. Bối cảnh lịch sử, phương hướng chiến lược và thắng lợi của ta trong đông xuân 1953 – 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ. [**Đề thi tuyển sinh Đại học KHXH & NV Tp. Hồ Chí Minh, năm 1998**]

3. Từ thu đông 1950 đến hè 1954, trên chiến trường Bắc bộ, quân đội nhân dân Việt Nam đã thực hiện các chiến dịch tiến công lớn nào?.

4. Hoàn cảnh lịch sử, diễn biến của Hội nghị Giơ – ne – vơ về Đông Dương năm 1954. Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định.

5. Phân tích ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. [**Đề thi Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, 1998**]

BÀI 13

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIƠ - NE - VƠ VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI 1954 – 1975

Câu 62: Trình bày đặc điểm tình hình hai miền Nam – Bắc sau hiệp định Giơ-ne-vơ.

1. Miền Bắc

Sau khi hiệp định được kí kết, thực dân Pháp cố tình trì hoãn rút quân. Ta đã đấu tranh buộc quân Pháp phải rút khỏi Hà Nội vào ngày 10 tháng 10 năm 1954.

Ngày 01/01/1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về đến Hà Nội.

Trong khi rút quân, thực dân Pháp đã phá hoại cơ sở hạ tầng kinh tế ở miền Bắc, đồng thời chung cùng với Mĩ – Diệm dụ dỗ, cưỡng bức gần một triệu đồng bào Công giáo vào miền Nam.

Ngày 13/5/1955, quân Pháp hoàn toàn rút khỏi miền Bắc nước ta.

2. Miền Nam

Chúng ta thực hiện nghiêm chỉnh việc đình chiến, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực.

Trước khi Hiệp định được kí kết, Mĩ đã ép Pháp phải đưa tay sai của Mĩ là Ngô Đình Diệm vào chính phủ bù nhìn của Bảo Đại. Sau đó, Mĩ đã không kí vào bản cam kết thực hiện Hiệp định.

Hai ngày sau khi Hiệp định được kí kết, ngoại trưởng Mĩ đã tuyên bố can thiệp vào miền Nam Việt Nam để “ngăn chặn sự bành trướng của Chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á”.

Ngày 14 tháng 5 năm 1956, Chính phủ Pháp thông báo sẽ rút hết quân viễn chinh ở miền Nam về nước, trút bỏ trách nhiệm thi hành nhiều điều khoản còn lại của hiệp định, trong đó có việc tổ chức tổng tuyển cử ở hai miền Nam Bắc cho chính quyền Ngô Đình Diệm.

=> Miền Nam rơi vào tay đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai.

Câu 63: Trình bày nhiệm vụ cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Những âm mưu của Mĩ – Diệm ở miền Nam đã đưa đất nước đứng trước nguy cơ bị chia cắt lâu dài; miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, miền Nam rơi vào tay đế quốc Mĩ. Trước tình thế đó, Đảng ta đã đề ra hai nhiệm vụ cách mạng khác nhau cho hai miền:

Miền Bắc: chuyển sang giai đoạn cách mạng Xã hội Chủ nghĩa nhằm hoàn thành cải cách ruộng đất, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế... xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước và hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước ở miền Nam.

Miền Nam: Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chống lại chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mĩ, tiến đến giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Hai nhiệm vụ trên tuy khác nhau, nhưng đều nhằm mục đích chung là đánh đổ đế quốc Mĩ và tay sai của chúng để đi đến thống nhất đất nước. Trong đó, miền Bắc

giữ vai trò là hậu phương, đảm bảo cho sự thắng lợi của toàn cuộc cách mạng; miền Nam là tiền tuyến trực tiếp đương đầu với đế quốc Mỹ và tay sai.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Đặc điểm tình hình nước ta sau khi kí hiệp định Giơ-ne-vơ và hoà bình lập lại ở Đông Dương 7/1954.

Câu 2: Nhiệm vụ cách mạng ở hai miền Nam - Bắc sau Hiệp định Giơ – ne - vơ.

BÀI 14

MIỀN NAM CHỐNG “CHIẾN TRANH ĐƠN PHƯƠNG” CỦA MỸ – DIỆM (1954 – 1960)

Câu 64: Trình bày âm mưu chiến lược của Mỹ – Diệm ở miền Nam sau Hiệp định Giơ – ne – vơ.

Sau khi thực dân Pháp thất bại, Mỹ trực tiếp can thiệp vào Việt Nam. Ngày 7/11/1954, Mỹ cử tướng Cô-lin sang làm đại sứ ở miền Nam Việt Nam với âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới để làm bàn đạp tiến công miền Bắc và ngăn chặn làn sóng cách mạng XHCN ở Đông Nam Á.

Dựa vào Mỹ, Ngô Đình Diệm đã nhanh chóng dựng lên một chính quyền độc tài, gia đình trị ở miền Nam và ra sức chống phá cách mạng.

Giữa năm 1954, Diệm lập ra đảng Cần lao nhân vị làm đảng cầm quyền.

Cuối năm 1954, chúng thành lập “phong trào cách mạng quốc gia” và đưa ra mục tiêu: “chống cộng, đả thực, bài phong”.

Tháng 10/1955, Diệm tổ chức trưng cầu dân ý, phé truất Bảo Đại.

Tháng 3/1956, Diệm tổ chức bầu cử và thành lập Quốc hội lập hiến ở miền Nam, bắt chấp hiệp định Giơ-ne-vơ; đến tháng 10/1956, Diệm cho ban hành Hiến pháp và lập ra cái gọi là “Nước Việt Nam Cộng Hòa”.

Sau khi đứng vững ở miền Nam, Diệm bắt đầu đẩy mạnh chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”; vây bắt, tàn sát, tù đầy những người kháng chiến cũ, những người đấu tranh đòi tuyển cử thống nhất đất nước và cả những người không phục tùng chúng với phương châm “tiêu diệt cộng sản không thương tiếc”, “thà giết lầm còn hơn bỏ sót”... nhằm làm nhụt ý chí đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam.

Chính quyền Diệm còn thực hiện chương trình cải cách điền địa nhằm lấy lại ruộng đất mà cách mạng đã giao cho nhân dân, lập ra các khu dinh điền, khu trù mật để kìm kẹp nhân dân.

Chính quyền Ngô Đình Diệm còn gây nhiều tội ác đối với nhân dân:

Ngày 04/9/1954, chúng tàn sát nhân dân ở Chợ Đước – Quảng Nam làm 39 người chết, 37 người bị thương.

Ngày 21/01/1955, chúng trả thù những người kháng chiến cũ ở Vĩnh Trinh (Quảng Nam).

Ngày 01/12/1958, chúng đầu độc 6000 người yêu nước ở nhà tù Phú Lợi, làm hơn 1000 người chết.

Nghiêm trọng hơn, Diệm ra sắc lệnh “đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật” và tháng 5/1959, ra đạo luật 10/59, lê máy chém khắp miền Nam giết hại những người vô tội.

Câu 65: Nhân dân miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1959) như thế nào?

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ mới cho cách mạng miền Nam là: **chuyển từ cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp sang cuộc đấu tranh**

chính trị chống Mĩ – Diệm đòi chúng thi hành Hiệp định để củng cố hòa bình, giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng.

Dưới sự chỉ đạo đó, tháng 8 năm 1954, phong trào hòa bình của tri thức và các tầng lớp nhân dân ra đời ở Sài Gòn – Chợ Lớn đã tổ chức nhiều cuộc Mittinh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, hiệp thương tổng tuyển cử..., nhưng đã bị chính quyền Diệm đàn áp và khủng bố.

Tiếp sau đó, phong trào chống “trung cầu dân ý”, chống bầu cử quốc hội, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước, chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng”, đòi quyền tự do dân chủ... lại tiếp tục dâng cao và lan rộng từ thành thị đến nông thôn.

Các cuộc đấu tranh chính trị hòa bình của ta đã bị chính sách khủng bố và tàn sát dã man của Diệm chìm trong bể máu, lực lượng cách mạng tổn thất nặng nề: nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt bớ, giam cầm và giết hại. Nhưng cũng chính sự tàn bạo đó của Diệm đã làm cho tinh thần cách mạng của quần chúng ngày càng dâng cao.

Câu 66: Trình bày hoàn cảnh, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào Đồng Khởi 1959 – 1960.

Những tổn thất to lớn của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1954 – 1959 cho thấy, chủ trương đấu tranh chính trị hòa bình đã không còn thích hợp, cách mạng miền Nam cần phải có một đường lối đấu tranh mới.

Tháng 01/1959, Trung ương Đảng đã tiến hành hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 15; Hội nghị đã ra nghị quyết xác định: **con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.**

Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của nghị quyết 15 như một ngọn gió thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng; phong trào Đồng Khởi bùng lên khắp miền Nam.

Mở đầu là cuộc khởi nghĩa ở Vĩnh Thạnh (Bình Định) và Bắc Ái (Ninh Thuận) vào 02/1959. Sau đó lan đến Trà Bồng (Quảng Ngãi) – 8/1959 và đặc biệt là cao trào Đồng Khởi ở Bến Tre:

Ngày 17/01/1960, tỉnh ủy Bến Tre lãnh đạo nhân dân 3 xã Định Thủy, Phước Hiệp và Bình Khánh (Mỏ Cày) với gậy, gộc, súng ống... đồng loạt nổi dậy đánh đồn bót và giải tán chính quyền địch.

Cuộc nổi dậy lan khắp huyện Mỏ Cày và tỉnh Bến Tre, phá tan từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch, thành lập chính quyền cách mạng, chia ruộng đất cho dân cày nghèo.

Từ Bến Tre, phong trào lan rộng khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở Trung Trung bộ.

Đến cuối năm 1960, ta đã giải phóng được 600/1298 xã ở Nam bộ, 904/3829 thôn ở Trung bộ, 3200/5721 thôn ở Tây Nguyên.

Trên đà thắng lợi, ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, trực tiếp lãnh đạo thống nhất phong trào cách mạng miền Nam.

*** Ý nghĩa của phong trào Đồng Khởi**

Phong trào Đồng Khởi đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam; làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

Đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam, **chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công** và làm thất bại chiến lược “chiến tranh đơn phương” của Mỹ - Diệm.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Bối cảnh, diễn biến của phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam năm 1960. Tại sao nói phong trào Đồng khởi đã đánh dấu bước chuyển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

(Xem thêm ở Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007)

BÀI 15

MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT (1954 - 1960)

Câu 67: Trình bày quá trình hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế (1954 - 1957).

Sau khi miền Bắc được độc lập, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành cải cách ruộng đất. Tính từ khi bắt đầu đến khi kết thúc, ta đã tiến hành 5 đợt cải cách:

Kết quả của 5 đợt cải cách, ta đã tịch thu, trưng thu, trưng mua 810.000 ha ruộng đất, 106.448 trâu bò, 148.565 ngôi nhà và 1.846.000 nông cụ các loại do giai cấp địa chủ chiếm giữ chia cho 2.104.138 hộ nông dân lao động.

Tuy nhiên trong quá trình cải cách ta đã phạm phải một số sai lầm, khuyết điểm. Tháng 9/1956, Hội nghị lần thứ 10 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra chủ trương sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình thực hiện cải cách.

Công tác sửa sai đã dần dần củng cố được lòng tin của nhân dân, cán bộ đối với Đảng, làm ổn định hành chính trị, giữ vững được trật tự, trị an, củng cố khối đoàn kết toàn dân.

Bên cạnh việc thực hiện những nhiệm vụ trên, Đảng và nhà nước ta đã chủ trương tập trung mọi nỗ lực để hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định và bước đầu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân:

Trong nông nghiệp: nhân dân đã khôi phục sản xuất trên những vùng đất bỏ hoang, củng cố hệ thống thủy nông, đê điều, đẩy mạnh sản xuất phân bón, gây dựng lại số trâu bò bị thiệt hại trong chiến tranh, cải tiến nông cụ, phương thức canh tác... Đến năm 1956, miền Bắc sản xuất hơn 4 triệu tấn lương thực, nạn đói giáp hạt được đẩy lùi.

Trong công nghiệp, ta đã khôi phục được 29 xí nghiệp cũ, xây mới 55 xí nghiệp mà chủ yếu là trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng.

Kết quả: giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh tăng từ 28 tỷ đồng năm 1955 lên 232 tỷ đồng năm 1957.

Giao thông vận tải: nhà nước đã đầu tư khá lớn cho lĩnh vực giao thông vận tải và bưu điện: Năm 1954 dành 54.4% tổng số vốn đầu tư cho xây dựng và kiến thiết cơ bản, năm 1956 giảm xuống 28.4%, đến 1957 là 20.9%.

Nhờ được đầu tư lớn, giao thông vận tải được khôi phục nhanh chóng: khôi phục 657km đường sắt, 168 cầu cống trong 3 năm từ 1955 đến 1957; đường bộ khôi phục được 1624 km, sửa chữa lớn 1.660km, làm mới 600km đường trục chính ...

Thương nghiệp: nhà nước đẩy mạnh phát triển mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán; ngoại thương đúng nghĩa kể từ khi nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa thành lập đến thời điểm này.

Các ngành văn hóa, giáo dục, y tế phát triển nhanh chóng: từ năm 1955 đến 1957, miền bắc có hơn 1 triệu người thoát nạn mù chữ, số người được bổ túc văn hóa cấp 1 và cấp 2 tăng nhanh; năm học 1956 - 1957, miền bắc có 606.000 học sinh vỡ lòng 952.000 học sinh phổ thông 3.664 sinh viên.

Năm 1957, miền Bắc có 55 bệnh viện, 13 viện điều dưỡng, 85 bệnh xá, 19.700 giường bệnh, 362 nhà hộ sinh, 5130 ban phòng bệnh, nhiều bệnh xã hội, truyền nhiễm bị đẩy lùi.

Câu 68: Trình bày quá trình cải tạo chủ nghĩa xã hội, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958 - 1960).

Tháng 11/ 1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân miền Bắc thực hiện kế hoạch cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa (1958 - 1960) và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh. Đồng thời song song với cải tạo là ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh làm lực lượng lãnh đạo nền kinh tế quốc dân.

Trong cải tạo nông nghiệp: đến cuối năm 1958, số lượng hợp tác tăng lên 4.721 và tháng 11/1960 là 41.401 hợp tác xã với 76% diện tích đất canh tác.

Đây là thắng lợi có ý nghĩa quan trọng đối với nông thôn và nông dân miền Bắc. Nó tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển, đảm bảo lương thực, thực phẩm cho miền Bắc và chi viện cho miền Nam.

Trong cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh: nhà nước chủ trương mua lại, chuộc lại tư liệu sản xuất của tư sản và trả dần tiền chuộc cho họ. Tất cả các cơ sở công thương sau khi cải tạo được tổ chức thành các xí nghiệp công thương hợp doanh, hợp tác..., xóa bỏ sự bóc lột của tư bản, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển trong điều kiện có chiến tranh.

Trong cải tạo thủ công nghiệp và những người buôn bán nhỏ: toàn miền Bắc đã đưa 81% thợ thủ công vào các hình thức hợp tác xã, 60% số người buôn bán nhỏ được cải tạo tham gia vào các tổ hợp mua bán hoặc các hợp tác xã mua bán.

Tiến hành phát triển kinh tế, đặc biệt là thành phần kinh tế quốc doanh:

Trong công nghiệp: Giai đoạn 1958 – 1960, tổng số ngân sách đầu tư cho công nghiệp tăng gấp 3 lần so với giai đoạn 1955 – 1957, giá trị sản phẩm công nghiệp miền Bắc chiếm 41% tổng giá trị kinh tế quốc dân; trong đó, công nghiệp quốc doanh chiếm 90,8% sản lượng công nghiệp.

Trong nông nghiệp: Năm 1957, miền Bắc có 16 nông trường quốc doanh, đến năm 1960 tăng lên 59 nông trường. Vốn đầu tư cho nông nghiệp giai đoạn này tăng gấp đôi so với giai đoạn 1955 - 1957.

Trong xây dựng cơ bản: Nhiều công trình quan trọng đã được xây dựng như: nhà máy điện Vĩnh, Lào Cai, nhà máy sứ Hải Dương; cao su, thuốc lá ở Hà Nội, các công trình thủy lợi ...

Về văn hóa, giáo dục, y tế: Đến năm 1960, số học sinh phổ thông tăng gấp 2 lần, số học sinh trung học chuyên nghiệp tăng 4 lần, đại học tăng 4 lần với 9 trường Đại học và 11.000 sinh viên, nâng tỷ lệ người học/100 dân lên mức 18/100.

Số bệnh viện, bệnh xá, trạm xá, cơ sở hộ sinh .. tăng gấp 11 lần, số giường bệnh tăng gấp đôi so với trước.

Đồng thời với nhiệm vụ khôi phục, cải tạo, phát triển, văn hóa, Đảng và Nhà nước còn quan tâm đến việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng để biến miền

Bắc trở thành một hậu phương lớn, vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Câu hỏi và bài tập: (Xem ở Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007)

BÀI 16

MIỀN NAM CHỐNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1961 – 1965)

Câu 69: Hãy cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam.

1. Âm mưu chiến lược mới của Mỹ – “chiến tranh đặc biệt”

Sau phong trào Đồng Khởi, chiến lược chiến tranh đơn phương hoàn toàn thất bại, của Mỹ – Ngụy phải đổi mặt với một thực tế là phong trào cách mạng miền Nam đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Để tránh thất bại hoàn toàn ở miền Nam, Mỹ đề ra chiến lược chiến tranh mới – “chiến tranh đặc biệt”.

Đây là hình thức chiến tranh xâm lược mới của Mỹ được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mỹ, dựa vào vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ nhằm chống lại lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Thực chất đây là âm mưu dùng người Việt đánh người Việt của Mỹ.

Lúc đầu, Mỹ dự định thực hiện chiến lược này bằng kế hoạch Stalay-Taylor với mục tiêu **bình định miền Nam trong vòng 18 tháng**. Nhưng Mỹ đã không thành công và phải giảm mục tiêu xuống bằng một kế hoạch mới – kế hoạch Giôn-xon – Mác-na-ma-ra – **bình định miền Nam có trọng điểm trong vòng 2 năm (1964 - 1965)**

2. Mỹ – Ngụy triển khai chiến lược “chiến tranh đặc biệt”

Mỹ đã tăng cường viện trợ quân sự cho Ngô Đình Diệm, đưa lực lượng cố vấn quân sự và hỗ trợ chiến tranh vào miền Nam Việt Nam với số lượng ngày càng lớn: Cuối năm 1960: **1.100**, cuối 1962: **11.000**, cuối 1964: **26.000**.

Ngày 08/02/1962, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ được thành lập ở Sài Gòn.

Ngụy ra sức bắt lính để tăng nhanh quân số: giữa năm 1961: 170.000 quân, đến cuối năm 1964: 560.000 quân.

Quân đội Sài Gòn được trang bị vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, đặc biệt là chúng đưa vào sử dụng chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”.

“Áp chiến lược” được Mỹ và Ngụy coi như “xương sống” của “chiến tranh đặc biệt”, chúng đã ráo riết tiến hành dồn dân, lập “ấp chiến lược” để tách lực lượng cách mạng khỏi quần chúng, “tát nước bắt cá”, tiến tới năm dân và “bình định” miền Nam.

Dựa vào sự hỗ trợ và chỉ huy của cố vấn Mỹ, Ngụy liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng; tiến hành nhiều hoạt động phá hoại miền Bắc, kiểm soát, phong tỏa biên giới, vùng biển để ngăn chặn sự tiếp viện của miền Bắc vào miền Nam.

Câu 70: Quân dân miền Nam chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam như thế nào?

1. Hoàn chỉnh về tổ chức lãnh đạo cách mạng

Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Tháng 01/1961, Trung ương cục miền Nam thành lập thay cho Xứ ủy Nam bộ cũ.

Ngày 15/02/1961, các lực lượng vũ trang cách mạng đã thống nhất thành quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

2. Đánh bại kế hoạch Stalây – Taylor 1961 – 1963

Trên mặt trận chính trị:

Ngày 8/5/1963, 2 vạn tăng ni, Phật tử ở Huế biểu tình phản đối chính quyền Diệm cầm treo cờ Phật. Diệm đàn áp làm cho phong trào lan rộng khắp cả nước.

Ngày 11/6/1963, tại Sài Gòn, hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu để phản đối Diệm đàn áp Phật giáo.

Ngày 16/6/1963, 70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình làm cho chế độ Mỹ Diệm lay chuyển.

Trước tình hình đó, ngày 01/11/1963, Mỹ đã ủng hộ Dương Văn Minh làm đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm.

Trên mặt trận chống và phá “Áp chiến lược”:

Cuộc đấu tranh giữa ta và địch trong việc lập và phá “áp chiến lược” diễn ra gay go và quyết liệt. Đến cuối năm 1962, gần 8000 áp chiến lược với 70% nông dân toàn miền Nam vẫn còn do cách mạng kiểm soát.

Trên mặt trận quân sự:

Năm 1962, quân giải phóng cùng với nhân dân đã liên tiếp đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của Ngụy vào chiến khu Đ, Tây Ninh, phía Bắc và Tây Bắc Sài Gòn...

Đặc biệt, tháng 01/1963, quân dân miền Nam đã giành chiến thắng vang dội ở Ấp Bắc – Mỹ Tho. Với lực lượng ít hơn địch 10 lần, ta đã đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 20000 quân ngụy dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ và hỗ trợ của pháo binh, xe bọc thép và máy bay lên thẳng; diệt 450 tên địch, 8 máy bay, 13 xe bọc thép.

Chiến thắng Ấp Bắc chứng tỏ quân dân miền Nam có khả năng đánh bại hoàn toàn chiến lược chiến tranh đặc biệt và chiến thuật “thiết xa vận”, “trục thẳng vận” của Mỹ – Ngụy và làm bùng lên phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” trên khắp miền Nam.

Kết luận: những thắng lợi của ta trên khắp các mặt trận đã làm cho Mỹ – Ngụy không thể hoàn thành kế hoạch Stalây-Taylor trong 18 tháng như dự định.

3. Đánh bại kế hoạch Giôn-xơn – Mác-na-ma-ra (1964 – 1965)

Trước sự thất bại của kế hoạch Stalây-Taylor, năm 1964, Giôn-xơn đã đưa ra kế hoạch Giôn-xơn – Mác-na-ma-ra để tiếp tục thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt với mục tiêu bình định miền Nam có trọng điểm trong vòng 2 năm (1964 - 1965).

Trên mặt trận chính trị

Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị (Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng) tiếp tục lên cao, đặc biệt là sau khi Nguyễn Khánh ra những sắc lệnh phát xít mới và chính quyền Ngụy sát hại Nguyễn Văn Trỗi (15/10/1964).

Trên mặt trận chống phá “Bình định”

Trong năm 1964 và đầu năm 1965, từng mảng lớn áp chiến lược do địch lập nên đã bị ta phá, nhiều áp chiến lược đã trở thành căn cứ cách mạng, vùng tự do của ta ngày càng được mở rộng.

Trên mặt trận quân sự

Kết hợp với đấu tranh chính trị, quân dân Đông Nam Bộ mở chiến dịch tiến công Đông – Xuân 1964-1965:

Ngày 02/12/1964, quân ta đã thắng lớn ở Bình Giã (Bà Rịa), tiêu diệt 17000 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Sau chiến thắng Bình Giã, quân ta mở tiếp chiến dịch xuân – hè 1965 và đã liên tiếp giành được thắng lợi ở An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hòa); đánh dấu sự phá sản của kế hoạch Johnson – Mc. Namara.

Kết luận: sự phá sản của hai kế hoạch Stalay-taylor và Johnson-Mc. Namara đã làm cho chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thất bại hoàn toàn.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1. Chiến thắng Ấp Bắc và ý nghĩa của nó đối với quá trình đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mĩ - Diệm ở miền Nam?

Câu 2: Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ ở miền Nam có gì khác nhau giữa hai thời kì 1954 – 1960 và 1961 – 1965?

(Xem thêm ở phần Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007)

BÀI 17

MIỀN BẮC XÂY DỰNG BƯỚC ĐẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT – KỸ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1961 - 1965)

Câu 71: Trình bày nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).

Từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã diễn ra. Tham dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết. Đại hội đã kiểm điểm công tác lãnh đạo của Đảng trong 10 năm kể từ Đại hội II (2/1951), thảo luận và vạch ra đường lối đấu tranh cho cả hai miền trong giai đoạn mới, xác định nhiệm vụ mới của cách mạng cả nước và của từng miền.

Đại hội đã xác định rõ nhiệm vụ chiến lược của cả hai miền là: Xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tăng cường mau chóng lực lượng của miền Bắc về mọi mặt, và “trách nhiệm của cách mạng ở miền Nam là phải trực tiếp làm nhiệm vụ đánh đổ ách thống trị của Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai để giải phóng miền Nam, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước”.

Đại hội bầu Ban chấp hành Trung ương mới gồm 47 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết; bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, và đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất.

Đại hội đã đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình xác định đường lối cách mạng ở hai miền Nam – Bắc, định hướng cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1961 – 1975.

Câu 72: Trình bày những thành tựu cơ bản của miền Bắc trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965).

Miền Bắc là nền tảng, gốc rễ đảm bảo cho sự thành công của cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất tổ quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã xác định: Phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, biến miền Bắc thành căn cứ địa vững chắc cho các mạng cả nước. Để thực hiện nhiệm vụ đó, đại hội đã đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu công nghiệp hóa nước nhà.

Từ năm 1961 đến năm 1965, nhân dân miền Bắc đã dồn sức thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất với nhiều phong trào thi đua sôi nổi như trong nông nghiệp có phong trào “đại phong”, trong công nghiệp có phong trào “duyên hải”, trong quân đội có phong trào “ba nhất”, trong thủ công nghiệp có phong trào “thành công”

1. Công nghiệp

Nhà nước đã thực hiện những biện pháp và chính sách nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và quản lý, huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, cải tiến kỹ thuật... Kết quả sau 5 năm thực hiện, ngành công nghiệp miền Bắc đã có những bước phát triển đáng kể:

Tính đến năm 1965, ngành điện tăng gấp 10 lần so với năm 1955; ngành cơ khí tăng bình quân hàng năm là 30%, một số nhà máy lớn đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng như: khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy hóa chất Việt Trì, phân đạm Bắc Giang, Supper phốt phát Lâm Thao, ...

Công nghiệp phục vụ nông nghiệp ngày càng phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy quá trình cơ giới hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

2. Nông nghiệp

Nhiệm vụ trọng tâm của nông nghiệp là giải quyết vấn đề lương thực đồng thời coi trọng cây công nghiệp, chăn nuôi, mở mang nghề cá, nghề phụ .. phấn đấu nâng cao mức sống của người nông dân, làm thay đổi bộ mặt nông thôn miền Bắc.

Nông dân miền Bắc đã tích cực hưởng ứng những chủ trương của Đảng, có trên 90% hộ nông dân đã vào hợp tác xã, trong đó có 50% là hợp tác xã bậc cao; năm 1960, toàn miền Bắc có 4.300 hợp tác xã bậc cao thì đến năm 1965 đã tăng lên 18.600 hợp tác xã, năng suất tăng: năm 1965, có 9 huyện và 125 hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn/ha/năm.

3. Văn hóa, giáo dục và y tế

Đảng và Nhà nước chủ trương đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục để xây dựng một nền văn hóa mới và con người mới Việt Nam.

Trong 5 năm (1961 - 1965) số trường phổ thông tăng từ 7066 lên 10.294 trường, số trường đại học từ 9 trường lên 18 trường; ngoài ra nhà nước còn ban hành các chế độ, chính sách phát triển giáo dục ... Nhờ vậy, số học sinh phổ thông tăng 3,5 lần, số sinh viên đạt 34.000 người, 6 vạn học sinh trung cấp và cơ bản đã xóa được nạn mù chữ ở miền Bắc.

Mạng lưới y tế được xây dựng rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, tính đến năm 1965, đã có 70% số huyện có bệnh viện, 90% số xã đồng bằng và 78% số xã miền núi có trạm y tế với đội ngũ y bác sĩ, tăng gấp 5 lần so với năm 1960 (1525 bác sĩ, 8043 y sĩ).

Đời sống văn hóa được nâng cao, các tệ nạn xã hội ngày càng giảm.

4. Quân sự, quốc phòng

Trong giai đoạn 1961 - 1965, Đảng và Nhà nước ta đã tập trung cho việc xây dựng quân đội chính qui hiện đại theo kế hoạch quân sự lần thứ hai để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế. Lực lượng vũ trang 3 thứ quân lớn mạnh không ngừng cả về chất lượng và số lượng.

Để đảm bảo yêu cầu bảo vệ miền Bắc và chi viện cho miền Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Chính phủ đã cho cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống giao thông chiến lược ở cả 2 miền Nam - Bắc.

Công tác chi viện cho miền Nam trong giai đoạn 1961 - 1963 bắt đầu được tăng cường: tổng cộng có 4 vạn cán bộ được chuyển vào miền Nam. Đến năm 1964, các đơn vị cơ động cấp trung đoàn đã được đưa vào Nam.

Câu hỏi và bài tập: (Xem ở Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007)

BÀI 18

MIỀN NAM CHỐNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CỤC BỘ CỦA MỸ (1965 – 1968)

Câu 73: Hãy cho biết hoàn cảnh, âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam.

Đầu năm 1965, đứng trước nguy cơ bị thất bại hoàn toàn của chiến lược chiến tranh đặc biệt, Giôn-xơn đã chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”: ồ ạt đưa quân viễn chinh, quân chư hầu cùng vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam Việt Nam để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược và **mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc Việt Nam**.

Chiến lược “chiến tranh cục bộ” chính thức bắt đầu từ giữa năm 1965. Đây là hình thức xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng lực lượng quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu và ngụy quân. Trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng lẫn trang bị.

Tính đến cuối năm 1964, lực lượng quân Mỹ có mặt ở miền Nam khoảng 26.000, đến cuối năm 1965 là 200.000, đến cuối năm 1967 là 537.000. Chưa kể 70.000 lính Mỹ ở Hạm đội 7 và 20.000 lính chư hầu sẵn sàng tham chiến.

Mỹ đã mở hàng loạt cuộc hành quân lớn với mục tiêu “tìm diệt và bình định” nhằm vào các căn cứ cách mạng:

Mở đầu là cuộc hành quân “tìm diệt” mang tên “ánh sáng sao”, đánh vào căn cứ của ta ở Vạn Tường – Quảng Ngãi.

Tiếp đó Mỹ mở liên tiếp hai cuộc phản công lớn trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 với hàng loạt cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào những vùng “đất thánh Việt Cộng”, hòng tiêu diệt cơ quan đầu não và lực lượng kháng chiến của ta.

Câu 74: Quân dân miền Nam đã đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ như thế nào?

1. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)

Ngày 18/08/1965, sau khi chiếm được Chu Lai, Mỹ đã huy động hơn 9.000 lính thủy đánh bộ cùng với nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại mở cuộc tấn công vào Vạn Tường để “tìm diệt” lực lượng của ta.

Tại đây, chúng đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của quân ta, sau một ngày chiến đấu ta đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, tiêu diệt được hơn 900 tên, phá hủy hàng chục xe bọc thép và máy bay của địch.

Chiến thắng Vạn Tường đã mở đầu cho phong trào “tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam. Và đồng thời cho thấy ta có thể đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

2. Đánh tan hai cuộc phản công mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967

*** Mùa khô 1965 - 1966**

Tháng 01/1965, Mỹ-ngụy tập trung lực lượng mở cuộc phản công lần thứ nhất với 72 vạn quân. Địch mở 450 cuộc hành quân lớn nhỏ, trong đó có 5 cuộc hành quân “tìm diệt” then chốt, nhằm vào hai hướng chính là Đông Nam Bộ và Đồng bằng khu

5 nhằm tiêu diệt chủ lực quân giải phóng, “bẻ gãy xương sống Việt Cộng”, giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Với thế trận chiến tranh nhân dân, bằng nhiều hình thức tác chiến khác nhau đã chặn đánh địch ở khắp mọi hướng, tiến công địch ở mọi nơi...

Trong 4 tháng mùa khô 1965 - 1966, ta đã loại khỏi vòng chiến hơn 67.000 tên địch, trong đó có 35.000 quân Mỹ và chư hầu, bắn hạ 940 máy bay, phá hủy 600 xe tăng, thiết giáp và trên 1.000 ô tô của địch.

*** Mùa khô 1966 - 1967**

Mùa khô 1966 - 1967, với lực lượng lên đến 980.000 quân (trong đó có 440.000 lính Mỹ và chư hầu), Mỹ đã mở cuộc phản công mùa khô lần thứ hai nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta, tạo bước ngoặt trong chiến tranh.

Chúng đã tiến hành 895 cuộc hành quân lớn nhỏ, trong đó có 3 cuộc hành quân “tìm diệt” then chốt:

- + At-ton-bo-rơ đánh vào chiến khu Dương Minh Châu (tháng 11/1966)
- + Xê-da-phôn đánh vào Trảng Bàng, Bến Súc, Củ Chi (tháng 1/1967)
- + Gian-xon-city đánh vào chiến khu Dương Minh Châu (tháng 4/1967)

Quân và dân Nam bộ đã phối hợp với các chiến trường khác đã mở hàng loạt cuộc phản công, từng bước đánh bại các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” của địch; loại khỏi vòng chiến 175.000 tên, trong đó có 76.000 lính Mỹ và chư hầu, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

3. Đấu tranh chính trị phát triển

Các vùng nông thôn ở miền Nam, quần chúng nổi dậy đấu tranh chống kìm kẹp, trừng trị bọn ác ôn, phá vỡ từng mảng “ấp chiến lược” do chúng lập ra.

Ở các thành thị, công nhân, học sinh, sinh viên, Phật tử... đã nổi lên đấu tranh đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do, dân chủ, dân sinh...

Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

Câu 75: Trình bày diễn biến kết quả và ý nghĩa của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Sau 2 cuộc phản công mùa khô, so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta. Hơn nữa trong năm 1968, cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ sẽ nảy sinh những mâu thuẫn mà ta có thể lợi dụng được.

Đảng đã chủ trương mở cuộc “Tổng tiến công và nổi dậy” trên khắp chiến trường miền Nam, chủ yếu là ở các đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân Mỹ - ngụy, buộc Mỹ phải rút quân về nước.

Đêm 30 rạng ngày 31 tháng 01 năm 1968, quân chủ lực của ta đã đồng loạt tấn công và nổi dậy ở 37/44 thị xã, 5/6 thành phố trên toàn miền Nam.

Ở Sài Gòn, quân ta đã tấn công vào các vị trí cơ quan đầu não của địch như Tòa Đại sứ, Dinh Độc lập, đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu ...

Trong đợt này, quân ta đã loại khỏi vòng chiến 147.000 tên, trong đó có 43.000 lính Mỹ và chư hầu, phá hủy một khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của địch.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy, có thêm nhiều lực lượng mới chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn được mở rộng.

Sau đợt tấn công Tết, ta tiếp tục tiến công đợt 2 (4/5 – 18/6) và đợt 3 (17/8 – 23/9).

Đây là một đòn bất ngờ làm cho địch choáng váng, nhưng do lực lượng của địch còn mạnh, nên chúng đã nhanh chóng tổ chức phản công giành lại những mục tiêu bị ta chiếm và đồng thời cũng đã làm cho ta bị tổn thất khá nặng nề.

Tuy vậy, cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã làm cho phong trào phản chiến đòi Mỹ rút quân khỏi Việt Nam ở Mỹ dâng cao, buộc tổng thống Giôn-xơn phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh, ngừng mọi hoạt động bắn phá miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán với ta để chấm dứt chiến tranh.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã làm thất bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân - 1968 đã tác động như thế nào đến chiến lược chiến tranh của Mỹ?

Câu 2: Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi và ý nghĩa của nó đối với quá trình đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ?

BÀI 19

MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ I CỦA MỸ VỪA SẢN XUẤT (1965 - 1968)

Câu 76: Mỹ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc như thế nào?

Tấn công phá hoại miền Bắc là một kế hoạch được tiến hành song song với chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam nhằm đánh vào hậu phương của cách mạng miền Nam. Để có cơ tấn công miền Bắc, ngày 31/7/1964, Mỹ dựng lên “sự kiện vịnh Bắc bộ” và cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc như sông Gianh (Quảng Bình), Vinh - Nghệ An...

Ngày 7/02/1965, Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới, đảo Cồn Cỏ, chính thức mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Mỹ đã huy động hàng nghìn máy bay tối tân, thuộc 50 loại khác nhau, trong đó có cả máy bay B52, F111 cùng các loại vũ khí hiện đại và một lực lượng hải quân thường xuyên có mặt ở Thái Bình Dương, các căn cứ hải quân ở Nam Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác.

Lực lượng không quân và hải quân Mỹ đã ném bom, bắn phá liên tục với cường độ ngày càng tăng. Trung bình mỗi ngày, miền Bắc phải hứng chịu khoảng 1.600 tấn bom đạn của Mỹ trút xuống.

Mục tiêu tấn công của Mỹ không chỉ là các căn cứ quân sự mà còn bao gồm cả những mục tiêu dân sự: các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, công trình thủy lợi, khu dân cư, trường học, bệnh viện, nhà thờ, nhà trẻ, chùa chiềng...

Câu 77: Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, vừa chiến đấu vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương lớn như thế nào?

1. Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại của Mỹ

Để phù hợp với tình hình mới, tháng 01/1965, Hội đồng quốc phòng đã họp và đề ra nhiệm vụ, phương hướng công tác trước mắt của miền Bắc là tăng cường công tác phòng thủ, trị an, sẵn sàng chiến đấu.

Để chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, miền Bắc đã thực hiện “quân sự hóa toàn dân”, đào đắp công sự chiến đấu, hầm hào, phân tán dân khỏi những vùng trọng điểm để tránh thiệt hại lớn, đảm bảo đời sống ổn định cho người dân.

Nhân miền Bắc đã huy động toàn dân chống giặc; bên cạnh lực lượng phòng không, hải quân với vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, lực lượng dân quân, du kích, tự vệ chiến đấu của toàn dân không ngừng ngày đêm hỗ trợ, phục vụ chiến đấu và khắc phục hậu quả do chiến tranh tàn phá.

Trong hơn 4 năm (từ 5/8/1964 - 1/11/1968), quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 3.234 máy bay Mỹ (trong đó có 6 máy bay B52, 3 máy bay F.111) diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái Mỹ; bắn chìm và bị thương 43 tàu chiến và tàn biệt kích.

Cùng với những thất bại ở chiến trường miền Nam, đặc biệt là sau cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa tết Mậu Thân – 1968, Mỹ buộc phải tuyên bố ném bom hạn chế miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra kể từ ngày 31/3/1968 và đến ngày 01/11/1968, Mỹ ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc hoàn toàn.

2. Tiếp tục tiến lên chủ nghĩa xã hội

Đề phù hợp với tình hình mới, Đảng đã chủ trương chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, tập trung vào việc xây dựng và phát triển kinh tế vùng, kinh tế địa phương nhằm bảo đảm cho mỗi vùng, miền, mỗi địa phương chủ động hơn trong việc duy trì và đẩy mạnh sản xuất, tự cung, tự cấp những mặt hàng thiết yếu trong điều kiện chiến tranh ác liệt.

Nhân dân miền Bắc đã vượt qua được những khó khăn, thách thức, đẩy lên một cao trào cách mạng rộng lớn chưa từng có trong lao động sản xuất; Tất cả nhân dân miền Bắc chung sức, chung lòng vừa chiến đấu vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến tất cả để chiến thắng" và "mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền nam ruột thịt", "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người". Kết quả:

Trong nông nghiệp: Hai ngành sản xuất phát triển mạnh nhất là chăn nuôi và trồng trọt; diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên: năm 1965, miền Bắc chỉ có 7 huyện và 640 hợp tác xã đạt mức sản lượng 5 tấn/ha/năm đến năm 1967 tăng lên 30 huyện và 2.628 hợp tác xã đạt đến mức sản lượng trên. Tỉnh Thái Bình, huyện Thành Trì (Hà Nội), huyện Đan Phượng (Hà Tây) trở thành “quê hương 5 tấn” đầu tiên.

Trong công nghiệp: Các cơ sở sản xuất lớn sau khi sơ tán, phân tán đã dần dần đi vào sản xuất ổn định trở lại, đảm bảo cung cấp, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của sản xuất, chiến đấu và đời sống.

Công nghiệp quốc phòng được tăng cường và đặc biệt công nghiệp địa phương phát triển rất mạnh.

Trong giao thông vận tải: Nhân dân miền Bắc đã bắt chập bom đạn, ra sức khôi phục và bảo vệ các mạch máu giao thông của miền Bắc và hệ thống đường vận tải chiến lược Bắc – Nam, đáp ứng nhu cầu vận tải phục vụ công tác chi viện cho miền Nam.

Trong lĩnh vực tài chính - thương mại: đảm bảo được việc cung ứng vốn, hàng hóa phục vụ cho việc phát triển nền kinh tế thời chiến và yêu cầu chiến đấu.

Trong văn hóa, giáo dục và y tế: nền giáo dục vẫn tiếp tục phát triển, đặc biệt là giáo dục đại học, số sinh viên tăng gấp 3 lần so với trước chiến tranh phá hoại; số cán bộ có trình độ đại học năm 1965 là 20.000, đến năm 1969, lên đến 40.000 người.

Các ngành văn hóa, nghệ thuật hoạt động sôi nổi phục vụ cho quần chúng, y tế đã có những thành tựu mới về chuyên môn ...

3. Chi viện cho miền Nam

Những thành quả trên còn là một nguồn lực đánh kẻ giúp cho miền Bắc làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với miền Nam. Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chi viện cho miền Nam trong 4 năm (1965 - 1968) tăng gấp 10 lần so với thời kỳ trước: hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội, hàng chục vạn tấn vật chất, vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, thuốc men ...

Sự chi viện to lớn đó đã góp phần quyết định thắng lợi của quân dân ta ở miền Nam trong cuộc chiến đấu chống “chiến tranh cục bộ” của Mĩ - Ngụy.

Câu hỏi và bài tập: (Xem ở Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007)

BÀI 20

MIỀN NAM CHỐNG CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 – 1973)

Câu 78: Hãy cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”.

Sau thất bại của “Chiến tranh cục bộ”, Ních-xon đưa ra chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương với hai chiến lược khác ở Campuchia và Lào là: “Khome hóa chiến tranh” và “Lào hóa chiến tranh”.

“Việt Nam hóa chiến tranh” là hình thức chiến tranh xâm lược kiểu mới của Mỹ, được tiến hành bằng lực lượng quân đội tay sai (ngụy quân) có sự phối hợp của lực lượng chiến đấu Mỹ. Do Mỹ chỉ huy, cung cấp tiền bạc, vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại nhằm đẩy mạnh các hoạt động chống phá cách mạng và đàn áp nhân dân ta.

Mỹ đưa ra kế hoạch này để tăng cường sử dụng lực lượng ngụy quân, thay thế dần vai trò của người Mỹ từ đó rút dần quân viễn chinh và quân chư hầu về nước nhằm giảm bớt xương máu của người Mỹ trên chiến trường. Thực chất đây là Mỹ đang tiếp tục âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”.

Để thực hiện chiến lược này, đế quốc Mỹ đã thực hiện một loạt các biện pháp sau:

- + Tăng viện trợ quân sự cho chính quyền tay sai để giúp ngụy quân có thể “tự đứng vững”, “tự gánh vác lấy chiến tranh”.

- + Tăng viện trợ kinh tế giúp ngụy quân đẩy mạnh các hoạt động “bình định” lấn chiếm để giành đất, giành dân với cách mạng.

- + Tăng cường đầu tư vốn và khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế miền Nam nhằm lừa bịp và bóc lột nhân dân ta.

- + Tiến hành “chiến tranh phá hoại” miền Bắc, mở rộng chiến tranh sang Campuchia (năm 1970) và Lào (1971), đưa ngụy quân đánh sang Lào và Campuchia nhằm thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

- + Câu kết với các nước xã hội chủ nghĩa để cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Câu 79: Miền Nam chiến đấu chống “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ như thế nào?

Trong những năm đầu, lực lượng cách mạng đã gặp không ít khó khăn và tổn thất do ta chủ quan trong việc đánh giá âm mưu mới của địch. Nhưng những khó khăn đó đã từng bước được khắc phục; quân dân hai miền Nam – Bắc đã phát huy những thuận lợi, chiến đấu chống địch và đã giành được nhiều thắng lợi trên tất cả các mặt trận:

1. Trên mặt trận chính trị - ngoại giao

Thắng lợi đầu tiên là sự ra đời của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (6/6/1969). Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền

Nam, đã được 23 nước trên thế giới công nhận, trong đó có 21 nước chính thức đặt quan hệ ngoại giao.

Trên khắp các đô thị miền Nam, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục. Đặc biệt là tại Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào của học sinh, sinh viên diễn ra rất rầm rộ, lôi cuốn đông đảo giới trẻ tham gia.

Tại các vùng nông thôn, phong trào “phá ấp chiến lược”, chống “bình định nông thôn” diễn ra rất quyết liệt. Đến đầu năm 1971, cách mạng đã giành quyền làm chủ thêm 3.600 “ấp chiến lược” với hơn 3 triệu dân.

2. Trên mặt trận quân sự

2.1 Đập tan âm mưu mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia

Ngày 18 tháng 3 năm 1970, Mỹ giật dây Lon-non đảo chính Xihanúc và dựng lên chính quyền tay sai của chúng để cắt đứt con đường tiếp viện qua Campuchia của ta và mở rộng chiến tranh sang Campuchia để truy quét các cơ quan trung ương cách mạng miền Nam.

Đồng thời, Mỹ còn mở rộng chiến tranh sang Lào để cô lập cách mạng miền Nam và cắt đứt con đường tiếp viện chiến lược – đường trường sơn của ta.

Trước tình hình đó, ngày 24, 25/4/1970, ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia đã họp hội nghị cấp cao để biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Từ 30/4 đến 30/6/1970, quân giải phóng miền Nam đã phối hợp với quân cách mạng Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của hơn 10 vạn quân Mỹ – Ngụy Sài Gòn; loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 quân Mỹ – Ngụy, giải phóng 5 tỉnh Đông Bắc Campuchia, giam chân một lực lượng lớn quân ngụy Sài Gòn ở đây.

Cũng trong thời gian trên, quân tình nguyện của ta đã cùng quân dân Lào đập tan cuộc hành quân lấn chiếm cánh đồng Chum (Xiêng Khoảng) của Mỹ – Ngụy, giải phóng một vùng rộng lớn (A-tô-pô, Saravan, Nam Lào).

2.2. Đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ - Ngụy

Đầu năm 1971, Mỹ-Ngụy mở một cuộc hành quân lớn mang tên Lam Sơn 719 nhằm chiếm giữ đường 9 Nam Lào, cắt tuyến chi viện chiến lược của ta trên đường Trường Sơn.

Từ 12/2/1971 đến 23/3/1971, quân dân ta đã phối hợp với quân dân Lào đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của hơn 450.000 quân Mỹ-ngụy, buộc chúng phải rút khỏi đường 9; giữ vững được tuyến đường chi viện chiến lược của ta.

2.3. Ta mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972

Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao trong hai năm 1970 – 1971, ta đã quyết định mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam trong năm 1972.

Ngày 30/3/1972, quân ta tấn công vào Quảng Trị, Từ đó mở rộng tiến công ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972.

Trong năm 1972, Quân ta đã tấn công địch trên quy mô lớn với cường độ mạnh và ở hầu hết các địa bàn chiến lược quan trọng của địch; chọc thủng 3 tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Trong 3 tháng đầu, quân ta đã loại khỏi vòng chiến hơn 20 vạn quân ngụy, giải phóng một vùng lãnh thổ rộng lớn với hơn 1 triệu dân.

Sau đòn tấn công bất ngờ của ta, quân ngụy được sự yểm trợ của không quân và hải quân Mỹ đã phản công mạnh, gây cho ta nhiều thiệt hại. Đồng thời, Mỹ cũng tiến hành ném bom và bắn phá miền Bắc trở lại.

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 cho thấy, quân ngụy với quân số hơn 1 triệu được trang bị hiện đại vẫn không đủ khả năng để “tự đứng vững” và “tự gánh vác lấy chiến tranh” khi quân viễn chinh Mỹ rút lui. Trước tình thế đó, Mỹ đã tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh – tức là thừa nhận sự thất bại của Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”.

Câu 2: Những thắng lợi chung của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ trong giai đoạn 1969 – 1973.

BÀI 20

MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA MỸ (1969 - 1973)

Câu 80: Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho miền Nam (1969 - 1972) như thế nào?

1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế

Sau chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, nhân dân miền Bắc đã ra sức thi đua học tập, lao động sản xuất để khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội:

Trong nông nghiệp: Các hợp tác xã tích cực áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật thâm canh, tăng vụ, nhiều giống lúa mới được đưa vào trồng trên diện tích rộng.

Năng suất lúa tăng nhanh, có hợp tác xã đạt 6.7 tấn/ha/năm. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968; năm 1972, mặc dù bị thiên tai, mất mùa nhưng sản lượng vẫn tăng gần 30 vạn tấn so với năm 1968.

Trong công nghiệp: nhanh chóng khôi phục những cơ sở công nghiệp ở Trung ương và địa phương do chiến tranh tàn phá. Trong giai đoạn này, nhà máy thủy điện đầu tiên của nước ta là nhà máy Thác Bà (Yên Bái) đã khánh thành và đưa vào sử dụng vào tháng 10/1971; các ngành công nghiệp quan trọng như điện, than, cơ khí, vật liệu xây dựng.... đều có bước phát triển. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1970 vượt kế hoạch 2,5%.

Trong lĩnh vực giao thông vận tải: trong một thời gian ngắn, các tuyến giao thông quan trọng, hệ thống cầu, phà từ Lạng Sơn đến Vĩnh Linh (Quảng trị) được khai thông, khối lượng hàng hoá luân chuyển đạt và vượt mức trước chiến tranh phá hoại.

Trong lĩnh vực văn hoá - giáo dục, y tế:

Năm học 1965 - 1966, toàn miền Bắc có 4,9 triệu người đi học, đến năm 1971 - 1973, lên đến 6 triệu; trung bình 1 vạn dân có 2500 học sinh và 61 sinh viên đại học.

Các cơ sở khám chữa bệnh được khôi phục và xây dựng mới, số bệnh viện tăng từ 252 (năm 1965) lên 431 (năm 1971), tỉ lệ bác sĩ/ 1 vạn dân đạt 11/10.000.

2. Chi viện cho miền Nam

Năm 1969, khối lượng hàng hóa vận chuyển qua tuyến đường 559 đạt 170.000 tấn, tăng 29% so với năm 1968; hơn 80.000 quân cũng được điều động vào chi viện cho các chiến trường miền Nam trong năm này.

Tháng 6/1970, Bộ chính trị quyết định thành lập Hội đồng chi viện tiền tuyến Trung ương trực thuộc Hội đồng Chính phủ. Hội đồng có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức, huy động sức mạnh của hậu phương miền Bắc, chi viện sức người sức của cho chiến trường miền Nam và Lào, Campuchia.

Trong năm 1970, 1971, miền Bắc đã tiếp tục đưa thêm 195.000 quân vào chiến trường miền Nam cùng với một khối lượng lớn vật chất, phương tiện phục vụ chiến tranh.

Đầu năm 1972, giữa lúc nhân dân miền Bắc đang khẩn trương thực hiện kế hoạch nhà nước và đạt được nhiều thành tựu quan trọng thì đế quốc Mỹ lại gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2.

Câu 81: Trình bày diễn biến cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần II của Mỹ (1972 - 1973) ở miền Bắc.

Sau cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ta ở miền Nam, Nich – xon ra lệnh ném bom, bắn phá trở lại miền Bắc và ồ ạt tham chiến ở miền Nam nhằm cứu vãn tình thế.

Ngày 06/4/1972, Mỹ đã cho không quân và hải quân đánh phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16/4/1972 Nich - xon tuyên bố chính thức mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2.

Miền Bắc đã nhanh chóng chuyển mọi hoạt động sang thời chiến. Các lực lượng vũ trang nhân dân của ta đã được chuẩn bị trước và luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Nhờ vậy, quân dân miền Bắc đã chủ động, lập tức chống trả địch ngay từ trận đầu.

Chỉ trong vòng 1 tháng (6/4 - 8/5/1972), ta đã bắn rơi 90 máy bay địch, bắn cháy 20 tàu chiến và bắt sống nhiều giặc lái; đồng thời vẫn đảm bảo thông suốt các tuyến đường chiến lược chi viện cho tiền tuyến.

Từ ngày 18 đến hết ngày 29/12/1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác ở miền Bắc nước ta.

Với cách đánh linh hoạt, sáng tạo, ngay trong đêm đầu tiên địch bắn phá, ta đã hạ 3 chiếc B52. Tổng cộng trong suốt 12 ngày đêm cuối năm 1972, ta đã hạ 81 máy bay, trong đó có 34 máy bay B52, 5 máy bay F111, 21 máy bay F4, 12 máy bay A7, 1 máy bay F105, 4 máy bay A6, bắt sống 44 giặc lái, bắn chìm và phá hỏng 9 tàu chiến.

Do bị thiệt hại quá nặng nề, ngày 15/1/1973, Mỹ tuyên bố ngưng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để kí kết hiệp định Pari. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần 2 của nhân dân miền Bắc kết thúc thắng lợi.

Câu hỏi và bài tập: (Xem ở Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007)

BÀI 21

ĐẤU TRANH VỚI MỸ TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO – HIỆP ĐỊNH PARIS 1965 - 1973

Câu 82: Đấu tranh đòi Mỹ xuống thang chiến tranh, ngừng ném bom miền Bắc như thế nào?

Đầu năm 1967, ta đã chủ trương mở thêm mặt trận tấn công ngoại giao với mục tiêu trước mắt là đòi Mỹ chấm dứt không điều kiện hoạt động bắn phá miền Bắc.

Ngày 31/3/1968, sau đòn tấn công bất ngờ Tết Mậu Thân 1968, Giôn-xơn đã ra lệnh ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và tuyên bố sẽ thương lượng với ta.

Ngày 13/5/1968, cuộc thương lượng chính thức giữa hai bên (Việt Nam và Hoa Kỳ) đã họp phiên đầu tiên tại Paris. Phía Việt Nam đã khẳng định lập trường không thay đổi của mình: Trước hết, Mỹ phải chấm dứt không điều kiện hoạt động ném bom và mọi hành động chiến tranh khác trên toàn miền Bắc, sau đó mới bàn đến các vấn đề khác.

Ngày 01/11/1968, Giôn-xơn đã tuyên bố ngừng hoàn toàn mọi hoạt động ném bom bắn phá miền Bắc để thúc đẩy tiến trình đàm phán. Kết quả, hai bên đã thống nhất mở rộng Hội nghị thành Hội nghị 4 bên: Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa.

Câu 83: Trình bày diễn biến cuộc đấu tranh đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược miền Nam.

Sau cuộc họp trù bị vào ngày 18/01/1969, Hội nghị 4 bên đã chính thức họp phiên đầu tiên vào ngày 25/1/1969 tại Paris.

Hội nghị 4 bên đã trải qua nhiều cuộc họp chung công khai và nhiều cuộc tiếp xúc riêng bí mật. Trong quá trình đàm phán, lập trường của 4 bên (mà thực chất là 2 bên – Việt Nam và Mỹ) mâu thuẫn nhau gay gắt:

- + Phía Việt Nam: Kiên quyết đòi phía Mỹ phải rút hết quân viễn chinh cùng quân chư hầu về nước và cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam.

- + Về phía Mỹ: Chúng đòi phía Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa phải “có qua có lại”, tức là cả quân miền Bắc và quân Mỹ cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Những mâu thuẫn đó đã làm cho cuộc thương lượng kéo dài, căng thẳng, quyết liệt và bị gián đoạn nhiều lần, kéo dài đến cuối năm 1972 vẫn chưa có kết quả.

Câu 84: Trình bày diễn biến của quá trình kí kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Để vượt qua cuộc tranh cử tổng thống vào tháng 11 năm 1972, Ních - xơn đã dùng thủ đoạn lùi bước trên bàn đàm phán và xuống thang chiến tranh để xoa dịu dư luận Mỹ.

Đầu tháng 10/1972, phái đoàn đàm phán của Mỹ đã đến Paris để nói lại đàm phán. Các bên đã thỏa thuận ngày sẽ kí kết chính thức vào ngày 31/10/1972.

Ngay sau khi tái đắc cử tổng thống (08/11/1972), Ních-xơn đã trở mặt, chúng đòi xét lại bản Hiệp định đã được thỏa thuận, theo hướng có lợi cho chúng.

Đề gây sức ép buộc ta phải nhượng bộ, Ních-xơn đã phê duyệt kế hoạch tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng vào cuối năm 1972.

Chúng bị quân dân ta đánh bại bằng một trận “Điện Biên Phủ trên không” và buộc phải trở lại bàn đàm phán.

Ngày 23/01/1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được kí tắt; và ngày 27/01/1973 bản hiệp định được chính thức kí kết.

Ngày 02/3/1973, Hội nghị quốc tế về Việt Nam (gồm 12 nước) đã kí định ước ghi nhận và đảm bảo việc thi hành Hiệp định Paris.

Câu 85: Trình bày những nội dung cơ bản của hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27/01/1973). Ý nghĩa của nó đối với sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24h00 ngày 27/01/1973 và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

- Hoa Kỳ phải rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu về nước, hủy bỏ hết các căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu hay can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Các bên thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

- Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

- Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.

Ý nghĩa của Hiệp định Paris

Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của quân và dân ta trên cả hai miền đất nước. Buộc Mỹ phải thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta.

Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh sụp ngụy quyền, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Những nội dung cơ bản của hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27/01/1973). (**Đề thi tuyển sinh Đại học Cần Thơ năm 1997**).

Câu 2: Quá trình đấu tranh ngoại giao của ta trong kháng chiến chống Mỹ (1967 – 1973).

BÀI 22

MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, RA SỨC CHI VIỆN CHO MIỀN NAM (1973 - 1975)

Câu 86: Miền Bắc đã khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ra sức chi viện cho miền Nam sau Hiệp định Pari như thế nào?

Miền Bắc đã khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

Sau Hiệp định Pa – ri, quân Mĩ và đồng minh của Mĩ rút về nước, tình hình so sánh lực lượng thay đổi theo hướng có lợi cho cách mạng miền Nam. Miền Bắc trở lại hòa bình, có điều kiện thuận lợi để khôi phục và phát triển kinh tế, ra sức chi viện cho miền Nam.

Trong hai năm 1973 – 1974, trên khắp miền Bắc, giai cấp công nhân, nông dân tập thể, trí thức... đã hăng hái lao động, sản xuất. Nhờ vậy, những hậu quả của hai cuộc chiến tranh phá hoại nhanh chóng được khắc phục, nền kinh tế từng bước khôi phục và phát triển.

Cuối tháng 6 năm 1973, miền Bắc đã hoàn thành công tác tháo gỡ bom mìn.

Đến cuối năm 1974, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, kinh tế về cơ bản đã được khôi phục, các cơ sở cũng đi vào ổn định và có bước phát triển mới. Tổng sản phẩm xã hội năm 1973 cao hơn năm 1965 (trước chiến tranh phá hoại), năm 1974 cao hơn năm 1973 là 12,4%.

Những kết quả trên đã góp phần ổn định đời sống nhân dân miền Bắc, tạo điều kiện thuận lợi để miền Bắc chi viện cho cuộc kháng chiến chống Mỹ - Ngụy ở miền Nam và Lào, Campuchia trong giai đoạn 1973 – 1975.

Miền Bắc đã tăng cường chi viện cho miền Nam.

Ngay sau khi Hiệp định Pa - ri được kí kết, Đảng và Nhà nước đã chủ trương tập trung sức người, sức của sẵn sàng chi viện đột xuất cho miền Nam.

Trong năm 1973 - 1974, 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật đã được đưa vào chi viện cho miền Nam. Đặc biệt trong những tháng đầu năm 1975, miền Bắc đã đưa 57.000 bộ đội vào chiến trường miền Nam.

Từ mùa khô 1973 – 1974, đến đầu mùa khô 1974 – 1975, miền Bắc đã chi viện cho miền Nam một lượng hàng hoá, phương tiện, vũ khí rất lớn: 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men, quân trang, quân dụng, xăng dầu,... tăng gấp 9 lần so với năm 1972.

Bên cạnh đó, miền Bắc còn viện trợ cho Lào và Campuchia.

Câu hỏi và bài tập: (Xem ở Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007)

BÀI 23

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1973 – 1974

Câu 88: Khái quát tình hình địch và ta trước cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975.

Sau hiệp định Paris, Miền Bắc trở lại hòa bình; nhân dân miền Bắc ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh khôi phục và phát triển kinh tế; đảm bảo khả năng chi viện lớn về sức người, sức của cho cách mạng miền Nam.

Lực lượng cách mạng miền Nam đã được phục hồi và phát triển nhanh chóng.

Trong khi đó ở miền Nam, nguy quân gặp nhiều khó khăn do quân đội Mĩ và chư hầu phải rút về nước, viện trợ của Mĩ ngày càng bị cắt giảm.

Như vậy, sau hiệp định Paris, so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi nhanh chóng theo hướng có lợi cho ta.

Câu 89: Trình bày cuộc đấu tranh chống chiến dịch “bình định lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngày 29/3/1973, toán lính Mĩ cuối cùng đã rời khỏi nước ta. Tuy vậy, Mĩ vẫn còn duy trì được chính quyền tay sai (Ngụy quyền) ở miền Nam nên đã giữ lại hơn hai vạn cố vấn quân sự và tiếp tục viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Ngụy.

Được sự viện trợ và chỉ huy của cố vấn quân sự Mĩ, chính quyền ngụy ngang nhiên chống phá Hiệp định Paris, chúng đã huy động toàn bộ lực lượng để thực hiện chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” ngay sau khi hiệp định có hiệu lực, nhằm đẩy mạnh hoạt động “bình định lấn chiếm” vùng giải phóng.

Trong thời gian đầu, do ta quá nhấn mạnh đến hòa bình và hòa hợp nên mất cảnh giác; để địch lấn chiếm nhiều địa bàn quan trọng.

Trước tình hình trên, tháng 7 năm 1973, Hội nghị trung ương 21 đã xác định: ***“bất kể trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng là con đường bạo lực. Do đó, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao nhằm tiến lên phản công để giành toàn thắng”***.

Từ cuối năm 1973, quân dân ta đã kiên quyết đánh trả những cuộc hành quân “bình định lấn chiếm” của địch để bảo vệ vùng giải phóng. Nhiều nơi còn tổ chức tấn công vào những căn cứ xuất phát các cuộc hành quân của địch, tiếp tục mở rộng vùng giải phóng, củng cố thế chủ động.

Cuối năm 1974 đầu 1975, quân ta mở hoạt động quân sự Đông - Xuân đánh vào hai hướng chính là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ; giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long và đường 14 cùng với 50.000 dân và loại khỏi vòng chiến hơn 3.000 tên địch.

Từ cuối năm 1973 đến đầu năm 1975, ta đã hợp nhất các sư đoàn chủ lực thành các quân đoàn lớn, chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công giải phóng hoàn toàn miền Nam:

Tháng 10/1973 lập quân đoàn 1 đóng ở Bắc Bộ.

Tháng 5/1974 lập quân đoàn 2 đóng ở Trị Thiên.

Tháng 7/1974 lập quân đoàn 4 đóng ở Đông Nam Bộ.

Tháng 3/1975 lập quân đoàn 3 đóng ở Tây Nguyên.

Đồng thời với các hoạt động quân sự, quân dân miền Nam còn đẩy mạnh tấn công địch trên các mặt trận chính trị, ngoại giao... Ở các vùng giải phóng, nhân dân tích cực khôi phục và đẩy mạnh sản xuất nhằm ổn định đời sống và tăng nguồn dự trữ chiến lược.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Khái quát tình hình địch và ta trước cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975. (Xem thêm ở Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007).

BÀI 24

CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Câu 90: Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Hội nghị lần thứ 21 của BCH Trung ương Đảng. Tại sao ta lại chọn Tây Nguyên làm điểm mở đầu cho cuộc tổng tấn công?

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, tương quan lực lượng giữa ta và địch đã có những thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta. Đảng đã họp Hội nghị Bộ chính trị (30/9 đến 7/10/1974) và Hội nghị Bộ chính trị mở rộng (18/12/1974 đến 8/1/1975) bàn về kế hoạch giải phóng miền Nam.

Qua hai Hội nghị, Bộ chính trị đã đưa ra và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976. Cụ thể là trong năm 1975, tranh thủ thời cơ bất ngờ ta tấn công địch trên quy mô lớn, tạo điều kiện cho năm 1976 sẽ tiến hành tổng công kích tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Bên cạnh kế hoạch đó, Bộ chính trị còn nhận định rằng: “Cả năm 1975 là thời cơ” và chỉ rõ: “nếu thời cơ xuất hiện vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Đồng thời Bộ chính trị còn nhấn mạnh cần tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân,... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Câu 91: Trình bày bối cảnh, diễn biến, ý nghĩa của cuộc tổng tấn công và nổi dậy xuân 1975.

1. Chiến dịch Tây Nguyên

Tây Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng đối với chiến trường miền Nam, nhưng do địch nhận định sai về hướng tiến quân của ta nên đã tập trung lực lượng cho việc bảo vệ Sài Gòn và Huế – Đà Nẵng; ở Tây Nguyên, chúng chỉ chốt giữ bằng một lực lượng mỏng, bố phòng sơ hở.

Phát hiện sơ hở đó, Hội nghị Bộ chính trị tháng 10/1974 đã quyết định chọn Tây Nguyên đánh trận mở đầu và là hướng tiến công chiến lược chủ yếu trong năm 1975.

Ta tập trung binh lực lớn cùng với vũ khí, vật chất kỹ thuật mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên. Ngày 04/3/1975, ta đánh nghi binh địch ở Kontum và Plâycu để thu hút lực lượng của địch về phía Bắc Tây Nguyên làm cho việc phòng thủ Đắk Lắk và Buôn Ma Thuột ở phía nam Tây Nguyên trở nên sơ hở.

Ngày 10/3/1975, ta bất ngờ tấn công vào Buôn Ma Thuột làm cho địch không kịp trở tay. Sau 2 ngày chiến đấu, ta đã giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Mê Thuột.

Thất thủ Buôn Mê Thuột, ngày 12/3/1975, địch cố sức dồn quân tái chiếm lại vị trí chiến lược này nhưng đã bị ta đánh bại.

Ngày 14/3/1975, Nguyễn Văn Thiệu đã ra lệnh rút quân khỏi Tây Nguyên về giữ vùng ven biển Nam Trung Bộ, chờ cơ hội để tái chiếm lại Tây Nguyên.

Nắm được kế hoạch rút lui của địch, ta đã bố trí mai phục và truy kích địch trên đường rút lui làm cho chúng tan rã hoàn toàn.

Đến ngày 24/3/1975, ta đã giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên với 60 vạn dân.

Chiến dịch Tây Nguyên đã làm rung chuyển cả chiến trường miền Nam, làm suy sụp ý chí và tinh thần chiến đấu của Ngụy quân, Ngụy quyền và đồng thời cho thấy, thời cơ thuận lợi để giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

2. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng

Diễn biến thuận lợi của chiến dịch Tây Nguyên cho thấy, thời cơ chiến lược đến nhanh và hết sức thuận lợi. Bộ chính trị đã kịp thời đưa ra kế hoạch giải phóng Sài Gòn và hoàn toàn miền Nam trong Năm 1975; trong đó, nhiệm vụ trước mắt là giải phóng Huế – Đà Nẵng.

Ngày 19/3 quân ta đã tấn công vào Quảng Trị, địch bỏ Quảng Trị rút về Huế và Đà Nẵng; sau đó, chúng có dấu hiệu bỏ Huế rút vào cố thủ ở Đà Nẵng.

Ngày 21/3/1975, quân ta thọc sâu vào căn cứ của địch, đồng thời chặn đường rút chạy của chúng (Quốc lộ 1, Cửa Thuận An và cửa Tư Hiền).

Ngày 25/3/1975, quân ta tiến thẳng vào cố đô Huế, ngày 26/3 thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên đã được giải phóng.

Cùng với chiến thắng ở Huế, ngày 24/3/1975, ta giải phóng Tam Kỳ, ngày 25/3/1975, giải phóng Quảng Ngãi, ngày 26/3/1975, giải phóng Chu Lai.

Như vậy, đến ngày 26/3/1975, Đà Nẵng – thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, một căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mỹ – ngụy – bị rơi vào thế cô lập. Hơn 10 vạn quân ở đây trở nên hoảng loạn và mất hết khả năng chiến đấu. Địch đã phải sử dụng máy bay để di tản cố vấn quân sự Mỹ và một bộ phận Ngụy quân ra khỏi thành phố Đà Nẵng.

Sáng 29/3/1975, từ cả ba phía Bắc, Tây và Nam, quân ta tiến vào Đà Nẵng và đến 3 giờ chiều thành phố Đà Nẵng được giải phóng hoàn toàn.

Cùng lúc với chiến thắng ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, sau khi giải phóng Tây Nguyên, lực lượng của ta đã tiến xuống giải phóng các tỉnh ven biển miền Trung: Quy Nhơn, Phú Yên (01/4/1975), Khánh Hòa (03/4/1975) ...

Như vậy, đến đầu tháng 4 năm 1975, ta đã giải phóng được một vùng rộng lớn và liên tục từ Quảng Trị đến Khánh Hòa.

LƯỢC ĐỒ CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

3. Chiến dịch Hồ Chí Minh

Sau khi thất bại liên tiếp ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, địch lùi về lập tuyến phòng thủ từ xa (Phan Rang – Xuân Lộc – Tây Ninh) để bảo vệ Sài Gòn.

Trước những chuyển biến nhanh chóng của tình hình, ngày 25/3/1975, Bộ chính trị đã họp và nhận định: **“Thời cơ cách mạng đã đến,... phải tập trung lực lượng giải phóng miền Nam trước mùa mưa”** và quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn mang tên **“Chiến dịch Hồ Chí Minh”**.

Ngày 08/4/1975, Bộ chỉ huy **“Chiến dịch Hồ Chí Minh”** đã được thành lập, với 5 quân đoàn và chuẩn bị ra quân với tinh thần **“đi nhanh đến, đánh nhanh thắng”**, **“thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”**.

Ngày 09/4/1975, quân ta bắt đầu tấn công vào Xuân Lộc – hệ thống phòng thủ quan trọng nhất bảo vệ Sài Gòn của địch.

Ngày 16/4/1975, quân ta phá tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang, tiếp đó là Bình Thuận, Bình Tuy.

Ngày 18/4/1975, Tổng thống Mỹ đã ra lệnh di tản toàn bộ người Mỹ ra khỏi Sài Gòn.

Ngày 21/4/1975, Xuân Lộc thất thủ, toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc đã tháo chạy, quân ta từ các hướng nhanh chóng áp sát Sài Gòn. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã tuyên bố từ chức cùng ngày (21/4/1975).

Ngày 26/4/1975, quân ta được lệnh tấn công Sài Gòn, tất cả 5 cánh quân từ các hướng nhanh chóng vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào Sài Gòn.

Đêm 28 rạng sáng ngày 29/4/1975, quân ta tấn công vào trung tâm thành phố, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

Đến 10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975, quân ta tiến thẳng vào Dinh độc lập, bắt sống toàn bộ Ngụy quyền trung ương, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

Thừa thắng, nhân dân các tỉnh còn lại trên khắp miền Nam đã đồng loạt nổi dậy tấn công địch. Đến ngày 02/ 5/1975, miền Nam đã hoàn toàn được giải phóng.

Câu 92: Trình bày kết quả, ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

1. Kết quả

Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã đập tan bộ máy chính quyền tay sai của Mỹ, đánh bại hoàn toàn âm mưu xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam qua 5 đời tổng thống với 4 chiến lược chiến tranh và kéo dài 21 năm.

2. Ý nghĩa lịch sử

2.1. Đối với dân tộc

Đây là một thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc, giải phóng trọn vẹn miền Nam, bảo vệ vững chắc miền Bắc XHCN.

Kết thúc 21 năm chống Mỹ, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của đế quốc tay sai, rửa sạch nỗi nhục mất nước hơn một thế kỷ của dân tộc.

Mở ra một kỉ nguyên mới của cách mạng Việt Nam: độc lập, thống nhất, đi lên XHCN.

Cùng với chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ, đại thắng mùa xuân 1975 đã cắm thêm một mốc vinh quang chói lọi trong quá trình đi lên của lịch sử Việt Nam.

2.2. Đối với quốc tế

Đây là thất bại nặng nề nhất trong lịch sử 200 năm của Mĩ, tác động mạnh đến nội tình nước Mĩ và cục diện thế giới.

Đây là một thắng lợi có tính có tính chất thời đại, làm phá sản học thuyết Ni - xon, đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mĩ và đồng minh, thu hẹp và làm yếu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng thế giới chống chủ nghĩa đế quốc.

3. Nguyên nhân thắng lợi

3.1. Chủ quan

Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối quân sự, chính trị độc lập, tự chủ đúng đắn và sáng tạo. Đó là đường lối tiến hành đồng thời Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và Cách mạng XHCN ở miền Bắc.

Truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc được khơi dậy và phát huy một cách tối đa, tạo nên sức mạnh to lớn của cách mạng Việt Nam.

Miền Bắc đảm bảo nghĩa vụ hậu phương lớn, chi viện kịp thời về sức người sức của, tiếp thêm sức mạnh cho cách mạng miền Nam.

Ngoài ra, tinh đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương cũng đã góp phần làm nên thắng lợi của mỗi nước.

3.2. Khách quan

Nhờ vào sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCH anh em.

Sự đồng tình ủng hộ của phong trào cộng sản, phong trào giải phóng dân tộc và các lực lượng dân chủ hòa bình thế giới trong đó có nhân dân Mĩ.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Hội nghị lần thứ 21 của BCH Trung ương Đảng. Tại sao ta lại chọn Tây Nguyên làm điểm mở đầu cho cuộc tổng tấn công?

Câu 2: Trình bày khái quát quá trình đế quốc Mĩ đi từ can thiệp đến trực tiếp xâm lược nước ta từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1975. Giải thích nguyên nhân. (*Đề thi tuyển sinh Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh 1998*)

Câu 3: Bối cảnh, diễn biến, ý nghĩa của cuộc tổng tấn công và nổi dậy xuân 1975.

BÀI 25

HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC - MỞ RỘNG QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 – 1979)

Câu 93: Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã diễn ra như thế nào từ sau đại thắng mùa xuân 1975. Ý nghĩa lịch sử.

Sau đại thắng mùa xuân 1975, đất nước đã thống nhất về mặt lãnh thổ. Song, mỗi miền vẫn còn tồn tại một hình thức nhà nước khác nhau, làm cho nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước vẫn chưa hoàn thành.

Xuất phát từ thực tế đó, Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần 24 đã đề ra chủ trương đẩy mạnh việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Từ ngày 15 đến 21 tháng 11 năm 1975, Hội nghị hiệp thương giữa 2 miền Bắc Nam đã nhất trí tán thành chủ trương thống nhất của hội nghị TW lần thứ 24.

Ngày 25/4/1976, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước. Hơn 23 triệu cử tri đi bầu và đã bầu ra 492 đại biểu.

Cuối tháng 6, đầu tháng 7 Quốc hội mới (khóa VI) họp kì thứ nhất tại Hà Nội và quyết định:

- + Lấy tên nước là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, thủ đô là Hà Nội. Quyết định quốc huy, quốc kì, quốc ca và đổi tên Tp. Sài Gòn thành Tp. Hồ Chí Minh.

- + Bầu các chức vụ lãnh đạo cao cấp: Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Chủ tịch UB thường vụ quốc hội Trường Chinh.

Như vậy, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành.

Ngày 31/01/1977, tại Tp. Hồ Chí Minh, mặt trận dân tộc ở cả hai miền đã họp và thống nhất thành mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Ngày 18/12/1980, hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua.

Câu 94: Trình bày việc mở rộng quan hệ quốc tế.

Việt Nam hòa bình thống nhất đã tạo điều kiện cho việc mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới: tính đến ngày 2/7/1976, ta đặt quan hệ với 94 nước, đến 31/12/1980 tăng lên 106 nước và đến 31/12/1989 là 114 nước.

Ngày 20/9/1977, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 149 của Liên Hiệp Quốc và là thành viên của 20 tổ chức quốc tế khác.

Bên cạnh những thuận lợi đó, hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn này cũng vấp phải khó khăn, thách thức lớn do chính sách bao vây cấm vận, chống phá của Mĩ và các thế lực thù địch cùng với chính sách “đóng cửa” của ta.

Câu 95: Trình bày công cuộc đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc.

1. Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam

Do có âm mưu từ trước, nên ngay sau khi giành được độc lập, tập đoàn Pôn-pôt (Khome đỏ) ở Campuchia đã quay súng bắn vào nhân dân ta: Ngày 03/5/1975, chúng đánh chiếm Phú Quốc, ngày 10/5/1975, chúng đánh chiếm đảo Thổ Chu.

Ngày 22/12/1978, chúng huy động 19/23 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Tây Ninh nhằm tiến sâu vào lãnh thổ nước ta.

Để tự vệ, ta đã tổ chức phản công và tiến công mạnh, tiêu diệt cánh quân xâm lược của địch, truy kích đến tận sào huyệt của chúng, làm tan rã đại bộ phận chủ lực của Khơme đỏ, lập lại hòa bình trên tuyến biên giới Tây Nam.

2. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc

Lấy cớ Việt Nam đưa quân sang Campuchia, từ năm 1978, Trung Quốc đã cắt viện trợ, rút chuyên gia về nước và đưa quân áp sát biên giới Việt – Trung khiêu khích ta.

Sáng 17/2/1979, Trung Quốc cho 32 sư đoàn mở cuộc tiến công xâm lược 6 tỉnh biên giới phía Bắc nước ta (Từ Móng Cái đến Lai Châu).

Để bảo vệ lãnh thổ tổ quốc, quân dân ta đã chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.

Trước sự phản công của ta và sự lên án mạnh mẽ của dư luận quốc tế cũng như nhân dân Trung Quốc, chính quyền Trung Quốc buộc phải rút quân khỏi nước ta từ ngày 05 đến 18/3/1979.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã diễn ra như thế nào từ sau đại thắng mùa xuân 1975. Ý nghĩa lịch sử.

(Xem thêm ở Phụ lục: Đề thi Đại học từ 2002 đến 2007).

BÀI 26

ĐẤT NƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI 1986 – 2000

Câu 96: Trình bày bối cảnh đề ra đường lối đổi mới và xây dựng đất nước trong thời kì quá độ.

Hơn 10 năm cả nước tiến hành xây dựng CNXH, Đảng và nhân dân ta vừa làm vừa tìm tòi thể nghiệm con đường XHCN. Kết quả là đã đạt được những thành tựu đáng kể trong các lĩnh vực. Song chúng ta cũng đã vấp phải những khó khăn to lớn và ngày càng gia tăng, làm cho đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng về mọi mặt.

Để khắc phục những sai lầm khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng và đẩy mạnh sự nghiệp CNXH tiến lên, đòi hỏi Đảng ta phải đổi mới.

Câu 97: Trình bày nội dung đường lối đổi mới và xây dựng đất nước trong thời kì quá độ

Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1996) đã đánh dấu sự mở đầu của thời kì đổi mới. Đây là đổi mới đất nước trong quá trình đi lên CNXH chứ không phải thay đổi mục tiêu CNXH. Đổi mới toàn diện, đồng bộ từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng – xã hội:

1. Đổi mới kinh tế

- Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành nghề, nhiều quy mô với hai bộ phận chủ yếu là công nghiệp và nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với nhau.
- Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Cải tạo quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế lạc hậu kìm hãm sự phát triển.
- Xóa bỏ cơ chế quản lí tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước.
- Thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế.

2. Đổi mới chính trị

- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân do Đảng cộng sản lãnh đạo.
- Xây dựng nền dân chủ XHCN, nhấn mạnh quan điểm “lấy dân làm gốc”.
- Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, chuyên chính đối với mọi hành động xâm phạm lợi ích của tổ quốc.
- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

Câu 98: Trình bày nhiệm vụ, mục tiêu, thành tựu và hạn chế trên lĩnh vực kinh tế ở đất nước ta trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước (Từ 1986 đến 1991).

Kế hoạch 5 năm 1986 – 1991: bước đầu công cuộc đổi mới

1. Nhiệm vụ, mục tiêu của Đại hội VI

Đại hội VI đã thay đổi nhận thức về CNXH khoa học, xác định lại thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta là cả một thời kì lịch sử lâu dài, khó khăn và trải qua nhiều chặng.

Đại hội VI đã đề ra “nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát” của chặng đường đầu tiên là “ổn định mọi mặt tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong chặng đường tiếp theo”.

Trước mắt, trong 5 năm 1986 – 1991, tập trung sức người, sức của, thực hiện những mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp là mặt trận hàng đầu.

2. Thành tựu và hạn chế bước đầu của công cuộc đổi mới (1986 - 1991)

*** Thành tựu**

Đường lối đổi mới của Đảng nhanh chóng được sự hưởng ứng rộng rãi của quần chúng nhân dân, huy động được sức mạnh của toàn xã hội vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội;

Đặc biệt là chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước đã thực sự phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, tăng sản phẩm cho xã hội:

- + Về lương thực thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập 45 vạn tấn gạo, đến năm 1990 chúng ta đã đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân.

- + Về hàng hóa trên thị trường, đặc biệt là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng, mẫu mã – chất lượng tiến bộ hơn trước, lưu thông tương đối thuận lợi.

- + Về kinh tế đối ngoại, phát triển mạnh và mở rộng hơn trước: từ năm 1986 đến 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần, hàng nhập khẩu giảm đáng kể.

- + Kiểm chế được một bước đà lạm phát, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

- + Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước.

Những thành tựu trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới đã chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

*** Hạn chế**

Đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội; nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát tuy có giảm, nhưng vẫn còn ở mức cao, thất nghiệp gia tăng.

Chế độ tiền lương còn bất hợp lí, mức sống của những người sống chủ yếu bằng lương và của một bộ phận nông dân bị giảm sút.

Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp tục xuống cấp, hiện tượng tham nhũng, hối lộ, bất công xã hội, vi phạm pháp luật, kỉ luật, kỉ cương... vẫn còn khá nặng nề và phổ biến.

Câu 99: Trình bày nhiệm vụ, mục tiêu, thành tựu và hạn chế trên lĩnh vực kinh tế ở đất nước ta trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước (Từ 1991 đến 2000).

Kế hoạch 5 năm 1991 – 1995: Tiếp tục sự nghiệp đổi mới

1. Nhiệm vụ, mục tiêu của Đại hội VII

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI và tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.

Đại hội VII thông qua “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội” và “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000”.

Nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế xã hội của kế hoạch 5 năm 1991 – 1995 là: ***“đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát. Ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội. Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế”***.

Để thực hiện mục tiêu trên, cần phải phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hóa.

2. Thành tựu và hạn chế bước đầu của công cuộc đổi mới (1991 - 1995)

*** Thành tựu**

Thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1991 – 1995), trên các lĩnh vực của sự nghiệp đổi mới, nhân dân ta đạt được những thành tựu và tiến bộ to lớn:

- *Nhịp độ phát triển kinh tế được đẩy mạnh, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1991 - 1995) đã hoàn thành vượt mức:*

Kinh tế tăng trưởng đạt trung bình 8,2%/ năm. Lạm phát được đẩy lùi, tỉ lệ thiếu hụt ngân sách được kiềm chế.

Các ngành dịch vụ năm 1995 tăng 80% so với 1990, vận tải hàng hóa tăng 62%.

- *Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng, nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh:* Trong 5 năm, xuất khẩu đạt 17 tỉ USD, nhập khẩu trên 21 tỉ USD. Vốn đầu tư tăng trung bình 50%.

- *Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, văn hóa – xã hội có những chuyển biến tích cực.*

- *Ổn định tình hình chính trị - xã hội, quốc phòng an ninh được củng cố.*

- *Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế.*

*** Hạn chế**

Nước ta vẫn còn là một trong những nước nghèo trên thế giới, trình độ khoa học kĩ thuật và công nghệ còn thấp.

Tình trạng tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, làm ăn phi pháp cũng như hiện tượng tiêu cực trong bộ máy nhà nước chưa được ngăn chặn triệt để.

Sự phân hóa giàu nghèo, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn.

Kế hoạch 5 năm 1996 – 2000: Đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa

1. Nhiệm vụ mục tiêu của Đại hội VII

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (7/1996) đã kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nghị quyết Đại hội VII và đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1996 – 2000 là:

Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội. Cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

2. Thành tựu và hạn chế bước đầu của công cuộc đổi mới (1996 - 2000)

*** Thành tựu**

Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực:

Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân 7%. Công nghiệp tăng bình quân 13,5%, nông nghiệp tăng 5,7%...

Cơ cấu các ngành kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển: xuất khẩu đạt 51,6 tỉ USD, nhập khẩu đạt 61 tỉ USD, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt khoảng 10 tỉ USD (tăng 1,5 lần so với 5 năm trước). Đặc biệt, đến năm 2000, Việt Nam đã có 40 dự án đầu tư ra nước ngoài.

Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.

Các lĩnh vực văn hóa – xã hội phát triển đáng kể.

Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng.

Những thành tựu và ưu điểm trong 5 năm (1996 - 2000) nói riêng và 15 năm đổi mới nói chung đã làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

*** Hạn chế**

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, năng suất lao động, sức cạnh tranh thấp.

Một số vấn đề văn hóa – xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết, tình trạng thất nghiệp còn cao, khoa học và công nghệ còn lạc hậu, chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tình trạng tham nhũng chưa khắc phục triệt để.

Câu hỏi và bài tập:

Câu 1: Hãy nêu những mốc lịch sử quan trọng nhất của đất nước ta từ khi có Đảng đến nay. Tại sao nói mỗi mốc lịch sử ấy có ý nghĩa đánh dấu một quá trình phát triển của Cách mạng Việt Nam?

Câu 2: Trình bày những thành tựu và hạn chế trên lĩnh vực kinh tế ở đất nước ta trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước (Từ 1986 đến 1991). *(Đề thi tuyển sinh ĐHSPTp. Hồ Chí Minh năm 1999)*

ĐỀ THI ĐẠI HỌC MÔN LỊCH SỬ QUA CÁC NĂM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2013**

Môn: LỊCH SỬ; Khối: C

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Trình bày sự chuyển biến về giai cấp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 2 (2,0 điểm)

Khi bước vào đông – xuân 1953 – 1954, Pháp – Mĩ có âm mưu và kế hoạch gì ở Đông Dương? Trước tình hình đó Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra phương hướng chiến lược như thế nào?

Câu 3 (3,0 điểm)

Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong việc thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) ở miền Nam Việt Nam là gì? Nêu những thắng lợi trên mặt trận quân sự của quân dân ta ở miền Nam Việt Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

II. PHẦN RIÊNG (3,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu của phần riêng (câu 4.a hoặc câu 4.b)

Câu 4.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm)

Nêu bản chất của toàn cầu hóa và những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa. Vì sao toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển?

Câu 4.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm)

Nêu những sự kiện chính trong mười năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai để làm rõ quá trình xác lập cục diện hai cực, hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cục diện đó là gì?

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2012

Môn: LỊCH SỬ; Khối: C

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp đã tác động như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam?

Câu 2 (2,0 điểm)

Từ năm 1919 đến năm 2000, lịch sử Việt Nam đã trải qua những thời kì nào? Khái quát nội dung chính của thời kì lịch sử diễn ra sự kiện quân và dân ta đập tan tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương của thực dân Pháp.

Câu 3 (3,0 điểm)

Cuối tháng 3 - 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có quyết định gì để hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam? Quyết định đó được đề ra dựa trên những cơ sở nào? Tóm tắt diễn biến của chiến dịch Hồ Chí Minh (tháng 4 - 1975).

II. PHẦN RIÊNG (3,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu của phần riêng (câu 4.a hoặc câu 4.b)

Câu 4.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm)

Khái quát chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thời kì Chiến tranh lạnh.

Câu 4.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm)

Từ năm 1950 đến năm 2000, vị thế ngày càng nâng cao trên trường quốc tế của Ấn Độ được thể hiện như thế nào trên lĩnh vực kinh tế, khoa học - kĩ thuật và chính sách đối ngoại?

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2011

Môn: LỊCH SỬ; Khối: C

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7,0 điểm)

Câu I (3,0 điểm)

Phân tích nguyên nhân ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành.

Câu II (2,0 điểm)

Luận cương chính trị tháng 10 – 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương có những điểm gì khác so với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam? Những vấn đề đó được giải quyết như thế nào trong giai đoạn 1939 – 1945?

Câu III (2,0 điểm)

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), nhân dân Việt Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút” bằng thắng lợi nào? Nêu tác động của thắng lợi đó đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam.

II. PHẦN RIÊNG (3,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IV.a hoặc IV.b)

Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm)

Khái quát quá trình hình thành và phát triển của tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh từ năm 1951 đến năm 2000.

Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm)

Tóm tắt sự ra đời của các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á trong năm 1945.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2010

Môn: LỊCH SỬ; Khối: C

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7,0 điểm)

Câu I (3,0 điểm)

Trình bày nội dung cơ bản chiến lược toàn cầu của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1973 và việc triển khai chiến lược đó ở Tây Âu trong những năm 1947 – 1949.

Câu II (2,0 điểm)

Nêu và nhận xét về nhiệm vụ và lực lượng cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu III (2,0 điểm)

Bằng những sự kiện lịch sử có chọn lọc từ năm 1941 đến năm 1945, hãy làm sáng tỏ vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

PHẦN RIÊNG (3,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IV.a hoặc IV.b)

Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm)

Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là chiến dịch nào ? Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, chủ trương của ta và ý nghĩa của chiến dịch đó.

Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm)

Cuộc tiến công chiến lược nào của quân và dân ta ở miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam ? Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, diễn biến và kết quả của cuộc tiến công đó.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2009

Môn: LỊCH SỬ; Khối: C

ĐỀ CHÍNH THỨC Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7,0 điểm)

Câu I (2,0 điểm)

Tóm tắt quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam phải theo con đường nào ?

Câu II (3,0 điểm)

Trình bày và nhận xét chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng được đề ra tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1 - 1930), Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930) và Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941).

Câu III (2,0 điểm)

Trong thời kì 1954 - 1975, phong trào đấu tranh nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công ? Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đó.

PHẦN RIÊNG (3,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IV.a hoặc IV.b)

Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm)

Hãy phân chia các giai đoạn của cách mạng Lào từ năm 1946 đến năm 1975 và tóm tắt diễn biến từng giai đoạn.

Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm)

Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:.....; Số báo danh:.....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2008

Môn thi: LỊCH SỬ, khối C

ĐỀ CHÍNH THỨC *Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề*

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2,5 điểm)

Trình bày tác động của hai sự kiện lịch sử sau đây đối với cách mạng Việt Nam thời kì 1939 –1945:

- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939);
- Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (8-1945).

Câu II (2,5 điểm)

Tại sao Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày 19-12-1946? Nêu ngắn gọn đường lối kháng chiến do Đảng ta đề ra trong những năm 1946 - 1947.

Câu III (3,0 điểm)

Cuối năm 1974 – mùa Xuân 1975, sau mỗi thắng lợi lớn trên chiến trường, Đảng ta đã có những chủ trương, quyết định nào để sớm giải phóng hoàn toàn miền Nam?

II. PHẦN RIÊNG Thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 câu: IV.a hoặc IV.b

Câu IV.a. Theo chương trình KHÔNG phân ban (2,0 điểm)

Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu IV.b. Theo chương trình phân ban (2,0 điểm)

Sự ra đời và hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

“Nếu bạn muốn thành công, phải lấy lòng kiên trì làm bạn tốt, lấy kinh nghiệm làm tham mưu, lấy cẩn thận làm anh em, lấy hy vọng làm lính gác”- THOMAS A.EDISON

*****CHÚC CÁC BẠN MAY MẮN*****